

2016




BarberCosmo
Board of Barbering & Cosmetology

Đạo luật và Quy định của
Hội đồng Nghề Làm tóc và
Thẩm mỹ Tiểu bang California

LƯU Ý

Ấn bản này bao gồm các quy chế và quy định chọn lọc của California về những điều cần chú ý đối với các chuyên viên ngành nghề làm tóc và thẩm mỹ được cập nhật đầy đủ theo pháp luật được ban hành cho đến tháng Một năm 2016. Các đề mục cho Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp và Bộ luật Quy chế California không phải là một phần của luật pháp; những bộ luật đó được cung cấp để dễ dàng tham khảo và thuận tiện. Mọi nỗ lực đã được thực hiện nhằm đảm bảo tính chính xác của ấn bản này, tuy nhiên ấn bản không có hiệu lực pháp lý. Nếu có bất kỳ sự khác biệt hay lỗi sai nào xảy ra, luật pháp sẽ được ưu tiên.

2016

Đạo luật

VÀ

Quy định Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ



BarberCosmo
Hội đồng Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ

TIỂU BANG CALIFORNIA



BỘ SỰ VỤ NGƯỜI TIỂU DÙNG

Việc bán lại Đạo luật và Quy định Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ năm 2016 bị nghiêm cấm; tất cả các bản sao phải được phát hành miễn phí.

Hướng dẫn cho phiên bản kỹ thuật số

Hãy nhấp vào biểu tượng 🏠 ở cuối mỗi trang để trở về Mục lục.

ĐẠO LUẬT NGHỀ LÀM TÓC VÀ THẨM MỸ

Chương 10, Khoản 3 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp California

Chuyên môn và Nghề nghiệp Tổng quát

Điều 1.	Quản lý	
7301.	Trích dẫn Chương	3
7302.	Định nghĩa	3
7303.	Hội đồng Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ Tiểu bang; Cán bộ Điều hành	3
7303.1.	Ưu tiên của Hội đồng; Bảo vệ Công chúng	4
7303.2.	Nghiên cứu và Xem xét được Ủy quyền; Báo cáo	4
7305.	Bầu cử Cán bộ Hàng năm	4
7309.	Văn phòng Chính và các Văn phòng Chi nhánh	4
7311.	Con dấu	5
7312.	Quyền hạn và Trách nhiệm của Hội đồng	5
7313.	Tiếp cận và Thanh tra các Cơ sở, Đơn vị Lưu động, và Trường học; Thông báo Vi phạm	5
7314.	Lưu trữ Hồ sơ	6
7314.3.	Ủy ban Cố vấn Y tế và An toàn	6
7315.	Quyền của Đa số trong việc Thực thi các Quyền	6
Điều 2.	Áp dụng Chương	
7316.	Hành nghề Làm tóc; Hành nghề Thẩm mỹ	7
7317.	Hành nghề Làm tóc, Thẩm mỹ hoặc Điện phân được Trả công không có Giấy phép	8
7318.	Miễn trừ đối với Hành nghề Ngoài Cơ sở Được cấp phép do Đau ốm hoặc Mất năng lực	9
7319.	Các Cá nhân được Miễn trừ tuân thủ theo Chương này	9
7319.5.	Miễn trừ đối với Học viên	10
7320.	Ủy quyền Hành nghề Y khoa hoặc Phẫu thuật	10



7320.1.	Sử dụng các Dụng cụ Kim loại trong Dịch vụ Chăm sóc Móng tay hoặc Móng chân	10
7320.2.	Sử dụng Trái phép Thiết bị X-quang	10
7320.3.	Tự nhận là Chuyên viên Thẩm mỹ	10
7320.4.	Tự nhận là Chuyên viên Làm tóc	10
7320.5.	Điều trị bằng Laser là Phạm tội Tiểu hình	10

Điều 3. Điều kiện Dự thi

7321.	Điều kiện Tham dự Kỳ thi	10
7321.5.	Điều kiện để được Cho phép Tham dự Kỳ thi Làm tóc	11
7324.	Điều kiện để được Cho phép Tham dự Kỳ thi Chuyên viên Chăm sóc da.	12
7326.	Điều kiện để được Cho phép Tham dự Kỳ thi Chuyên viên Chăm sóc móng.	12
7330.	Điều kiện để được Cho phép Tham dự Kỳ thi Chuyên viên Điện phân.	13
7331.	Cấp giấy phép Hành nghề cho Người nộp đơn Ngoài Tiểu bang .	13

Điều 4. Học nghề

7332.	“Người Học nghề”	14
7333.	Tiến hành một Chương trình Đào tạo Học nghề.	14
7334.	Cá nhân được Cấp phép Học nghề Làm tóc, Thẩm mỹ, Chăm sóc Da hoặc Móng hoặc Điện phân	14
7335.	Thời hạn của Giấy phép Học nghề.	15
7336.	Các Điều kiện mà Người học nghề Có thể Thực hành Theo đó.	15

Điều 5. Kỳ thi

7337.	Các Yêu cầu thủ tục về Đơn xin, Lệ phí	15
7337.5.	Thông qua Các Quy định; “Đơn đăng ký trước”; Kỳ thi Cấp Giấy phép.	16
7338.	Nội dung Kỳ thi	16
7340.	Chuẩn bị, Quản lý và Đánh giá các Kỳ thi	17
7341.	Gửi thư Thông báo Tổng Số điểm Thi trượt.	17
7342.	Cấp Giấy phép	17
7344.	Hợp đồng đối với Các Cơ sở Khảo thí.	17
7345.	Từ bỏ Đơn xin và Mất Lệ phí	18



Điều 6.	Cơ sở	
7346.	“Cơ sở”	18
7347.	Đơn xin Cấp Giấy phép Hoạt động cho Cơ sở.	18
7348.	Cơ sở thuộc Trách nhiệm của Người được cấp phép	18
7349.	Tuyển dụng Các Cá nhân Không có giấy phép	18
7349.1.	Sử dụng Sai lệch Cột biển hiệu Thợ làm tóc để Hành nghề Kinh doanh Gian lận.	19
7350.	Sử dụng Một phần Cơ sở cho Mục đích Cư trú	19
7351.	Trang bị và Duy trì Các Tiện nghi Đầy đủ	19
7352.	Tiện nghi Rửa tay	19
7353.	Thanh tra Việc Tuân thủ của Cơ sở	20
Điều 7.	Đơn vị Lưu động	
7354.	“Đơn vị Lưu động”	20
7355.	Đơn xin Cấp Giấy phép.	20
7356.	Đơn xin Chuyển Quyền Sở hữu hoặc Điều hành	21
7357.	Tuân thủ các Quy định; Thiết bị Bắt buộc.	21
7358.	Đơn vị Lưu động Chịu Trách nhiệm về Người được Cấp Giấy phép	22
7359.	Tuyển dụng Các Cá nhân Không có Giấy phép	22
7360.	Sử dụng Một phần Đơn vị Lưu động cho các Mục đích cư trú.	22
7361.	Áp dụng Các Điều khoản Chương.	22
Điều 8.	Trường học, Người Hướng dẫn và Chương trình Giảng dạy	
7362.	“Trường được Hội đồng Phê duyệt”	23
7362.1.	Yêu cầu Đối với Trường Thẩm mỹ được Phê duyệt	24
7362.2.	Yêu cầu Đối với Trường dạy Làm tóc được Phê duyệt	24
7362.3.	Yêu cầu Đối với Trường dạy Điện phân được Phê duyệt	24
7362.5.	Số giờ Đào tạo Thực hành và Hướng dẫn Kỹ thuật	25
7364.	Khóa học Chăm sóc Da; Số giờ Đào tạo Thực hành	25
7365.	Khóa học Chăm sóc Móng; Số giờ Đào tạo Thực hành	25
7366.	Khóa học Điện phân; Số giờ Đào tạo Thực hành.	25
7367.	Chuyển đổi Chứng chỉ.	25
7368.	Chỉ định Dịch vụ do Trường Cung cấp như là Công việc cho Học viên.	25
7389.	Khóa học về An toàn và Sức khỏe đối với các Chất Độc hại	25
7389.5.	Khóa học Làm tóc hoặc Thẩm mỹ do Các Cơ quan Cải huấn Liên bang hoặc Tiểu bang tại Tiểu bang Thiết lập	26



7395.1.	Thực tập sinh tại Các Cơ sở Thẩm mỹ.....	26
Điều 9. (Được bảo lưu)		
Điều 10. Giấy phép		
7396.	Mẫu và Nội dung của Giấy phép.....	28
7396.5.	Giấy phép Thử thách	28
7397.	Trung bày Giấy phép	29
7398.	Giấy phép Sao y.....	29
7399.	Giấy phép Tạm thời.....	29
7400.	Thông tin được Yêu cầu tại Thời điểm Đổi mới Giấy phép ...	29
7401.	Thông tin được Yêu cầu Báo cáo cho Hội đồng khi Đổi mới Giấy phép; Báo cáo của Hội đồng cho Cơ quan Lập pháp	29
7402.	Vi phạm Chương	30
7402.5.	Giấy phép Dịch vụ Cá nhân	30
Điều 11. Biện pháp Kỷ luật		
7403.	Thu hồi, Đình chỉ hoặc Từ chối Cấp Giấy phép.....	31
7403.2.	Đình chỉ Giấy phép Tạm thời; Giai đoạn Thử thách; Phục hồi. .	32
7403.5.	Đóng cửa Cơ sở Vi phạm An toàn và Sức khỏe	33
7404.	Các Căn cứ cho Hành động Kỷ luật	34
7404.1.	Vi phạm Chương	35
7405.	“Kết án”; Ảnh hưởng Đối với Giấy phép	35
Điều 12 Các Khoản phạt Hành chính và Trát Hưu tòa		
7406.	Ước định Khoản phạt Hành chính đối với Vi phạm	36
7407.	Bản liệt kê các Khoản phạt Hành chính	36
7408.	Trát Hưu tòa.....	36
7409.	Sửa chữa Vi phạm.....	36
7410.	Kháng cáo lên Ủy ban Xem xét Kỷ luật.....	37
7411.	Kháng cáo Quyết định của Ủy ban Xem xét Kỷ luật	37
7413.	Tính đúng hạn của Kháng cáo, Tính cuối cùng của Quyết định .	37
7414.	Hiệu lực của việc Không Nộp các Khoản phạt Hành chính ...	38
Điều 12.5. Cơ sở Nhuộm da nâu		
7414.1.	Thanh tra Hồ sơ được Yêu cầu Lưu giữ theo Đạo luật Cơ sở Nhuộm da nâu Filante năm 1988	38



7414.2.	Các Trường hợp Trong đó Việc Vi phạm Đạo luật Cơ sở Nhuộm da nâu Filante năm 1988 bị coi là Phạm luật; Hình phạt	38
7414.3.	Quyền Ban hành Thông báo Trình diện, Trách nhiệm đối với Việc Ban hành	39
7414.4.	Phổ biến Thông tin đến Các Cơ sở Về việc Tuân thủ Đạo luật Cơ sở Nhuộm da nâu Filante năm 1988	39
7414.5.	Áp dụng Điều luật	39
7414.6.	Thông qua các Quy định	39

Điều 13. Doanh thu

7415.	Hết Hiệu lực của Giấy phép	39
7417.	Thời gian Gia hạn đối với Giấy phép Hết hiệu lực	39
7418.	Giấy phép bị Hủy bỏ	40
7419.	Gia hạn Giấy phép bị Đình chỉ	40
7420.	Hết hiệu lực của Giấy phép bị Thu hồi.	40
7421.	Thiết lập Lệ phí	40
7422.	Báo cáo các Lệ phí cho Kiểm soát viên	40
7423.	Lệ phí.	41
7424.	Biểu phí cho Hoạt động của Cơ sở	42
7425.	Biểu phí cho Hoạt động của Đơn vị Lưu động	42
7426.	Lệ phí Giấy phép Sao y	42
7426.5.	Phân chia Lệ phí thành Các Hạng mục dựa trên Chức năng Xử lý; Tước Toàn bộ hoặc Một phần Lệ phí.	42

KHOẢN 1.5

Chương 1, Khoản 1.5 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp California

Từ chối, Đình chỉ và Thu hồi Giấy phép

Chương 1. Các Điều khoản Chung

475.	Áp dụng Khoản luật	43
476.	Miễn trừ	43
477.	“Hội đồng”; “Giấy phép”	43
478.	“Đơn xin”; “Tài liệu”	44



Chương 2. Từ chối Cấp phép

480. Cơ sở cho việc Từ chối; Hiệu lực của việc Đạt được
 Chứng nhận Phục hồi 44

480.5. Đơn xin Cấp phép: Giam giữ 45

481. Tội trạng và Tiêu chuẩn Phù hợp với Công việc 45

482. Tiêu chí Phục hồi 45

484. Chứng nhận Phẩm chất Đạo đức Tốt của Người nộp đơn 45

485. Thủ tục Từ chối 46

486. Nội dung của Quyết định hoặc Thông báo 46

487. Điều trần; Thời gian 46

488. Yêu cầu Điều trần 47

489. Từ chối Đơn xin mà Không có Điều trần 47

Chương 3 Đình chỉ và Thu hồi Giấy phép

490. Các Căn cứ để Đình chỉ hoặc Thu hồi 47

490.5. Đình chỉ Giấy phép do Không Tuân thủ Lệnh Cấp dưỡng
 Con cái 48

491. Thủ tục khi Đình chỉ hoặc Thu hồi 48

492. Hiệu lực của việc Hoàn thành Chương trình Chống Thuốc
 phiện trong Hành động Kỷ luật hoặc Từ chối Giấy phép 48

493. Hiệu lực Chứng từ của Hồ sơ Phạm tội Liên quan đến
 Suy đồi Đạo đức 49

494. Lệnh Đình chỉ Tạm thời hoặc Hạn chế 49

494.5. Các Hành động của Cơ quan khi Người được cấp phép có tên
 trong Danh sách Xác nhận; Các Định nghĩa: Thu thập và Ban
 hành Thông tin Danh sách Xác nhận; Thời hạn; Thông báo;
 Khước biện của Người nộp đơn và Người Được cấp phép;
 Đơn Miễn trừ; Hiệp định Liên ngành; Lệ phí; Biện pháp sửa
 chữa; Các Yêu cầu và Công bố thông tin; Tính riêng lẻ 52

494.6. Vi phạm Bộ luật Lao động - Cơ sở cho việc Kỷ luật Giấy phép . 59

Chương 4 Khiển trách Công khai

495. Khiển trách Công khai Người được Cấp phép hoặc Người
 có Chứng chỉ đối với Hành vi Cấu thành Cơ sở cho việc
 Đình chỉ hoặc Thu hồi Giấy phép hoặc Chứng chỉ; Thủ tục 59



Chương 5 An ninh Kỳ thi

496.	Căn cứ Từ chối, Đình chỉ hoặc Thu hồi Giấy phép	59
498.	Gian lận, Lừa đảo hoặc Xuyên tạc như là Cơ sở cho Hành động Chống lại Giấy phép	60
499.	Hành động Chống lại Giấy phép Trên Cơ sở Các Hành động của Người được Cấp phép Liên quan đến Đơn xin của Người khác	60

QUY ĐỊNH NGHỀ LÀM TÓC VÀ THẨM MỸ

Tiêu đề 16, Khoản 9 Bộ luật Quy chế Tiểu bang California

Hội đồng Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ

Điều 1.**Quản lý**

901.	Thời gian Xử lý các Đơn xin Dự thi và Cấp phép	62
902.	Thời gian Xử lý Đơn xin Học nghề	62
903.	Thời gian Xử lý Đơn xin của Cơ sở	63
904.	Thực thi.	64
905.	Niên yết Thông điệp Thông tin Người tiêu dùng	64

Điều 2.**Điều kiện Dự thi**

909.	Bằng chứng Đào tạo.	65
910.	Người nộp đơn Ngoài Tiểu bang hoặc thuộc Lực lượng Vũ trang	66

Điều 3.**Học nghề**

913.	Phê chuẩn Chương trình Đào tạo Học nghề	67
913.1.	Rút lại Phê duyệt: Nhà Bảo trợ Chương trình Học nghề	68
914.	Đệ trình Đơn xin Học nghề; Thời gian Xử lý.	69
914.1	Đệ trình Đơn xin Học nghề; Tính Đủ điều kiện	70
914.2	Đệ trình Đơn xin Học nghề; Đăng ký lại	70
915.	Đào tạo Liên quan.	70
916.	Số giờ và Lịch trình Đào tạo	71



917.	Đào tạo Trước Học nghề	72
918.	Người đào tạo Học nghề	72
919.	Những Người đào tạo và Cơ sở được Hội đồng Phê duyệt	72
920.	Ghi chép Đào tạo Người Học nghề.....	74
921.	Chương trình Giảng dạy Dành cho Khóa học Nghề Làm tóc... ..	74
921.1.	Chương trình Giảng dạy Dành cho Khóa học Nghề Thẩm mỹ .	76
921.2.	Chương trình Giảng dạy Dành cho Khóa học Nghề Đốt điện phân	79
922.	Chuyển đổi	81
923.	Nộp lại Giấy phép	81
924.	Hoàn tất Chương trình Đào tạo Học nghề	82
925.	Tuyên bố về Trách nhiệm của Người đào tạo	82
926.	Chứng chỉ Học nghề cho việc Đào tạo Trước đó	83
Điều 4.	Kỳ thi	
928.	Đơn đăng ký trước cho Kỳ thi	83
931.	Phiên dịch viên và Phiên dịch viên/Người mẫu.....	85
932.	Điểm Đậu trong Các Kỳ thi	86
934.	Khiếu nại Kỳ thi	87
Điều 5.	Đơn vị Lưu động	
937.	Cấp phép và Vận hành	87
Điều 6.	Trường học	
940.	Thiết bị cho các Trường	88
941.	Phê duyệt cho Trường	90
Điều 7.	Giáo dục Thường xuyên	
950.1.	Chương trình Giảng dạy dành cho Khóa học Làm tóc	90
950.2.	Chương trình Giảng dạy Dành cho Khóa học Thẩm mỹ.....	92
950.3.	Chương trình Giảng dạy Dành cho Khóa học Chăm sóc Da... ..	96
950.4.	Chương trình Giảng dạy Dành cho Khóa học Chăm sóc Móng .	98
950.5.	Chương trình Giảng dạy Dành cho Khóa học Điện phân	100
950.10.	Chứng chỉ cho Giấy phép Đặc biệt và Chuyển đổi Đào tạo ...	102
950.12.	Làm việc cho Khách hàng có Trả công	103
961.	Đào tạo Trực tuyến, Tài liệu và Sách tham khảo dành cho Học viên	104



Điều 8.5	Thực tập	
962.	Định nghĩa	104
962.1.	Thông báo Tham gia Chương trình Thực tập Thẩm mỹ	105
962.2.	Thẻ Nhận dạng Được Ép phiến của Trường	106
Điều 9.	Giấy phép	
965.	Trưng bày Giấy phép	106
Điều 10.	Thủ tục Kỹ luật	
969.	Ủy quyền Một số Chức năng	107
970.	Tiêu chí Quan hệ Đáng kể	107
971.	Tiêu chí Phục hồi.	107
972.	Hướng dẫn Kỹ luật	108
973.	Cơ sở cho việc Đình chỉ Tức thời.	109
973.1.	Thủ tục Ban hành Đình chỉ Tức thời.	109
973.2.	Nội dung của Thông báo Đình chỉ Tức thời	109
973.3.	Điều khoản và Điều kiện của Thử thách.	110
973.4.	Định nghĩa Đào tạo Sửa chữa.	110
973.5.	Phê duyệt Khóa Đào tạo Sửa chữa	110
973.6.	Quy trình Khiếu nại.	111
Điều 11.	Các Khoản phạt Hành chính và Trát Hưu tòa	
974.	Biểu phí Các Khoản phạt Hành chính	112
974.1.	Ủy ban Xem xét Kỹ luật	116
974.2.	Kháng cáo lên Ủy ban Xem xét Kỹ luật.	116
975.	Lý do Chính đáng cho việc Không Xuất hiện tại Phiên điều trần	117
976.	Trát hưu tòa; Hoạt động Không được Cấp phép	118
Điều 12.	Sức khỏe và An toàn	
977.	Các Định nghĩa về Sức khỏe và An toàn	118
978.	Thiết bị và Vật dụng Tối thiểu	119
979.	Khử trùng các Dụng cụ Không dùng Điện	120
980.	Khử trùng các Dụng cụ Điện	121
980.1.	Quy trình Làm sạch và Khử trùng Bồn ngâm chân Xoáy nước và Bồn Phun khí	121
980.2.	Quy trình Làm sạch và Khử trùng Bồn ngâm chân Không ống .	123



980.3.	Quy trình Làm sạch và Khử trùng Bồn ngâm chân Không có Xoáy nước hoặc Chậu	124
980.4	Tắm lót Bồn hoặc Chậu Ngâm chân Dùng một lần.....	125
981.	Dụng cụ và Vật dụng	126
982.	Khử trùng Dụng cụ Điện phân	126
983.	Tình trạng Sạch sẽ Cá nhân	127
984.	Bệnh tật và Nhiễm Ký sinh	127
985.	Khăn lót Cổ.....	128
986.	Chổi Quét bụi cho Cổ và Cọ	128
987.	Khăn	129
988.	Dung dịch, Kem, Phấn và Mỹ phẩm.....	129
989.	Chất Độc hại/Sử dụng Sản phẩm Bị cấm	129
990.	Gối tựa đầu, Khay gội đầu, Bát, và Bàn trị liệu	130
991.	Thủ thuật Xâm lấn	130
992.	Lột tẩy Da	130
993.	Các Dụng cụ Bị cấm	131
994.	Tình trạng Sạch sẽ và Giữ gìn tốt.....	131
995.	Tiêu chuẩn Xây dựng	131
998.	Biểu phí.....	132
Điều 13.	Doanh thu	
999.	Phí cho Chi phiếu Bị từ chối Thanh toán.....	133



ĐẠO LUẬT NGHỀ LÀM TÓC VÀ THẨM MỸ

ĐẠO LUẬT



**Chương 10, Khoản 3
Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp California**

Và

**Chương 1, Khoản 1.5
Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp California**

Bao gồm các sửa đổi cho đến tháng 01 năm 2016





CHƯƠNG 10 NGHỀ LÀM TÓC VÀ THẨM MỸ

ĐIỀU 1 Quản lý

7301. Trích dẫn Chương

Chương này cấu thành chương về chăm sóc tóc, da, móng, và điện phân và có thể được biết đến và được trích dẫn là Đạo luật Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ.

7302. Định nghĩa

Các định nghĩa sau đây được áp dụng cho các mục đích của chương này:

- (a) “Bộ” nghĩa là Bộ Sự vụ Người tiêu dùng.
- (b) “Giám đốc” nghĩa là Giám đốc Bộ Sự vụ Người tiêu dùng.
- (c) “Hội đồng” hoặc “Hiệp hội” nghĩa là Hội đồng Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ Tiểu bang.
- (d) “Cán bộ Điều hành” nghĩa là cán bộ điều hành của Hội đồng Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ Tiểu bang.

7303. Hội đồng Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ Tiểu bang; Cán bộ điều hành

(a) Bất kể Điều 8 (mở đầu bằng Mục 9148) của Chương 1.5 Phần 1 Khoản 2 Tiêu đề 2 Bộ luật Chính phủ, Bộ Sự vụ Người tiêu dùng Hội đồng Làm tóc và Thẩm mỹ Tiểu bang được trao quyền quản lý chương này.

(b) Hội đồng gồm chín thành viên. Năm người là thành viên công chúng, và bốn thành viên là đại diện ngành nghề. Thống đốc sẽ bổ nhiệm ba trong số các thành viên công chúng và bốn thành viên ngành nghề. Ủy ban Thượng viện về các Quy tắc và Chủ tịch Hạ viện mỗi bên sẽ bổ nhiệm một thành viên công chúng. Các thành viên của Hội đồng sẽ được bổ nhiệm cho một nhiệm kỳ bốn năm, ngoại trừ các thành viên do Thống đốc bổ nhiệm, hai thành viên công chúng và hai thành viên ngành nghề sẽ được bổ nhiệm cho một nhiệm kỳ đầu hai năm. Không thành viên hội đồng nào được phục vụ lâu hơn hai nhiệm kỳ liên tiếp.

(c) Hội đồng sẽ bổ nhiệm một cán bộ điều hành được miễn công vụ. Cán bộ điều hành này sẽ sử dụng quyền hạn và thực thi các nhiệm vụ do Hội đồng ủy quyền và được giao phó theo chương này. Việc bổ nhiệm cán bộ điều hành tùy thuộc vào sự chấp thuận của giám đốc. Trong trường hợp một hội đồng được ủy quyền mới thay thế cho một hiệp hội hiện thời hoặc trước đó, giám đốc có thể bổ nhiệm một cán bộ điều hành tạm thời cho hội đồng để phục vụ tạm thời cho đến khi hội đồng mới bổ nhiệm một cán bộ điều hành chính thức.



(d) Cán bộ điều hành sẽ sắp xếp các giám khảo, thanh tra, và những cán bộ khác cần thiết để thực thi các điều khoản của chương này.

(e) Mục này sẽ chỉ có hiệu lực đến ngày 01 tháng 01 năm 2020, và vào ngày đó sẽ bị bãi bỏ, trừ khi có một quy chế được ban hành sau đó, nghĩa là được ban hành trước ngày 01 tháng 01 năm 2020, xóa bỏ hoặc kéo dài thời hạn trên. Bất kể các điều luật khác, việc bãi bỏ mục này sẽ khiến cho hội đồng chịu sự xem xét bởi các ủy ban chính sách phù hợp của Cơ quan lập pháp.

7303.1. Ưu tiên của Hội đồng; Bảo vệ Công chúng

Bảo vệ công chúng là ưu tiên cao nhất của Hội đồng Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ trong việc thực hiện các chức năng cấp phép, quy định, và xử lý kỷ luật. Bất cứ khi nào việc bảo vệ công chúng mâu thuẫn với những lợi ích khác được cho là đang tăng lên, việc bảo vệ công chúng sẽ là tối thượng.

7303.2. Nghiên cứu và Xem xét được Ủy quyền; Báo cáo

Hội đồng sẽ tiến hành các xem xét sau đây, và sẽ báo cáo các phát hiện và đề xuất của mình tới Ủy ban Kinh doanh và Nghề nghiệp của Hạ viện và Ủy ban Kinh doanh, Nghề nghiệp và Phát triển Kinh tế của Thượng viện chậm nhất vào ngày 01 tháng 11 năm 2018:

(a) Hội đồng, chiếu theo Mục 139, phải xem xét yêu cầu đào tạo 1.600 giờ đối với chuyên viên thẩm mỹ, tiến hành phân tích nghề nghiệp ngành thẩm mỹ tại California, và tiến hành rà soát kỳ thi viết quốc gia dành cho các chuyên viên thẩm mỹ và kỳ thi thực hành, để đánh giá xem cả hai kỳ thi có đánh giá được năng lực quan trọng dành cho các chuyên viên thẩm mỹ California và đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm tra nghề nghiệp hay không.

(b) Hội đồng phải xem xét kỳ thi ngôn ngữ Tây Ban Nha nếu, vào ngày 01 tháng 01 năm 2016, tỷ lệ đậu của những người nói tiếng Tây Ban Nha không tăng so với tỉ lệ đậu trung bình đối với tất cả các kỳ thi ngôn ngữ khác trong khoảng thời gian hai năm trước ngày 01 tháng 01 năm 2016.

7305. Bầu cử Cán bộ Hàng năm

Hội đồng sẽ bầu cử các cán bộ hàng năm từ các thành viên của mình, mỗi người sẽ nắm giữ chức vụ trong nhiệm kỳ một năm. Một cán bộ không được phục vụ ở một vị trí cụ thể hơn hai nhiệm kỳ.

7309. Văn phòng Chính và các Văn phòng Chi nhánh

Hội đồng phải thiết lập một văn phòng chính, và có thể thành lập các văn phòng chi nhánh và các cơ sở khảo thí trong tiểu bang mà có thể là cần thiết để hội đồng tiến hành công việc.



7311. Con dấu

Hội đồng sẽ thông qua và sử dụng một con dấu chung để chứng thực các hồ sơ của hội đồng.

7312. Quyền hạn và Trách nhiệm của Hội đồng

Hội đồng sẽ thực hiện tất cả những điều sau đây:

(a) Thiết lập các quy tắc và quy định về hỗ trợ hoặc xúc tiến chương này theo Đạo Luật về Thủ tục Hành chính.

(b) Chỉ đạo và quản lý các kỳ thi dành cho những người xin cấp giấy phép.

(c) Cấp giấy phép cho những người xin giấy phép và được chấp thuận.

(d) Kỷ luật những người được xác định đã vi phạm chương này hoặc các quy định được thông qua chiếu theo chương này.

(e) Thông qua các quy tắc quản lý các điều kiện vệ sinh và biện pháp phòng ngừa được sử dụng một cách cần thiết hợp lý để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của công chúng tại các cơ sở, trường học được hội đồng phê duyệt, và trong khi thực hành các ngành nghề được nêu ra trong Chương này. Các quy tắc phải được thông qua theo Đạo luật về Quản lý Hành chính, Chương 3.5 (mở đầu bằng Mục 11340) Tiêu đề 2 Bộ luật Chính phủ, và phải được đệ trình lên Bộ Dịch vụ Y tế Tiểu bang và được Bộ chấp thuận trước khi đệ trình tới Tổng Thư ký Tiểu bang. Một bản sao bằng văn bản của tất cả những quy tắc đó sẽ được cung cấp đến những người được cấp phép.

7313. Tiếp cận và Thanh tra các Cơ sở, Đơn vị Lưu động, và Trường học; Thông báo Vi phạm

(a) (1) Để đảm bảo việc tuân thủ các luật lệ và quy định của chương này, cán bộ điều hành của hội đồng và người đại diện được ủy quyền, ngoại trừ trường hợp được quy định trong Mục 159.5, có quyền tiếp cận và sẽ thanh tra bất kỳ cơ sở hoặc đơn vị lưu động nào trong giờ làm việc hoặc bất cứ khi nào các dịch vụ cắt tóc, thẩm mỹ, hoặc điện phân đang được thực hiện. Mục đích của Cơ quan Lập pháp là việc thanh tra được tiến hành vào các ngày thứ Bảy và Chủ Nhật cũng như các ngày trong tuần, nếu các thỏa thuận thương lượng tập thể và các điều khoản dịch vụ dân sự cho phép.

(2) Hội đồng phải duy trì một chương trình thanh tra các cơ sở một cách ngẫu nhiên và có mục tiêu nhằm đảm bảo việc tuân thủ các luật lệ liên quan đến y tế và an toàn công cộng cũng như việc chỉ đạo và hoạt động của các cơ sở. Hội đồng hoặc người đại diện được ủy quyền sẽ thanh tra các cơ sở để xác định hợp lý mức độ tuân thủ và làm rõ các điều kiện thị trường đòi hỏi việc thực thi có mục đích. Hội đồng sẽ không giảm số lượng nhân viên được phân công thực hiện các cuộc thanh tra ngẫu nhiên, thanh tra có mục tiêu, và các cuộc điều tra liên quan đến các hoạt động trong lĩnh vực dưới mức được tài trợ bởi Đạo luật về Ngân sách hàng năm và được mô tả trong các tài liệu ngân sách hỗ trợ, cũng như sẽ không chuyển các nguồn quỹ hoặc năm công tác được phân bổ cho những mục đích thanh tra và điều tra



đó sang các mục đích khác.

(b) Để đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu về sức khỏe và an toàn đã được hội đồng thông qua, cán bộ điều hành và đại diện được ủy quyền, trừ trường hợp được quy định trong Mục 159.5, có quyền tiếp cận và sẽ thanh tra các cơ sở của tất cả các trường có thực hành việc làm tóc, thẩm mỹ, hoặc điện phân trên công chúng. Thông báo vi phạm sẽ được gửi đến trường đã vi phạm các quy định về quản lý các điều kiện liên quan đến sức khỏe và sự an toàn của khách hàng. Mỗi thông báo sẽ chỉ rõ mục vi phạm và thời hạn để sửa chữa các vi phạm đó. Một bản sao của thông báo vi phạm sẽ được gửi đến Cục Giáo dục Sau Trung học Tư thục và Dạy nghề.

(c) Với sự ủy quyền trước bằng văn bản từ hội đồng hoặc cán bộ điều hành, bất cứ thành viên nào của hội đồng đều có thể vào và thăm viếng, với tư cách là một thành viên hội đồng, bất cứ cơ sở nào, trong giờ làm việc hoặc bất cứ khi nào các dịch vụ làm tóc, thẩm mỹ, hoặc điện phân đang được thực hiện. Việc viếng thăm của thành viên hội đồng phải nhằm mục đích tiến hành công việc của hội đồng một cách chính thức, nhưng không được sử dụng làm cơ sở cho bất kỳ hành vi kỷ luật cấp phép nào từ phía hội đồng.

(d) Hội đồng sẽ thông qua một phương thức để thanh tra các cơ sở khi thanh tra viên gặp khó khăn trong việc hiểu hoặc giao tiếp với chủ cơ sở, người quản lý, hoặc nhân viên của cơ sở đó do rào cản ngôn ngữ. Hội đồng sẽ đánh giá phương thức này hai năm một lần để đảm bảo phương thức vẫn hiện hành.

7314. Lưu trữ Hồ sơ

Hội đồng sẽ lưu trữ các hồ sơ biên bản liên quan đến các cuộc họp công cộng, các cuộc họp của các ủy ban, và hồ sơ liên quan đến việc ban hành, từ chối, đổi mới, đình chỉ và thu hồi giấy phép.

Hội đồng sẽ lưu trữ hồ sơ đăng ký của từng người được cấp phép trong đó có tên, địa chỉ, số giấy phép và ngày cấp. Hồ sơ này cũng bao gồm các yếu tố khác mà người nộp đơn có thể đã trình bày trong đơn xin dự thi cấp phép.

7314.3. Ủy ban Cố vấn Y tế và An toàn

Hội đồng phải thành lập một Ủy ban Cố vấn Y tế và An toàn để cung cấp cho hội đồng những lời khuyên và khuyến nghị về các vấn đề sức khỏe và an toàn trước hội đồng.

7315. Quyền của Đa số trong việc Thực thi các Quyền

Phần đa số trong hội đồng có thể, trong bất kỳ cuộc họp nào được nhận thấy phù hợp chiếu theo Đạo luật Hợp Mở Bagley-Keene, thực hiện mọi trách nhiệm và quyền được giao cho hội đồng.



ĐIỀU 2

Áp dụng Chương

7316. Hành nghề Làm tóc; Hành nghề Thẩm mỹ

(a) Việc hành nghề làm tóc là toàn bộ hoặc kết hợp bất kỳ các công việc sau đây:

(1) Cạo hoặc tỉa râu hoặc cắt tóc.

(2) Mát-xa mặt và da đầu hoặc điều trị với dầu, kem, sữa dưỡng hoặc các chế phẩm khác bằng tay hoặc dụng cụ cơ học.

(3) Đốt, gội, chỉnh sửa, chải, làm xoăn, uốn, uốn bằng hóa chất, duỗi hoặc nhuộm tóc hoặc đắp dưỡng chất cho tóc.

(4) Sử dụng các chế phẩm, chất khử trùng, phấn, dầu, đất sét hoặc sữa dưỡng cho da đầu, mặt hoặc cổ.

(5) Tạo kiểu cho tất cả các kết cấu tóc bằng các phương pháp tiêu chuẩn hiện hành tại thời điểm tạo kiểu tóc.

(b) Việc hành nghề thẩm mỹ là toàn bộ hoặc kết hợp bất kỳ các công việc sau đây:

(1) Chỉnh sửa, chải, làm xoăn, uốn, uốn vĩnh viễn không dùng máy, uốn vĩnh viễn, làm sạch, cắt, gội, duỗi, đốt, tẩy, nhuộm màu nhẹ, tạo màu, ép thẳng, nhuộm, đắp dưỡng chất, làm đẹp hoặc các điều trị khác bằng mọi cách đối với tóc của bất kỳ ai.

(2) Mát-xa, làm sạch hoặc kích thích da đầu, mặt, cổ, cánh tay hoặc phần thân trên bằng tay, các thiết bị, máy móc hoặc các dụng cụ có hoặc không sử dụng chế phẩm, chất khử trùng, tinh chất, sữa dưỡng hoặc kem.

(3) Làm đẹp mặt, cổ, cánh tay hoặc phần thân trên bằng cách sử dụng chế phẩm, chất khử trùng, tinh chất, sữa dưỡng hoặc kem.

(4) Loại bỏ lông tóc thừa trên cơ thể của bất kỳ người nào bằng cách sử dụng các loại thuốc tẩy lông hoặc kẹp nhíp, hóa chất, chế phẩm hoặc bằng bất kỳ kiểu/ loại dụng cụ, thiết bị nào, trừ việc sử dụng sóng ánh sáng, thường được gọi là tia.

(5) Cắt, tỉa, đánh bóng, nhuộm, tạo màu, làm sạch hoặc chăm sóc móng của bất kỳ ai.

(6) Mát-xa, làm sạch, điều trị hoặc làm đẹp tay, chân của bất kỳ ai.

(c) Trong hành nghề thẩm mỹ có các nhánh chuyên biệt về chăm sóc da và chăm sóc móng.

(1) Chăm sóc da là bất kỳ một hoặc nhiều các công việc dưới đây:

(A) Làm mặt, trang điểm, chăm sóc da, tẩy lông thừa trên cơ thể của bất kỳ người nào bằng cách sử dụng các loại thuốc tẩy lông, kẹp nhíp hoặc sáp hoặc gắn lông mi cho bất kỳ ai.

(B) Làm đẹp mặt, cổ, cánh tay hoặc phần thân trên bằng cách sử dụng các chế phẩm, chất khử trùng, tinh chất, sữa dưỡng hoặc kem.



(C) Mát-xa, làm sạch hoặc kích thích mặt, cổ, cánh tay hoặc phần thân trên bằng tay, các thiết bị, máy móc hoặc các dụng cụ có hoặc không sử dụng các chế phẩm, chất khử trùng, tinh chất, sữa dưỡng hoặc kem.

(2) Chăm sóc móng là thực hành cắt, tỉa, đánh bóng, sơn màu, nhuộm, làm sạch, chăm sóc móng tay hoặc chăm sóc móng chân của bất kỳ ai hoặc mát-xa, làm sạch, hoặc làm đẹp từ khuỷu tay đến đầu ngón tay hoặc từ đầu gối đến ngón chân của bất kỳ ai.

(d) Hành nghề làm tóc và hành nghề thẩm mỹ không bao gồm các công việc sau đây:

(1) Buôn bán, chỉnh sửa hoặc tạo kiểu tóc giả hay phần tóc.

(2) Tắt tóc tự nhiên. Tắt tóc tự nhiên là phương pháp tạo sức ép lên sợi tóc hoặc chân tóc bằng cách xoắn, quấn, đan, kéo, cột hoặc tết tóc bằng tay hoặc thiết bị máy móc, miễn là dịch vụ này không bao gồm việc cắt tóc hoặc sử dụng thuốc nhuộm, hóa chất phản ứng hoặc các chế phẩm khác để đổi màu tóc hoặc để làm thẳng, làm xoắn hoặc thay đổi cấu trúc tóc.

(3) Se lông. Se lông là một kỹ thuật giúp loại bỏ lông bằng cách xoắn sợi chỉ quanh phần lông không mong muốn và nhỏ nó ra khỏi da và tia lông mày thừa.

(e) Bất kể đoạn (2) tiểu khoản (d), một người tham gia vào việc tạo kiểu tóc tự nhiên, được định nghĩa trong điều khoản về các dịch vụ tết tóc tự nhiên cùng bất kỳ dịch vụ hoặc quy trình nào được định nghĩa trong hành nghề làm tóc hoặc thẩm mỹ được quy định, đều phải tuân thủ quy định chiểu theo chương này và phải đạt được cũng như duy trì giấy phép hành nghề làm tóc hoặc thẩm mỹ áp dụng cho các dịch vụ được đưa ra hay thực hiện tương ứng.

(f) Điện phân là thực hành loại bỏ hoặc phá hủy lông tóc trên cơ thể người chỉ bằng cách sử dụng kim điện.

Thuật ngữ “Điện phân” được sử dụng trong chương này bao gồm điện phân và nhiệt phân.

7317. Hành nghề Làm tóc, Thẩm mỹ hoặc Điện phân được Trả công không có Giấy phép

Trừ trường hợp được quy định trong điều này, việc bất kỳ cá nhân, công ty hay tổ chức nào tham gia hoạt động làm tóc, thẩm mỹ hay điện phân có thù lao mà không có giấy phép hợp lệ, còn hạn do hội đồng cấp, hoặc trong một cơ sở hay đơn vị lưu động ngoài nơi được hội đồng cấp phép, hoặc quản lý hay điều hành một cơ sở, hay bất kỳ địa điểm kinh doanh nào khác có hành nghề làm tóc, thẩm mỹ, hoặc điện phân trừ phi được cấp phép theo chương này, đều được xem là bất hợp pháp. Những người được cấp phép theo chương này phải giới hạn hành nghề và dịch vụ cung cấp cho công chúng chỉ ở những khu vực mà họ được cấp phép. Bất kỳ hành vi vi phạm nào đối với mục này sẽ bị phạt hành chính và có thể bị quy thành một tội tiểu hình.



7318. Miễn trừ đối với Hành nghề Ngoài Cơ sở Được cấp phép do Đau ốm hoặc Mất năng lực

Chương này không ngăn cấm việc quản lý hành nghề theo chương này ngoài cơ sở được cấp phép, trong trường hợp cần thiết do khách hàng bị ốm hoặc mất năng lực thể chất hoặc tinh thần, và khi được thực hiện bởi một người được cấp giấy phép cho mục đích của cơ sở được cấp phép.

7319. Các Cá nhân được Miễn trừ tuân thủ theo Chương này

Các cá nhân dưới đây được miễn trừ tuân thủ theo chương này:

(a) Mọi cá nhân được luật pháp của tiểu bang ủy quyền hành nghề thuốc, phẫu thuật, nha khoa, dược, thuốc nắn xương, nắn khớp, chữa bệnh bằng liệu pháp tự nhiên, chữa bệnh chân hay điều dưỡng và hoạt động trong phạm vi hành nghề mà họ được cấp phép.

(b) Sĩ quan thuộc Quân đội, Hải quân, Không quân, Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ, các thành viên của Dịch vụ Y tế Công cộng Hoa Kỳ, và những người phục vụ gắn với các ban ngành trên khi được tham gia vào việc thi hành thực tế nhiệm vụ chính thức của họ.

(c) Các cá nhân được thuê để thực hiện các dịch vụ làm tóc, thẩm mỹ hoặc điện phân trong và thứ yếu theo công việc của chủ thuê liên quan tới ngành sân khấu, phát thanh, truyền hình hoặc sản xuất phim ảnh.

(d) Các cá nhân liên quan đến hành nghề trong phạm vi của mình khi thực hiện bên ngoài cơ sở được cấp phép nhưng không nhận thù lao.

(e) Các cá nhân liên quan tới việc quản lý các sản phẩm về tóc, da hoặc móng nhằm mục đích duy nhất là giới thiệu, trưng bày hoặc bán các sản phẩm đó.

(f) Các cá nhân thực hiện các dịch vụ làm tóc hoặc thẩm mỹ trong một chương trình nội bộ trong hoặc thứ yếu khi tổng giam hoặc bắt giữ tù nhân, phạm nhân hoặc người bị kết án phạm tội.

Tuy nhiên, toàn bộ các điều kiện sau sẽ được áp dụng:

(1) Những cá nhân đó phải hoàn thành khóa đào tạo làm tóc do Bộ Cải huấn phát triển và được Bộ Sự vụ Người tiêu dùng chấp thuận về bảo dưỡng đúng cách các thiết bị và ngăn ngừa các bệnh truyền nhiễm.

(2) Những cá nhân đó phải thi đậu kỳ khảo sát do Bộ Cải huấn phát triển và quản lý về bảo dưỡng đúng cách các thiết bị và ngăn ngừa các bệnh truyền nhiễm.

(3) Tất cả các cơ sở làm tóc nằm trong các cơ quan cải huấn phải tuân thủ mọi tiêu chuẩn y tế và an toàn vệ sinh phù hợp theo quy định của Bộ Cải huấn.



7319.5. Miễn trừ đối với Học viên

Các học viên tham gia thực hiện các dịch vụ trên công chúng khi được nhận vào một trường được hội đồng phê duyệt sẽ không bắt buộc phải được cấp giấy phép theo chương này nếu họ thực hiện các dịch vụ đó tại trường được phê duyệt nơi mà họ được nhận.

7320. Ủy quyền Hành nghề Y khoa hoặc Phẫu thuật

Chương này không trao quyền cho việc hành nghề y khoa hay phẫu thuật.

7320.1. Sử dụng các Dụng cụ Kim loại trong Dịch vụ Chăm sóc Móng tay hoặc Móng chân

Khi chăm sóc móng tay hoặc móng chân, không được sử dụng các dụng cụ kim loại trừ các dụng cụ kim loại cần thiết để cắt, tỉa, làm móng tay hoặc móng chân hoặc da móng hoặc để làm mịn và mát-xa tay và chân.

7320.2. Sử dụng Trái phép Thiết bị X-quang

Bất kỳ người được cấp phép nào sử dụng thiết bị, dụng cụ hoặc máy móc X-quang trong việc điều trị cho con người hoặc nhằm mục đích hoặc với ý định loại bỏ lông tóc thừa trên mặt hoặc cơ thể người, hoặc những ai sử dụng trên bất kỳ người nào dung dịch phenol nhiều hơn 10 phần trăm, hoặc sản phẩm thăng hoa ăn mòn (thủy ngân) hoặc bất kỳ chế phẩm, dẫn xuất hay hợp chất nào ở dạng dung dịch lớn hơn một phần năm trăm, sẽ được coi là phạm tội tiểu hình.

7320.3. Tự nhận là Chuyên viên Thẩm mỹ

Các cá nhân không được cấp phép thực hiện các công việc của một chuyên viên thẩm mỹ không thể tự nhận mình là chuyên viên thẩm mỹ.

7320.4. Tự nhận là Chuyên viên Làm tóc

Các cá nhân không được cấp phép hành nghề làm tóc tại tiểu bang này không thể tự nhận mình là chuyên viên làm tóc.

7320.5. Điều trị bằng Laser là Phạm tội Tiểu hình

Bất cứ người được cấp phép nào sử dụng laser trong điều trị cho người sẽ được coi là phạm tội tiểu hình.

ĐIỀU 3**Điều kiện Dự thi****7321. Điều kiện Tham dự Kỳ thi**

Hội đồng sẽ cho phép tham dự kỳ thi lấy giấy phép trở thành chuyên viên thẩm mỹ để hành nghề thẩm mỹ đối với bất kỳ cá nhân nào đã làm đơn gửi tới hội đồng theo đúng mẫu, đã thanh toán lệ phí theo quy định trong



chương này và đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- (a) Không dưới 17 tuổi.
- (b) Đã học xong lớp 10 tại các trường công lập thuộc tiểu bang này hoặc tương đương.
- (c) Không bị từ chối chiếu theo Mục 480.
- (d) Đã thực hiện bất kỳ điều nào sau đây:
 - (1) Đã hoàn thành một khóa học về thẩm mỹ tại một trường được hội đồng phê duyệt.
 - (2) Đã thực hành thẩm mỹ theo quy định tại chương này ngoài phạm vi tiểu bang trong một khoảng thời gian tương đương với việc học tập và đào tạo của một người có trình độ đã hoàn thành một khóa học về thẩm mỹ tại một trường có chương trình giảng dạy tuân thủ các yêu cầu được hội đồng thông qua. Mỗi kỳ thực hành ba tháng sẽ được xem là tương đương với 100 giờ đào tạo trình độ chuyên môn theo đoạn (1) của tiểu khoản này.
 - (3) Có giấy phép hành nghề làm tóc tại tiểu bang này và đã hoàn thành một khóa học kết hợp thẩm mỹ tại một trường được hội đồng phê duyệt.
 - (4) Đã hoàn thành một khóa học về làm tóc tại một trường được hội đồng phê duyệt và đã hoàn thành một khóa học kết hợp thẩm mỹ tại một trường được hội đồng phê duyệt.
 - (5) Đã hoàn thành chương trình học nghề thẩm mỹ theo quy định tại Điều 4 (mở đầu bằng Mục 7332).

7321.5. Điều kiện để được Cho phép Tham dự Kỳ thi Làm tóc

Hội đồng sẽ cho phép tham dự kỳ thi lấy giấy phép trở thành chuyên viên làm tóc để hành nghề làm tóc đối với bất kỳ cá nhân nào đã làm đơn gửi tới hội đồng theo đúng mẫu, đã thanh toán lệ phí theo quy định trong chương này và đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- (a) Không dưới 17 tuổi.
- (b) Đã học xong lớp 10 tại các trường công lập thuộc tiểu bang này hoặc tương đương.
- (c) Không bị từ chối chiếu theo Mục 480.
- (d) Đã thực hiện bất kỳ điều nào sau đây:
 - (1) Đã hoàn thành một khóa học về làm tóc tại một trường được hội đồng phê duyệt.
 - (2) Đã hoàn thành một chương trình học nghề làm tóc được hội đồng phê duyệt thực hiện theo quy định của Đạo luật Tiêu chuẩn Lao động Học nghề Shelley-Maloney năm 1939, Chương 4 (mở đầu bằng Mục 3070), Khoản 3 Bộ luật Lao động.
 - (3) Đã thực hành làm tóc theo quy định tại chương này ngoài phạm vi tiểu bang trong một khoảng thời gian tương đương với việc học tập và đào tạo của một người có trình độ đã hoàn thành một khóa học về làm tóc tại một trường có chương trình giảng dạy tuân thủ các yêu cầu được hội đồng



thông qua. Mỗi kỳ thực hành ba tháng sẽ được xem là tương đương với 100 giờ đào tạo trình độ chuyên môn theo đoạn (1).

(4) Có giấy phép hành nghề thẩm mỹ tại tiểu bang này và đã hoàn thành một khóa học kết hợp làm tóc tại một trường được hội đồng phê duyệt.

(5) Đã hoàn thành một khóa học về thẩm mỹ tại một trường được hội đồng phê duyệt và đã hoàn thành một khóa học kết hợp làm tóc tại một trường được hội đồng phê duyệt.

(6) Đã hoàn thành một khóa huấn luyện quân sự tương đương như được dẫn chứng bằng cách đệ trình hồ sơ Xác minh Đào tạo và Trải nghiệm Quân sự (V-MET).

7324. Điều kiện để được Cho phép Tham dự Kỳ thi Chuyên viên Chăm sóc da

Hội đồng sẽ cho phép tham dự kỳ thi lấy giấy phép trở thành chuyên viên chăm sóc da để hành nghề chăm sóc da đối với bất kỳ cá nhân nào đã làm đơn gửi tới hội đồng theo đúng mẫu, đã thanh toán lệ phí theo quy định trong chương này và đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

(a) Không dưới 17 tuổi.

(b) Đã học xong lớp 10 tại các trường công lập thuộc tiểu bang này hoặc tương đương.

(c) Không bị từ chối chiếu theo Mục 480.

(d) Đã thực hiện bất kỳ điều nào sau đây:

(1) Đã hoàn thành một khóa học về chăm sóc da tại một trường được hội đồng phê duyệt.

(2) Đã thực hành chăm sóc da theo quy định tại chương này ngoài phạm vi tiểu bang trong một khoảng thời gian tương đương với việc học tập và đào tạo của một người có trình độ đã hoàn thành một khóa học về chăm sóc da tại một trường có chương trình giảng dạy tuân thủ các yêu cầu được hội đồng thông qua. Mỗi kỳ thực hành ba tháng sẽ được xem là tương đương với 100 giờ đào tạo trình độ chuyên môn theo đoạn (1).

(3) Đã hoàn thành chương trình học nghề chăm sóc da theo quy định tại Điều 4 (mở đầu bằng Mục 7332).

7326. Điều kiện để được Cho phép Tham dự Kỳ thi Chuyên viên Chăm sóc móng.

Hội đồng sẽ cho phép tham dự kỳ thi lấy giấy phép trở thành chuyên viên chăm sóc móng để hành nghề chăm sóc móng đối với bất kỳ cá nhân nào đã làm đơn gửi tới hội đồng theo đúng mẫu, đã thanh toán lệ phí theo quy định trong chương này và đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

(a) Không dưới 17 tuổi.

(b) Đã học xong lớp 10 tại các trường công lập thuộc tiểu bang này hoặc tương đương.

(c) Không bị từ chối chiếu theo Mục 480.

(d) Đã thực hiện bất kỳ điều nào sau đây:



(1) Đã hoàn thành một khóa học về chăm sóc móng tại một trường được hội đồng phê duyệt.

(2) Đã thực hành chăm sóc móng theo quy định tại chương này ngoài phạm vi tiểu bang trong một khoảng thời gian tương đương với việc học tập và đào tạo của một người có trình độ đã hoàn thành một khóa học về chăm sóc móng tại một trường có chương trình giảng dạy tuân thủ các yêu cầu được hội đồng thông qua. Mỗi kỳ thực hành ba tháng sẽ được xem là tương đương với 100 giờ đào tạo trình độ chuyên môn theo đoạn (1).

(3) Đã hoàn thành chương trình học nghề chăm sóc móng theo quy định tại Điều 4 (mở đầu bằng Mục 7332).

7330. Điều kiện để được Cho phép Tham dự Kỳ thi Chuyên viên Điện phân.

Hội đồng sẽ cho phép tham dự kỳ thi lấy giấy phép trở thành chuyên viên điện phân để hành nghề đốt điện phân đối với bất kỳ cá nhân nào đã làm đơn gửi tới hội đồng theo đúng mẫu, đã thanh toán lệ phí theo quy định trong chương này và đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- (a) Không dưới 17 tuổi.
- (b) Đã học xong lớp 12 hoặc một khóa trung học phổ thông được chứng nhận tại các trường công lập thuộc tiểu bang này hoặc tương đương.
- (c) Không bị từ chối chiếu theo Mục 480.
- (d) Đã thực hiện bất kỳ điều nào sau đây:
 - (1) Đã hoàn thành một khóa học về điện phân tại một trường được hội đồng phê duyệt.
 - (2) Đã thực hành đốt điện phân, theo quy định tại chương này, trong 18 tháng ngoài phạm vi tiểu bang trong thời gian tương đương với việc học tập và đào tạo của một người có trình độ đã hoàn thành một khóa học về điện phân tại một trường có chương trình giảng dạy tuân thủ các yêu cầu được hội đồng thông qua. Mỗi kỳ thực hành ba tháng sẽ được xem là tương đương với 100 giờ đào tạo trình độ chuyên môn theo đoạn (1).
 - (3) Đã hoàn thành chương trình học nghề đốt điện phân theo quy định tại Điều 4 (mở đầu bằng Mục 7332).

7331. Cấp giấy phép Hành nghề cho Người nộp đơn Ngoài Tiểu bang

Hội đồng sẽ cấp giấy phép hành nghề cho người nộp đơn nếu người này đệ trình cho hội đồng đầy đủ hồ sơ như sau:

- (a) Một mẫu đơn được điền đầy đủ và đã thanh toán mọi khoản lệ phí theo quy định của hội đồng.
- (b) Bằng chứng về giấy phép hành nghề hiện tại do tiểu bang khác ban hành, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau đây:
 - (1) Giấy phép không bị thu hồi, đình chỉ hay bị hạn chế khác.
 - (2) Giấy phép đang trong tình trạng tốt.
 - (3) Giấy phép có hiệu lực trong ba năm trên tổng số năm năm vừa qua, trong suốt thời gian này người nộp đơn không phải chịu kỷ luật hay bị kết tội.



ĐIỀU 4

Học nghề

7332. “Người Học nghề”

Một người học nghề là bất kỳ người nào được hội đồng cấp phép để học tập hoặc thu nạp kiến thức về nghề làm tóc, thẩm mỹ, chăm sóc da, chăm sóc móng hoặc điện phân tại một cơ sở có giấy phép dưới sự giám sát của một người có giấy phép được hội đồng chấp thuận.

7333. Tiến hành một Chương trình Đào tạo Học nghề

Chương trình đào tạo học nghề sẽ được tiến hành tuân theo Đạo luật Tiêu chuẩn Lao động Học nghề Shelley-Maloney năm 1939, Chương 4 (mở đầu bằng Mục 3070) Khoản 3 Bộ luật Lao động theo các tiêu chuẩn học nghề do người quản lý học nghề phê duyệt. Một bản sao của đạo luật này sẽ được lưu trữ trong hồ sơ của hội đồng.

7334. Cá nhân được Cấp phép Học nghề Làm tóc, Thẩm mỹ, Chăm sóc Da hoặc Móng hoặc Điện phân

(a) Hội đồng có thể cấp phép học nghề làm tóc, thẩm mỹ, chăm sóc da hoặc chăm sóc móng cho bất kỳ người nào đã nộp đơn tới hội đồng theo đúng mẫu, đã thanh toán lệ phí theo quy định trong chương này và đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

(1) Trên 16 tuổi.

(2) Đã học xong lớp 10 tại các trường công lập thuộc tiểu bang này hoặc tương đương.

(3) Không bị từ chối chiếu theo Mục 480.

(4) Đã đệ trình cho hội đồng bằng chứng có thể chấp nhận rằng bất cứ khóa đào tạo nào mà người học nghề phải đạt được theo yêu cầu của pháp luật đều được tiến hành tại một cơ sở được cấp phép và dưới sự giám sát của một người có giấy phép do hội đồng phê duyệt.

(b) Hội đồng có thể cấp phép học nghề đốt điện phân cho bất kỳ người nào đã nộp đơn tới hội đồng theo đúng mẫu, đã thanh toán lệ phí theo quy định trong chương này và đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

(1) Không dưới 17 tuổi.

(2) Đã học xong lớp 12 hoặc một khóa trung học phổ thông được chứng nhận tại các trường công lập thuộc tiểu bang này hoặc tương đương.

(3) Không bị từ chối chiếu theo Mục 480.

(4) Đã đệ trình cho hội đồng bằng chứng có thể chấp nhận rằng bất cứ khóa đào tạo nào mà người học nghề phải đạt được theo yêu cầu của pháp luật đều được tiến hành tại một cơ sở được cấp phép và dưới sự giám sát của một người có giấy phép do hội đồng phê duyệt.

(c) Tất cả những người nộp đơn xin học nghề làm tóc đều phải hoàn thành



một khóa đào tạo trước học nghề tối thiểu 39 giờ tại một cơ sở được hội đồng phê duyệt trước khi phục vụ cho công chúng.

(d) Tất cả những người nộp đơn xin học nghề thẩm mỹ, chăm sóc da, chăm sóc móng hoặc điện phân đều phải hoàn thành một khóa đào tạo trước học nghề tối thiểu theo khoảng thời gian do hội đồng thiết lập tại một cơ sở được hội đồng phê duyệt trước khi phục vụ cho công chúng.

(e) Những người học nghề chỉ có thể thực hiện các dịch vụ trên công chúng trong lĩnh vực mà họ được đào tạo kỹ thuật.

(f) Những người học nghề được yêu cầu phải hoàn thành ít nhất số giờ hướng dẫn kỹ thuật tối thiểu và số hoạt động thực hành tối thiểu cho mỗi môn học như được nêu rõ trong quy định của hội đồng đối với các khóa học được giảng dạy tại các trường do hội đồng phê duyệt, tuân thủ theo các Mục 3074 và 3078 Bộ luật Lao động.

7335. Thời hạn của Giấy phép Học nghề

(a) Giấy phép của một người học nghề sẽ hết hạn sau hai năm kể từ ngày được ban hành, hoặc vào ngày người học nghề được cấp phép sau kỳ thi cấp phép, hoặc nếu người học nghề trượt kỳ thi cấp phép hai lần, vào ngày công bố kết quả của kỳ thi lần hai, tùy theo điều kiện nào đến trước.

(b) Không một cá nhân có giấy phép học nghề nào được làm việc nhiều hơn ba tháng sau khi hoàn thành khóa đào tạo được yêu cầu mà không nộp đơn và tham dự kỳ thi cấp giấy phép.

(c) Hội đồng có thể gia hạn thêm một khoảng thời gian hai năm hoặc ba tháng như được mô tả trong tiểu khoản (a) và (b) dựa trên lý do chính đáng được đưa ra, bao gồm nhưng không giới hạn việc trì hoãn nộp đơn và tham dự kỳ thi vì lý do người học nghề bị bệnh tật, tai nạn, hoặc phục vụ trong quân đội Hoa Kỳ.

7336. Các Điều kiện mà Người học nghề Có thể Thực hành Theo đó

Một người học nghề có thể thực hiện bất kỳ hoặc toàn bộ các hoạt động nào mà người đó được cấp phép chỉ tại cơ sở được cấp phép và dưới sự giám sát và tuyển dụng của một người đã được cấp phép do hội đồng phê duyệt.

ĐIỀU 5

Kỳ thi

7337. Các Yêu cầu thủ tục về Đơn xin, Lệ phí

Tất cả các đơn xin tham dự kỳ thi và cấp giấy phép phải ở dạng văn bản, theo mẫu do hội đồng chuẩn bị và cung cấp.

Mỗi đơn xin phải kèm theo lệ phí theo quy định, và phải bao gồm bằng chứng cho thấy người nộp đơn đủ điều kiện tham dự kỳ thi và cấp giấy phép. Điều này



phải được chứng thực bằng cam kết của người nộp đơn. Mỗi người nộp đơn phải xuất trình bằng chứng nhận dạng thỏa đáng như một điều kiện để được chấp nhận vào cơ sở thi. Bằng chứng nhận dạng thỏa đáng là giấy phép lái xe còn hiệu lực và chưa hết hạn hoặc chứng minh thư có ảnh của người được cấp và phải do tiểu bang, liên bang hoặc cơ quan chính phủ khác ban hành.

7337.5. Thông qua Các Quy định; “Đơn đăng ký trước”; Kỳ thi Cấp Giấy phép

(a) Hội đồng sẽ thông qua các quy định đưa ra đối với việc đệ trình các đơn xin tham dự kỳ thi của các học viên từ các trường dạy thẩm mỹ, đốt điện phân hoặc làm tóc được chấp thuận mà đã hoàn thành ít nhất 75 phần trăm số giờ khóa học bắt buộc và các yêu cầu của chương trình giảng dạy (60 phần trăm đối với các học viên của khóa học chăm sóc móng), hoặc bất kỳ ai được cấp giấy phép học nghề làm tóc, thẩm mỹ, chăm sóc da hoặc chăm sóc móng mà đã hoàn thành ít nhất 75 phần trăm số giờ đào tạo học nghề bắt buộc. Các quy định bao gồm các điều khoản nhằm đảm bảo hội đồng nhận được đầy đủ các bằng chứng xác minh người nộp đơn đủ điều kiện trước khi người đó được tham dự kỳ thi.

(b) Đơn xin tham dự kỳ thi do học viên của một trường dạy thẩm mỹ, điện phân hoặc làm tóc đệ trình theo mục này sẽ được xem như là “đơn đăng ký trước trong thời gian học tại trường” và có thể phải đóng một khoản phí đăng ký trước bổ sung.

(c) Đơn xin tham dự kỳ thi do một cá nhân được cấp phép học nghề làm tóc, thẩm mỹ, chăm sóc da hoặc chăm sóc móng đệ trình sẽ được xem như là “đơn đăng ký trước trong thời gian học nghề” và có thể phải đóng một khoản phí bổ sung.

(d) Hội đồng sẽ tổ chức kỳ thi cấp phép không chậm quá 10 ngày làm việc sau khi học viên tốt nghiệp tại một trường dạy thẩm mỹ, điện phân hoặc làm tóc được phê duyệt đối với các cá nhân đã đệ trình đơn xin tham dự kỳ thi theo thủ tục đăng ký trước, hoặc không chậm quá 10 ngày làm việc sau khi học viên hoàn tất chương trình học nghề làm tóc, thẩm mỹ, chăm sóc da, hoặc chăm sóc móng được phê duyệt đối với các cá nhân được cấp phép học nghề.

7338. Nội dung Kỳ thi

Kỳ thi dành cho những người nộp đơn xin cấp giấy phép sẽ bao gồm việc biểu diễn thực hành và một bài kiểm tra viết và sẽ bao quát các môn học tiêu biểu được dạy trong một chương trình do hội đồng phê duyệt.

Kỳ thi sẽ không hạn chế theo bất cứ hệ thống hay phương thức cụ thể nào. Kỳ thi sẽ nhất quán trong cả yêu cầu thực hành lẫn kỹ thuật, và có đủ tính toàn diện để thuyết phục hội đồng về kỹ năng, kiến thức, thực hành công việc hoặc ngành nghề mà người nộp đơn muốn được cấp phép cho.



Trong quá trình tiến hành và đánh giá các kỳ thi, các bài biểu diễn thực hành sẽ chiếm ưu thế hơn các bài kiểm tra viết.

Phạm vi của các kỳ thi phải thống nhất về định nghĩa các hoạt động được cấp phép theo chương này, và theo như hội đồng, bằng các quy định, có thể yêu cầu nhằm bảo vệ sức khỏe và an toàn của các khách hàng nhận dịch vụ từ những người được cấp giấy phép.

Các kỳ thi của hội đồng sẽ giới hạn trong các câu hỏi, các hoạt động, các dịch vụ thực hành có liên quan tới công việc một cách rõ ràng. Các kỳ thi cũng sẽ bao gồm các bài kiểm tra viết liên quan tới việc khử trùng, tẩy uế, vệ sinh và sử dụng các dụng cụ máy móc, và sử dụng điện được áp dụng khi hành nghề làm tóc, thẩm mỹ và đốt điện phân. Kỳ thi có thể bao gồm các bài biểu diễn và kiểm tra khác do hội đồng tùy ý yêu cầu.

7340. Chuẩn bị, Quản lý và Đánh giá các Kỳ thi

Tất cả các kỳ thi phải được chuẩn bị bởi hoặc dưới sự hướng dẫn của hội đồng. Hội đồng sẽ thiết lập các tiêu chuẩn và quy trình bao quát việc quản lý và đánh giá cũng như sẽ tiến hành giám sát nếu cần thiết để đảm bảo sự tuân thủ theo đó.

7341. Gửi thư Thông báo Tổng Số điểm Thi trượt

Hội đồng sẽ gửi thư hoặc chuyển đến người thi trượt bất kỳ kỳ thi nào theo quy định trong chương này tổng số điểm nhận được trong kỳ thi đó.

Sau khi hoàn thành kỳ thi và trong vòng 90 ngày kể từ khi công bố kết quả, người thi trượt có quyền được kiểm tra bài thi viết của mình tại thành phố diễn ra kỳ thi đó.

7342. Cấp Giấy phép

Giấy phép hành nghề của công việc mong muốn được cấp sẽ được hội đồng ban hành cho những thí sinh đã vượt qua kỳ thi một cách tốt đẹp, những người sở hữu những năng lực phẩm chất được luật pháp yêu cầu và đã thanh toán lệ phí cấp phép theo quy định trong chương này. Giấy phép sẽ ghi tên người giữ giấy phép cùng với công việc mà họ hành nghề tại một cơ sở được cấp phép. Giấy phép sẽ được Hội đồng ban hành vào cùng ngày mà người nộp đơn vượt qua kỳ thi thành công.

7344. Hợp đồng đối với Các Cơ sở Khảo thí

Hội đồng có thể ký hợp đồng hoặc sắp xếp theo cách khác để có các cơ sở vật chất và tiện nghi cần thiết hợp lý cho việc tổ chức các kỳ thi.



7345. Từ bỏ Đơn xin và Mất Lệ phí

Nếu một người nộp đơn không hoàn thành đơn xin của mình trong vòng một năm sau khi nộp đơn, hoặc không tham dự kỳ thi trong vòng một năm sau khi đủ điều kiện thì người nộp đơn đó sẽ được xem là đã từ bỏ và bị mất lệ phí. Đơn xin được đệ trình sau khi từ bỏ đơn trước đó sẽ được xem là một đơn xin mới và sẽ phải đáp ứng mọi yêu cầu xin cấp phép lần đầu.

ĐIỀU 6

Cơ sở

7346. “Cơ sở”

(a) Theo các mục đích của chương này, “cơ sở” nghĩa là bất kỳ khuôn viên, tòa nhà hoặc một phần của tòa nhà nào nơi diễn ra bất cứ hoạt động được cấp phép nào theo chương này.

(b) “Cơ sở” cũng bao gồm bất kỳ khuôn viên, tòa nhà hoặc một phần của tòa nhà nào nơi việc hành nghề tạo kiểu tóc tự nhiên được trả công.

7347. Đơn xin Cấp Giấy phép Hoạt động cho Cơ sở

Bất kỳ cá nhân, công ty hoặc tổ chức nào mong muốn đưa một cơ sở vào hoạt động đều phải làm đơn gửi tới Hội đồng để xin cấp giấy phép cùng lệ phí theo quy định trong chương này. Đơn xin yêu cầu nêu rõ cá nhân, công ty hay tổ chức đang chuẩn bị vận hành một cơ sở mới hay đang nắm quyền sở hữu một cơ sở hiện có. Nếu người nộp đơn đang chuẩn bị sở hữu một cơ sở hiện có thì hội đồng có thể thiết lập một khoản lệ phí thấp hơn mức lệ phí nêu trong chương này. Người nộp đơn, nếu là một cá nhân, hoặc mọi nhân viên, giám đốc và cộng sự, nếu người nộp đơn không phải là cá nhân, phải không có những hành vi bị kết tội hoặc phạm tội là căn cứ cho việc từ chối cấp giấy phép có hiệu lực tại thời điểm đơn xin mới đó được đệ trình chiếu theo Mục 480. Một giấy phép được ban hành theo mục này sẽ chỉ cho phép cơ sở hoạt động tại đúng địa điểm mà theo đó giấy phép được cấp. Việc cơ sở hoạt động tại bất cứ địa điểm nào khác được xem là bất hợp pháp, trừ khi nhận được giấy phép cho địa điểm mới tuân thủ theo mục này, áp dụng cho việc ban hành giấy phép trong trường hợp đầu tiên.

7348. Cơ sở thuộc Trách nhiệm của Người được cấp phép

Một cơ sở phải luôn luôn thuộc trách nhiệm của một người được cấp giấy phép chiếu theo chương này ngoại trừ người học nghề.

7349. Tuyển dụng Các Cá nhân Không có giấy phép

Bất kỳ cá nhân, công ty hoặc tổ chức nào thuê mướn, tuyển dụng, hoặc cho phép được tuyển dụng, hoặc cho phép làm việc trong hoặc quanh một cơ sở, bất kỳ cá nhân nào thực hiện hoặc hành nghề bất cứ công việc nào được quy định theo chương này mà không được Hội đồng cấp phép chính đáng, ngoại trừ trường hợp một cơ sở thẩm mỹ có giấy phép có thể sử dụng học



viên thực tập như được mô tả trong Mục 7395.1 đều được xem là làm trái pháp luật. Bất kỳ cá nhân nào vi phạm mục này sẽ phải nhận trách nhiệm và bị phạt chiếu theo Mục 7406 và cũng sẽ được xem là phạm tội tiểu hình.

7349.1. Sử dụng Sai lệch Cột biển hiệu Thợ làm tóc để Hành nghề Kinh doanh Gian lận

Một cá nhân, công ty hoặc tổ chức liên quan tới việc hành nghề được quy định theo chương này được coi là hành nghề kinh doanh gian lận khi sử dụng biểu tượng truyền thống là cột biển hiệu thợ làm tóc gồm một ống hình trụ đứng có sọc cùng với một quả cầu trên đỉnh với mục đích gây hiểu sai cho công chúng theo bất cứ cách nào nhằm để công chúng tin rằng cơ sở có thực hiện việc làm tóc hoặc có thuê một thợ làm tóc có giấy phép nhưng thực tế không thuê thợ làm tóc có giấy phép.

7350. Sử dụng Một phần Cơ sở cho Mục đích Cư trú

Không một người chịu trách nhiệm về cơ sở nào, dù là chủ hay người làm công, được phép sử dụng bất kỳ phòng nào hay một phần của cơ sở, nơi bất kỳ công việc nào quy định theo chương này được thực hiện hoặc hành nghề, cho các mục đích cư trú hoặc bất kỳ mục đích nào khác có chiều hướng làm phòng trở nên mất vệ sinh, không lành mạnh hoặc không an toàn hoặc gây nguy hiểm cho sức khỏe và sự an toàn của người sử dụng dịch vụ.

Cơ sở phải có lối đi trực tiếp riêng biệt và khác với bất kỳ lối ra vào nào nối với các khu vực riêng tư.

Vi phạm mục này được xem là phạm tội tiểu hình.

7351. Trang bị và Duy trì Các Tiện nghi Đầy đủ

Mỗi cơ sở phải trang bị ít nhất một phòng vệ sinh công cộng được đặt trong hoặc gần khuôn viên để khách hàng sử dụng. Bất kỳ phòng vệ sinh nào được lắp đặt vào hoặc sau ngày 01 tháng 07 năm 1992 không được nhỏ hơn 18 phút vuông. Cửa vào phòng phải được che chắn hiệu quả để không có gian vệ sinh nào có thể nhìn thấy được từ bất kỳ phòng làm việc nào. Phòng phải được giữ trong điều kiện sạch sẽ và được tu sửa tốt, đầy đủ ánh sáng, thông thoáng tốt với bên ngoài và ngăn được côn trùng cũng như các loài gặm nhấm. Sàn nhà phải được làm bằng bê tông, nền lát bằng xi măng, gạch tráng men hoặc các vật liệu chống thấm khác. Tất cả các cống thoát nước phải được nối với hệ thống xử lý chất thải được chấp thuận và phải được che đậy kỹ càng. Không được sử dụng phòng vệ sinh làm kho chứa.

7352. Tiện nghi Rửa tay

Mọi cơ sở phải cung cấp các tiện nghi rửa tay đầy đủ và thuận tiện, bao gồm nước máy, xà phòng và khăn hoặc máy sấy tay.



7353. Thanh tra Việc Tuân thủ của Cơ sở

(a) (1) Trong vòng 90 ngày sau khi ban hành giấy phép cho cơ sở, hội đồng hoặc các đại diện hoặc trợ lý sẽ thanh tra cơ sở để kiểm tra việc tuân thủ các yêu cầu được áp dụng theo chương này và các quy tắc và quy định được áp dụng do hội đồng thông qua chiếu theo chương này.

(2) Hội đồng có thể thanh tra cơ sở đã nộp đơn xin giấy phép trước khi ban hành giấy phép.

(b) Hội đồng sẽ duy trì một chương trình thanh tra các cơ sở một cách ngẫu nhiên và có mục tiêu nhằm đảm bảo việc tuân thủ các luật lệ được áp dụng liên quan đến sức khỏe và an toàn của công chúng cũng như việc quản lý và vận hành các cơ sở.

(c) Hội đồng hoặc các đại diện được ủy quyền sẽ thanh tra các cơ sở để xác định hợp lý mức độ tuân thủ và làm rõ các điều kiện thị trường đòi hỏi việc thực thi có mục đích.

(d) Hội đồng sẽ không giảm số lượng nhân viên được phân công thực hiện các cuộc thanh tra ngẫu nhiên, thanh tra có mục tiêu, và các cuộc điều tra liên quan đến các hoạt động trong lĩnh vực dưới mức được tài trợ bởi Đạo luật về Ngân sách hàng năm và được mô tả trong các tài liệu ngân sách hỗ trợ, cũng như sẽ không chuyển các nguồn quỹ hoặc năm công tác được phân bổ cho những mục đích thanh tra và điều tra đó sang các mục đích khác.

ĐIỀU 7**Đơn vị Lưu động****7354. “Đơn vị Lưu động”**

Theo các mục đích của điều này, “đơn vị lưu động” nghĩa là bất kỳ cơ sở di động độc lập, tự chống đỡ và được che kín xung quanh có chiều dài tối thiểu 24 phút được cấp giấy phép làm cơ sở để hành nghề bất kỳ công việc nào được hội đồng cấp phép và tuân thủ theo điều này cũng như tất cả các quy định về an toàn và sức khỏe do hội đồng thiết lập.

7355. Đơn xin Cấp Giấy phép

(a) Bất kỳ cá nhân, công ty hay tổ chức nào mong muốn đưa một đơn vị lưu động vào hoạt động phải làm đơn gửi tới hội đồng để xin cấp giấy phép, trong đó có các thông tin và dữ liệu được nêu trong tiểu khoản (b). Người nộp đơn, nếu là một cá nhân, hoặc mọi nhân viên, giám đốc và cộng sự, nếu người nộp đơn không phải là cá nhân, phải không có những hành vi bị kết tội hoặc phạm tội là căn cứ cho việc từ chối cấp giấy phép chiếu theo Mục 480. Một giấy phép được ban hành theo mục này sẽ chỉ cho phép đơn vị hoạt động trong các phạm vi địa lý do hội đồng chỉ định. Việc đơn vị hoạt động bên ngoài phạm vi địa lý căn cứ theo giấy phép ban hành được xem là bất hợp pháp trừ khi nhận được giấy phép mở rộng khu vực địa lý dựa trên việc tuân thủ theo điều này, áp dụng cho việc ban hành giấy phép trong trường hợp đầu tiên.



(b) Mỗi đơn xin phải bao gồm các nội dung sau:

(1) Mặt bằng sàn chi tiết cho thấy vị trí các cửa ra vào, cửa sổ, tiện nghi phòng vệ sinh, bồn rửa, thang máy hoặc đường dốc lên xuống, hệ thống thông gió, thiết bị và kích thước của đơn vị lưu động tuân thủ theo điều này.

(2) Bằng chứng của việc mua hoặc thuê đơn vị lưu động và trang thiết bị.

(3) Lệ phí theo quy định.

(4) Bản sao các giấy phép tại hạt và thành phố được áp dụng hoặc các giấy phép cung cấp các dịch vụ làm tóc, thẩm mỹ hoặc điện phân lưu động tại mỗi hạt và thành phố hoạt động cũng như các địa điểm mà tại đó các dịch vụ này sẽ được cung cấp.

(5) Bằng chứng tuân thủ các luật về điện, nước, cứu hỏa tại hạt, thành phố và tiểu bang được áp dụng.

(6) Bằng chứng giấy phép lái xe còn hiệu lực của tiểu bang California được cấp cho một nhân viên hoặc người lao động chịu trách nhiệm điều khiển đơn vị lưu động.

(7) Địa chỉ thường trực nơi đơn vị lưu động sẽ hoạt động.

(c) Sau lần phê duyệt đầu tiên về mặt bằng sàn và đơn xin đã được chấp thuận, người nộp đơn sẽ sắp xếp lịch hẹn để giới thiệu đơn vị lưu động với hội đồng hoặc đại diện của hội đồng để được phê duyệt lần cuối.

7356. Đơn xin Chuyển Quyền Sở hữu hoặc Điều hành

Đơn xin chuyển quyền sở hữu hoặc điều hành một đơn vị lưu động hiện có đã được cấp phép phải do người mua hoặc người cho thuê đệ trình lên hội đồng trong vòng 10 ngày sau khi mua. Mỗi đơn xin phải bao gồm các nội dung sau:

(a) Mặt bằng sàn chi tiết cho thấy vị trí các cửa ra vào, cửa sổ, tiện nghi phòng vệ sinh, bồn rửa, thang máy hoặc đường dốc lên xuống, hệ thống thông gió, thiết bị và kích thước của đơn vị lưu động.

(b) Hóa đơn mua hoặc giấy tờ thuê chứng minh việc mua hoặc thuê thiết bị hiện có và đơn vị lưu động.

(c) Giấy phép của đơn vị lưu động hiện có.

(d) Lệ phí theo quy định.

(e) Bản sao các giấy phép của thành phố và hạt được áp dụng hoặc giấy phép cung cấp các dịch vụ lưu động tại mỗi hạt và thành phố hoạt động được cấp theo tên chủ sở hữu mới.

(f) Bằng chứng tuân thủ các luật về điện, nước và cứu hỏa của thành phố, hạt và tiểu bang được áp dụng.

(g) Bằng chứng giấy phép lái xe còn hiệu lực của tiểu bang California được cấp cho một nhân viên hoặc người lao động chịu trách nhiệm điều khiển đơn vị lưu động.

7357. Tuân thủ các Quy định; Thiết bị Bắt buộc

(a) Các đơn vị lưu động phải tuân thủ các quy định đã được hội đồng thông qua nhằm đảm bảo đơn vị đó được giữ gìn sạch sẽ, được sửa chữa tốt và tuân thủ theo điều này.



(b) Mỗi đơn vị lưu động phải trang bị các hệ thống chức năng sau đây:

(1) Hệ thống cung cấp nước độc lập và có thể uống được. Các bồn chứa nước uống không được dưới 100 ga-lông và các bồn chứa nước thải phải có đủ dung tích. Trong trường hợp hết nước uống, hoạt động phải tạm ngưng cho tới khi nguồn nước được đổ đầy.

(2) Các bồn chứa nước nóng theo nhu cầu và liên tục không được có dung tích dưới sáu ga-lông.

(3) Bệ xí xả bằng hóa chất, độc lập, tuần hoàn và có bồn chứa nước thải.

(4) Thùng chứa được mạ điện, làm bằng thép không gỉ hoặc kim loại không bị ăn mòn khác, có nắp đậy, dùng để chứa tóc rụng, phế thải hoặc các chất thải khác.

(5) Máy phát điện chia tải có bộ khởi động từ xa, bộ giảm thanh và thông gió với bên ngoài.

(6) Lò đốt được bịt kín với một lỗ thông gió bên ngoài.

7358. Đơn vị Lưu động Chịu Trách nhiệm về Người được Cấp Giấy phép

Một đơn vị lưu động sẽ luôn chịu trách nhiệm về người được cấp giấy phép chiếu theo chương này ngoại trừ người học nghề.

7359. Tuyển dụng Các Cá nhân Không có Giấy phép

Bất kỳ cá nhân, công ty hoặc tổ chức thuê mướn, tuyển dụng, cho phép được tuyển dụng, hoặc cho phép làm việc trong hoặc quanh một đơn vị lưu động, bất kỳ cá nhân nào thực hiện hoặc hành nghề bất cứ công việc nào theo quy định của chương này mà không được Hội đồng cấp phép chính đáng đều được cho là vi phạm pháp luật.

Bất kỳ ai vi phạm mục này đều được xem là phạm tội tiểu hình.

7360. Sử dụng Một phần Đơn vị Lưu động cho các Mục đích cư trú

Không một người chịu trách nhiệm về đơn vị lưu động nào, dù là chủ hay người làm công, được phép sử dụng bất kỳ phòng nào hay một phần của đơn vị, nơi bất kỳ công việc nào quy định theo chương này được thực hiện hoặc hành nghề, cho các mục đích cư trú hoặc bất kỳ mục đích nào khác có chiều hướng làm phòng trở nên mất vệ sinh, không lành mạnh hoặc không an toàn hoặc gây nguy hiểm cho sức khỏe và sự an toàn của người sử dụng dịch vụ.

Mục này sẽ không áp dụng khi đơn vị lưu động được dùng cho các mục đích khác ngoài việc hành nghề bất kỳ công việc nào được quy định trong chương này ngoại phạm vi địa lý được chỉ định trong giấy phép.

7361. Áp dụng Các Điều khoản Chương

Mọi điều luật quản lý các cơ sở theo chương này, trừ Điều 6 (bắt đầu từ Mục 7346), được áp dụng cho các đơn vị lưu động, trừ khi được quy định khác.



ĐIỀU 8**Trường học, Người Hướng dẫn và Chương trình Giảng dạy****7362. “Trường được Hội đồng Phê duyệt”**

(a) Trường được hội đồng phê duyệt là trường trước tiên được hội đồng và sau đó là Cục Giáo dục Sau Trung học Tư thực phê duyệt hoặc là một trường công thuộc phạm vi tiểu bang này và cung cấp một khóa học hướng dẫn được hội đồng phê duyệt. Tuy nhiên, bất kể các quy định khác, cả hội đồng và Cục Giáo dục Sau Trung học Tư thực có thể đồng thời giải quyết đơn xin phê duyệt của một trường.

(b) Hội đồng sẽ quyết định theo quy định các môn học hướng dẫn bắt buộc phải hoàn thành trong toàn bộ các khóa học được phê duyệt, bao gồm số giờ hướng dẫn kỹ thuật tối thiểu và số hoạt động thực hành tối thiểu của từng môn học, cũng như sẽ quyết định cần phải đào tạo bao nhiêu trước khi một học viên có thể bắt đầu thực hiện các dịch vụ được khách hàng trả công.

(c) Bất kể các quy định khác, hội đồng có thể thu hồi, đình chỉ, hoặc từ chối phê duyệt cho một trường, trong một thủ tục sẽ được tiến hành theo Chương 5 (bắt đầu từ Mục 11500) Phần 1 Khoản 3 Tiêu đề 2 Bộ luật Chính phủ, khi chủ sở hữu hoặc nhân viên của trường có liên quan đến bất kỳ một trong các hành vi được quy định tại các đoạn từ đoạn (1) đến hết đoạn (8).

(1) Thực hiện không chuyên nghiệp, bao gồm, nhưng không giới hạn, bất kỳ những điều sau đây:

(A) Thiếu trình độ hoặc cầu thả nghiêm trọng, bao gồm cả việc liên tiếp không tuân thủ theo các tiêu chuẩn được chấp thuận chung cho việc hành nghề làm tóc, thẩm mỹ, hoặc điện phân, hoặc xem nhẹ sức khỏe và sự an toàn của khách hàng.

(B) Lặp lại nhiều lần hành vi cầu thả tương tự.

(C) Bị kết tội có liên quan chủ yếu đến năng lực, chức năng, hoặc nghĩa vụ của chủ sở hữu một trường đã được phê duyệt, trong trường hợp đó, các hồ sơ về việc kết tội hoặc bản sao có chứng thực về việc đó sẽ là bằng chứng kết tội thuyết phục.

(2) Liên tiếp không tuân thủ các luật lệ về sức khỏe và an toàn do hội đồng thông qua và được Bộ Y tế Công cộng Tiểu bang chấp thuận dành cho quy chế của các trường được hội đồng phê duyệt.

(3) Liên tiếp không tuân thủ các luật lệ do hội đồng thông qua dành cho quy chế của các trường được hội đồng phê duyệt.

(4) Tiếp tục hành nghề bởi một người được biết rõ là bị bệnh truyền nhiễm hoặc dễ lây lan.

(5) Say rượu thường xuyên, hoặc hay dùng, hoặc nghiện dùng, bất kỳ các chất bị kiểm soát nào.

(6) Hành nghề hoặc cố gắng hành nghề bất cứ công việc nào được cấp phép và quy định theo chương này, hoặc nhận tiền, hoặc thù lao dưới mọi



hình thức, bằng cách xuyên tạc gian lận.

(7) Từ chối cho phép hoặc can thiệp một cuộc thanh tra được ủy quyền theo chương này.

(8) Bất kỳ hành động hoặc hành vi nào đảm bảo sự từ chối phê duyệt của một trường.

7362.1. Yêu cầu Đối với Trường Thẩm mỹ được Phê duyệt

Trường thẩm mỹ được hội đồng phê duyệt phải đáp ứng toàn bộ những điều sau đây:

(a) Sở hữu trang thiết bị và không gian mặt bằng cần thiết cho việc hướng dẫn toàn diện 25 học viên khóa học thẩm mỹ hoặc số học viên đăng ký trong khóa học, tùy theo số lượng nào nhiều hơn.

(b) Có ít nhất 25 học viên tích cực, học toàn thời gian đăng ký trong khóa học thẩm mỹ của trường đang chờ phê duyệt. Theo các mục đích của mục này, một học viên tích cực, toàn thời gian là người có tên trong danh sách của trường thẩm mỹ đang chờ phê duyệt và đã cam kết tham dự đầy đủ khóa học thẩm mỹ.

(c) Duy trì một khóa đào tạo thực hành và hướng dẫn kỹ thuật đối với khóa học thẩm mỹ đầy đủ theo quy định trong chương này và theo quy định của hội đồng. Khóa học hướng dẫn về bất kỳ nhánh thẩm mỹ nào cũng phải được giảng dạy tại một trường thẩm mỹ.

7362.2. Yêu cầu Đối với Trường dạy Làm tóc được Phê duyệt

Trường dạy làm tóc được hội đồng phê duyệt phải thực hiện tất cả những điều sau đây:

(a) Sở hữu trang thiết bị và không gian mặt bằng cần thiết cho việc hướng dẫn toàn diện 15 học viên làm tóc hoặc số học viên đăng ký trong khóa học, tùy theo số lượng nào nhiều hơn.

(b) Có ít nhất 15 học viên tích cực, học toàn thời gian đăng ký trong khóa học làm tóc của trường đang chờ phê duyệt. Theo các mục đích của mục này, một học viên tích cực, toàn thời gian là người có tên trong danh sách của trường dạy làm tóc đang chờ phê duyệt và đã cam kết tham dự toàn bộ khóa học làm tóc.

(c) Duy trì một khóa đào tạo thực hành và hướng dẫn kỹ thuật đối với khóa học làm tóc đầy đủ theo quy định trong chương này và theo quy định của hội đồng.

7362.3. Yêu cầu Đối với Trường dạy Điện phân được Phê duyệt

Trường dạy điện phân được hội đồng phê duyệt phải thực hiện tất cả những điều sau đây:

(a) Sở hữu trang thiết bị và không gian mặt bằng cần thiết cho việc hướng dẫn toàn diện năm học viên đốt điện phân hoặc số học viên đăng ký trong khóa học, tùy theo số lượng nào nhiều hơn.

(b) Có ít nhất năm học viên tích cực, học toàn thời gian đăng ký trong



khóa học điện phân của trường đang chờ phê duyệt. Theo các mục đích của mục này, một học viên tích cực, toàn thời gian là người có tên trong danh sách của trường dạy điện phân đang chờ phê duyệt và đã cam kết tham dự toàn bộ khóa học điện phân.

(c) Duy trì một khóa đào tạo thực hành và hướng dẫn kỹ thuật đối với khóa học điện phân đầy đủ theo quy định trong chương này và theo quy định của hội đồng.

7362.5. Số giờ Đào tạo Thực hành và Hướng dẫn Kỹ thuật

(a) Một khóa học làm tóc do một trường thiết lập phải bao gồm ít nhất 1.500 giờ đào tạo thực hành và hướng dẫn kỹ thuật về hành nghề làm tóc theo định nghĩa trong Mục 7316.

(b) Một khóa học thẩm mỹ do một trường thiết lập phải bao gồm ít nhất 1.600 giờ đào tạo thực hành và hướng dẫn kỹ thuật về hành nghề thẩm mỹ theo định nghĩa trong Mục 7316, trừ phi được quy định khác trong chương này.

7364. Khóa học Chăm sóc Da; Số giờ Đào tạo Thực hành

Khóa học chăm sóc da do một trường thiết lập phải bao gồm ít nhất 600 giờ đào tạo thực hành và hướng dẫn kỹ thuật phù hợp với chương trình giảng dạy được thiết lập theo quy định của hội đồng.

7365. Khóa học Chăm sóc Móng; Số giờ Đào tạo Thực hành

Khóa học chăm sóc móng do một trường thiết lập phải bao gồm ít nhất 350 giờ đào tạo thực hành và hướng dẫn kỹ thuật phù hợp với chương trình giảng dạy được thiết lập theo quy định của hội đồng.

7366. Khóa học Điện phân; Số giờ Đào tạo Thực hành

Khóa học điện phân do một trường thiết lập phải bao gồm ít nhất 600 giờ đào tạo thực hành và hướng dẫn kỹ thuật phù hợp với chương trình giảng dạy được thiết lập theo quy định của hội đồng.

7367. Chuyển đổi Chứng chỉ

Đối với các học viên chuyển từ một chương trình hướng dẫn sang một chương trình khác, hội đồng sẽ cấp chứng chỉ đào tạo đạt được trong một khóa học tương đương với việc đào tạo được yêu cầu trong khóa học khác.

7368. Chỉ định Dịch vụ do Trường Cung cấp như là Công việc cho Học viên

Không một trường nào được phép quảng cáo các dịch vụ làm tóc, thẩm mỹ, điện phân tới công chúng trên các phương tiện truyền thông trừ phi các dịch vụ này được chỉ định rõ ràng là các công việc cho học viên.

7389. Khóa học về An toàn và Sức khỏe đối với các Chất Độc hại

Hội đồng sẽ phát triển hoặc thông qua một khóa học về an toàn và sức



khỏe đối với các chất độc hại được giảng dạy tại các trường do hội đồng phê duyệt. Việc phát triển khóa học sẽ bao gồm kiểm tra thí điểm khóa học và các lớp đào tạo nhằm chuẩn bị cho giảng viên sử dụng hiệu quả khóa học.

7389.5. Khóa học Làm tóc hoặc Thẩm mỹ do Các Cơ quan Cải huấn Liên bang hoặc Tiểu bang tại Tiểu bang Thiết lập

Khóa đào tạo về làm tóc hoặc thẩm mỹ do các cơ quan cải huấn liên bang hoặc tiểu bang tại California thiết lập có thể giúp cho cá nhân được đào tạo đủ tư cách tham dự kỳ thi xin cấp phép hành nghề làm tóc, thẩm mỹ, miễn là khóa học đó phải tuân thủ tất cả các điều khoản của đạo luật này cũng như các quy định đã được thông qua chiếu theo đó.

7395.1. Thực tập sinh tại Các Cơ sở Thẩm mỹ

(a) Học viên đăng ký một khóa học được hội đồng chấp thuận tại một trường thẩm mỹ được Cục Giáo dục Sau Trung học Tư thục và Dạy nghề phê duyệt, dựa trên việc hoàn tất tối thiểu 60 phần trăm số giờ bắt buộc để tốt nghiệp khóa học, có thể làm việc với tư cách là một thực tập sinh không lương tại một cơ sở thẩm mỹ có tham gia vào chương trình đào tạo của trường thẩm mỹ đó.

(b) Các cá nhân làm việc với tư cách là thực tập sinh sẽ được cấp chứng chỉ xác nhận số giờ để tốt nghiệp, tuy nhiên chứng chỉ này sẽ không vượt quá tám giờ mỗi tuần và không vượt quá 10 phần trăm trên tổng số giờ bắt buộc để hoàn thành khóa học.

(c) Chương trình thực tập sẽ được tiến hành tại các cơ sở thẩm mỹ đáp ứng được tất cả các tiêu chí sau:

(1) Cơ sở được hội đồng cấp phép.

(2) Cơ sở có tối thiểu bốn người được cấp phép đang làm việc tại đó, bao gồm nhân viên và chủ hoặc quản lý.

(3) Tất cả những người được cấp phép tại cơ sở đều có danh tiếng tốt với hội đồng.

(4) Những người có giấy phép làm việc tại cơ sở đều làm việc để được trả lương hoặc thù lao hơn là trên cơ sở thuê chỗ.

(5) Không quá một thực tập sinh được phép làm việc trong một cơ sở cho mỗi bốn người có giấy phép đang làm việc tại đó. Không một người có giấy phép được thuê thường xuyên nào được thay thế, giảm bớt hoặc điều chỉnh thời gian làm việc của mình để phù hợp với việc bố trí thực tập sinh tại cơ sở. Trước khi bố trí thực tập sinh, cơ sở phải có văn bản đồng ý gửi tới trường và tới tất cả những người có giấy phép bị ảnh hưởng rằng sẽ không xảy ra việc giảm bớt hoặc điều chỉnh bất cứ lịch làm việc hiện tại của người có giấy phép nào. Điều này không ngăn cấm một người có giấy phép tự nguyện giảm bớt hoặc điều chỉnh lịch làm việc của mình.

(6) Các thực tập sinh phải đeo thẻ nhận dạng của trường ở nơi dễ thấy trong suốt thời gian làm việc tại cơ sở và phải mang một thẻ nhận dạng



được ép phiến của trường có dán ảnh theo mẫu được hội đồng chấp thuận.

(d) (1) Tối thiểu 90 phần trăm trách nhiệm và công việc của một thực tập sinh sẽ bao gồm các hoạt động trong phạm vi hành nghề thẩm mỹ theo định nghĩa tại Mục 7316.

(2) Cơ sở sẽ tham vấn với trường chỉ định về sự tiến bộ của thực tập sinh trong suốt kỳ thực tập không lương đó. Chủ hoặc người quản lý cơ sở sẽ giám sát và báo cáo quá trình làm việc của học viên cho trường một cách đều đặn, cùng với sự hỗ trợ từ những người giám sát được cấp phép.

(3) Trường tham gia sẽ đánh giá kết quả học tập của thực tập sinh từ chương trình thực tập. Trường sẽ lưu giữ các hồ sơ chính xác về kinh nghiệm học tập của thực tập sinh trong chương trình thực tập đó cũng như các hồ sơ cho thấy kết quả học tập của thực tập sinh được chuyển thành chứng chỉ khóa học như thế nào.

(e) Việc tham gia vào chương trình thực tập do một trường cung cấp là tự nguyện, học viên có thể hủy bỏ tại bất kỳ thời điểm nào và sẽ không phải là điều kiện tiên quyết để tốt nghiệp.

(f) Cơ sở thẩm mỹ chọn sử dụng thực tập sinh phải chịu trách nhiệm bảo hiểm trách nhiệm chung của thực tập sinh đó cũng như bảo hiểm trách nhiệm sơ suất thẩm mỹ, và phải cung cấp các bằng chứng cho trường tham gia về việc cơ sở đó được bảo hiểm với cả hai hình thức bảo hiểm trách nhiệm và thực tập sinh cũng được bảo hiểm theo bảo hiểm đó.

(g) (1) Mục đích của chương trình thực tập được ủy quyền bởi mục này là để cung cấp cho các học viên những kỹ năng, kiến thức và thái độ cần thiết để có được công việc trong lĩnh vực mà mình được đào tạo cũng như mở rộng việc hướng dẫn mang tính hình thức trong lớp.

(2) Việc hướng dẫn phải được dựa trên các kỹ năng, kiến thức, thái độ và mức độ thể hiện trong lĩnh vực thẩm mỹ mà theo đó hướng dẫn được thực hiện.

(3) Thực tập sinh chỉ có thể thực hiện các hoạt động được liệt kê trong định nghĩa hành nghề thẩm mỹ theo Mục 7316, nếu người được cấp giấy phép trực tiếp giám sát các hoạt động này, ngoại trừ trường hợp một thực tập sinh không thể sử dụng hay áp dụng điều trị hóa chất trừ phi thực tập sinh đó đã được đào tạo phù hợp để ứng dụng những điều trị này từ một trường thẩm mỹ được phê duyệt. Một thực tập sinh có thể làm việc cho một khách hàng có trả tiền chỉ với tư cách trợ giúp và chỉ dưới sự giám sát trực tiếp và tức thời của một người có giấy phép.

(4) Thực tập sinh không được thực hiện bất kỳ công việc nào vi phạm pháp luật.



ĐIỀU 9

(Được bảo lưu)

ĐIỀU 10

Giấy phép

7396. Mẫu và Nội dung của Giấy phép

Mẫu và nội dung của một giấy phép do hội đồng ban hành sẽ được quy định tuân thủ theo Mục 164.

Giấy phép phải ghi rõ người giữ giấy phép được cấp là chuyên viên làm tóc, chuyên viên thẩm mỹ, chuyên viên dưỡng da, chuyên viên chăm sóc móng, chuyên viên điện phân hay người học nghề, và phải có ảnh của người được cấp giấy phép.

7396.5. Giấy phép Thử thách

(a) Hội đồng có thể, tùy theo phán quyết của mình, ban hành một giấy phép thử thách cho người nộp đơn theo các điều khoản và điều kiện được hội đồng cho là phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn, những điều sau đây:

- (1) Đang điều trị y tế, tâm thần hoặc tâm lý.
- (2) Đang tham gia một chương trình phục hồi được chỉ định.
- (3) Đang cai rượu hoặc thuốc phiện.
- (4) Tuân thủ tất cả các điều khoản của chương này.

(b) (1) Bất kể các quy định khác của pháp luật, và theo các mục đích của mục này, khi quyết định cấp giấy phép thử thách, hội đồng sẽ yêu cầu người nộp đơn có tội danh được bãi bỏ cung cấp bằng chứng của việc bãi bỏ đó và sẽ cân nhắc đặc biệt đối với người nộp đơn nào có tội danh được bãi bỏ theo Mục 1203.4 hoặc 1203.4a Bộ luật Hình sự.

(2) Hội đồng cũng sẽ cân nhắc và xem xét bất kỳ tài liệu hợp lý khác hoặc lý lịch tính cách cá nhân do người nộp đơn cung cấp có thể sử dụng như bằng chứng phục hồi được hội đồng xem là cần thiết.

(c) Hội đồng có thể sửa đổi hoặc chấm dứt các điều khoản và điều kiện áp dụng đối với giấy phép thử thách khi nhận được đơn yêu cầu từ người nộp đơn hoặc người có giấy phép.

(d) Theo các mục đích của việc cấp giấy phép thử thách cho người nộp đơn mới đủ điều kiện, hội đồng sẽ phát triển các điều khoản thử thách tiêu chuẩn, bao gồm, nhưng không giới hạn, những điều sau đây:

- (1) Một hạn mức ba năm trên giấy phép thử thách cá nhân.
- (2) Một quy trình để đạt được giấy phép tiêu chuẩn dành cho người nộp đơn đã được cấp giấy phép thử thách.
- (3) Các yêu cầu giám sát.
- (4) Sự tuân thủ và các yêu cầu báo cáo hàng quý.



7397. Trưng bày Giấy phép

Những người được cấp giấy phép phải trưng bày giấy phép ở nơi dễ nhìn thấy tại nơi kinh doanh hoặc nơi làm việc.

7398. Giấy phép Sao y

Giấy phép sao y sẽ được ban hành sau khi văn bản thông báo được đệ trình giải thích việc mất giấy phép, được xác nhận bằng cam kết của người nộp đơn cùng với lệ phí theo quy định trong chương này.

7399. Giấy phép Tạm thời

Giấy phép tạm thời không được ban hành trong mọi trường hợp.

7400. Thông tin được Yêu cầu tại Thời điểm Đổi mới Giấy phép

Những người được cấp phép của hội đồng, ngoại trừ các cơ sở, trong vòng 30 ngày sau khi thay đổi địa chỉ, phải thông báo cho hội đồng địa chỉ mới, và kể từ khi nhận được thông báo, hội đồng phải thực hiện những thay đổi cần thiết trong hồ sơ đăng ký.

7401. Thông tin được Yêu cầu Báo cáo cho Hội đồng khi Đổi mới Giấy phép; Báo cáo của Hội đồng cho Cơ quan Lập pháp

(a) Một cá nhân được cấp giấy phép theo Mục 7396 phải báo cáo cho hội đồng tại thời điểm đổi mới giấy phép về tình trạng hành nghề của mình, được xác định là một trong những điều sau đây:

- (1) Hành nghề toàn thời gian tại California.
- (2) Hành nghề toàn thời gian ngoài California.
- (3) Hành nghề bán thời gian tại California.
- (4) Không làm việc trong ngành này.
- (5) Đã nghỉ hưu.
- (6) Các tình trạng hành nghề khác, có thể được hội đồng định nghĩa thêm.

(b) Một cá nhân được cấp giấy phép chiếu theo Mục 7396, tại thời điểm đổi mới giấy phép, phải nêu rõ bản thân trong đơn xin là một trong những người sau đây:

- (1) Người làm công.
- (2) Người làm việc độc lập hoặc người thuê buổi.
- (3) Chủ sa-lon.

(c) Một cá nhân được cấp phép chiếu theo Mục 7347 phải báo cáo cho hội đồng tại thời điểm đổi mới giấy phép nếu một trong những điều dưới đây áp dụng cho họ:

- (1) Người đó có một người thuê buổi hoạt động tại cơ sở.
- (2) Người đó có một người làm việc độc lập hoạt động tại cơ sở.



7402. Vi phạm Chương

Bất kỳ cá nhân, công ty, hiệp hội hoặc tổ chức nào vi phạm chương này mà việc vi phạm đó không có hình phạt cụ thể nào khác được nêu ra, được xem là phạm tội tiểu hình và phải nộp phạt nhưng không vượt quá hai nghìn năm trăm đô-la (2.500\$) hoặc bị phạt tù tại nhà giam của hạt nhưng không quá sáu tháng hoặc chịu cả hình phạt tiền lẫn giam giữ.

7402.5. Giấy phép Dịch vụ Cá nhân

(a) Theo các mục đích của mục này, “giấy phép dịch vụ cá nhân” nghĩa là giấy phép ủy quyền cho một cá nhân thực hiện các dịch vụ mà người đó được cấp phép chiếu theo chương này, bên ngoài một cơ sở, như được xác định tại Mục 7346, phù hợp với các quy định do hội đồng thiết lập.

(b) Hội đồng có thể ban hành giấy phép dịch vụ cá nhân cho người đáp ứng được các tiêu chí để cấp phép dịch vụ cá nhân được nêu ra trong quy định.

(c) Hội đồng sẽ ban hành các quy định về giấy phép dịch vụ cá nhân. Khi thiết lập các quy định, hội đồng sẽ tổ chức, ở mức tối thiểu, hai cuộc họp cho các bên liên quan.

(1) Hội đồng sẽ quyết định các loại giấy phép thích hợp có thể áp dụng cho một giấy phép dịch vụ cá nhân để bảo vệ sự an toàn của người tiêu dùng.

(2) Hội đồng sẽ ủy quyền cho một người có giấy phép dịch vụ cá nhân thực hiện các dịch vụ bên ngoài cơ sở được cấp phép.

(3) Hội đồng sẽ không miễn trừ bất kỳ quy định hoặc yêu cầu hiện có nào về sức khỏe và an toàn cho một người có giấy phép dịch vụ cá nhân.

(4) Hội đồng không bắt buộc người có giấy phép dịch vụ cá nhân phải được thuê bởi một cơ sở, trừ khi hội đồng nhận thấy điều đó là cần thiết để duy trì sự an toàn của người tiêu dùng.

(5) Các quy định có thể yêu cầu người nộp đơn xin giấy phép dịch vụ cá nhân phải có chứng từ bảo hiểm trách nhiệm và phải thông qua một chứng nhận lý lịch tư pháp.

(d) Giấy phép dịch vụ cá nhân sẽ có hiệu lực trong hai năm và phải được đổi mới trước khi hết hạn. Lệ phí cấp giấy phép dịch vụ cá nhân sẽ không quá năm mươi đô-la (50\$). Lệ phí đổi mới giấy phép dịch vụ cá nhân sẽ không quá năm mươi đô-la (50\$). Phí nợ quá hạn là 50 phần trăm lệ phí đổi mới có hiệu lực vào ngày đổi mới.

(e) Hội đồng phải báo cáo tiến độ của quy trình quản lý và cấp phép dịch vụ cá nhân cho Cơ quan Lập pháp vào hoặc trước ngày 01 tháng 07 năm 2017.

(1) Báo cáo phải được đệ trình tuân thủ Mục 9795 của Bộ luật Chính phủ.

(2) Yêu cầu báo cáo với Cơ quan Lập pháp theo tiêu khoản này sẽ không có hiệu lực vào ngày 01 tháng 07 năm 2021, chiếu theo Mục 10231.5 của Bộ luật Chính phủ.



ĐIỀU 11

Biện pháp Kỷ luật

7403. Thu hồi, Đình chỉ hoặc Từ chối Cấp Giấy phép

(a) Bất kể các quy định khác của pháp luật, hội đồng có thể thu hồi, đình chỉ hoặc từ chối bất cứ lúc nào bất kỳ giấy phép nào được yêu cầu theo chương này dựa trên bất kỳ cơ sở nào đối với hành vi kỷ luật được nêu ra trong điều này. Các thủ tục theo điều này phải được tiến hành theo Chương 5 (bắt đầu từ Mục 11500) Phần 1, Khoản 3, Tiêu đề 2 Bộ luật Chính phủ, và hội đồng sẽ được cấp toàn quyền theo đó.

(b) Hội đồng có thể từ chối cấp phép cho một người nộp đơn dựa trên bất kỳ cơ sở nào được quy định trong Mục 480.

(c) Bên cạnh các yêu cầu được quy định trong Mục 485 và 486, dựa trên việc từ chối cấp phép cho người nộp đơn, hội đồng sẽ đưa ra thông báo các lý do từ chối, bao gồm:

(1) Các đánh giá bằng chứng phục hồi do người nộp đơn đệ trình, nếu có.

(2) Các tiêu chí của hội đồng liên quan tới việc phục hồi, được xây dựng theo Mục 482, trong đó có xem xét tới độ tuổi và mức độ nghiêm trọng của hành vi vi phạm, cũng như bằng chứng liên quan tới việc tham gia sửa chữa hoặc các chương trình phục hồi khác.

(3) Nếu quyết định của hội đồng được dựa trên việc kết án phạm tội trước đó của người nộp đơn, các dẫn giải cho sự từ chối cấp phép của hội đồng và những lý do vì sao việc kết án phạm tội trước có liên quan đáng kể đến năng lực, chức năng, hoặc nhiệm vụ của một chuyên viên làm tóc hoặc chuyên viên thẩm mỹ.

(d) Bắt đầu từ 01 tháng 07 năm 2009, tất cả những điều sau đây sẽ được áp dụng:

(1) Nếu việc từ chối cấp phép ít nhất một phần là do hồ sơ tiền án tiền sự tiểu bang hoặc liên bang của người nộp đơn, thì hội đồng, ngoài các thông tin được đưa ra chiếu theo đoạn (3), tiểu khoản (c), phải cung cấp cho người nộp đơn một bản sao hồ sơ tiền án tiền sự của anh/cô ta nếu người nộp đơn gửi tới hội đồng văn bản yêu cầu một bản sao, ghi rõ địa chỉ mà bản sao sẽ được gửi đến đó.

(A) Hồ sơ tiền án tiền sự tiểu bang hoặc liên bang không được phép chỉnh sửa hay thay đổi từ hình thức lẫn nội dung theo quy định của Bộ Tư pháp.

(B) Hồ sơ tiền án tiền sự sẽ được cung cấp theo cách thức này để bảo vệ tính bảo mật và riêng tư của hồ sơ tiền án tiền sự của người nộp đơn và hồ sơ tiền án tiền sự sẽ không được hội đồng cung cấp cho bất kỳ người chủ nào.

(C) Hội đồng sẽ giữ lại một bản sao văn bản yêu cầu của người nộp đơn và một bản sao thư hồi âm gửi cho người nộp đơn, trong đó bao gồm thời gian và địa chỉ mà thư hồi âm đã được gửi đến đó.



(2) Hội đồng sẽ cung cấp thông tin này theo yêu cầu của Sở Tư pháp hoặc Cục Điều tra Liên bang.

(e) Bất kể Mục 487, hội đồng sẽ tổ chức một phiên điều trần về việc từ chối cấp phép trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu điều trần của người nộp đơn. Đối với các yêu cầu điều trần khác, hội đồng sẽ quyết định khi nào phiên điều trần sẽ được tổ chức.

(f) Trong bất kỳ trường hợp nào mà thẩm phán luật hành chính đề nghị hội đồng thu hồi, đình chỉ hoặc từ chối cấp giấy phép, thẩm phán luật hành chính có thể, dựa trên việc trình bày các bằng chứng thích hợp, yêu cầu người có giấy phép thanh toán cho hội đồng các chi phí hợp lý cho việc điều tra và xét xử vụ việc. Theo các mục đích của mục này, “chi phí” bao gồm các khoản phí của hội đồng cho điều tra vụ việc, các khoản phí mà văn phòng Tổng Chương lý đã chi để điều tra và trình bày vụ việc, cũng như các khoản phí mà Văn phòng Điều trần Hành chính đã chi để xét xử vụ việc và ban hành quyết định đề xuất.

(g) Các chi phí được đánh giá sẽ do thẩm phán luật hành chính ấn định và trong bất kỳ trường hợp nào hội đồng cũng không được phép tăng thêm. Khi hội đồng không thông qua quyết định đề xuất và gửi trả vụ việc cho một thẩm phán luật hành chính, thẩm phán luật hành chính đó không được tăng thêm bất kỳ chi phí nào đã được ấn định trong quyết định đề xuất.

(h) Hội đồng có thể yêu cầu thi hành lệnh thanh toán tại tòa thượng thẩm ở hạt nơi tổ chức phiên điều trần hành chính. Quyền thực thi này sẽ được bổ sung vào bất kỳ các quyền khác mà hội đồng có thể có liên quan tới bất kỳ người được cấp phép nào được chỉ định thanh toán các chi phí.

(i) Trong bất kỳ hành động pháp lý nào khi thu hồi các chi phí, chứng cứ về quyết định của hội đồng sẽ là bằng chứng thuyết phục hiệu lực của lệnh thanh toán và các điều khoản thanh toán.

(j) Bất kể các quy định khác của pháp luật, mọi chi phí được thu hồi theo mục này phải được ký gửi vào quỹ dự phòng của hội đồng như một khoản bồi hoàn dự trừ trong năm tài chính mà các chi phí đó được thực sự hoàn lại.

7403.2. Đình chỉ Giấy phép Tạm thời; Giai đoạn Thử thách; Phục hồi

(a) Bất kể các quy định khác của pháp luật, cán bộ điều hành hoặc người được chỉ định của họ, căn cứ theo cuộc thanh tra một cơ sở nơi có hành vi vi phạm các luật lệ và quy định về sức khỏe và sự an toàn liên quan tới thiết bị chăm sóc móng tay và móng chân cũng như theo trát hầu tòa được ban hành, có thể, không cần phiên điều trần trước, đình chỉ tạm thời một giấy phép được cấp theo chương này nếu, theo quan điểm của cán bộ điều hành hoặc người được chỉ định của họ, hành động này là cần thiết để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của công chúng. Việc đình chỉ sẽ có hiệu lực khi cán bộ điều hành hoặc người được chỉ định của họ cung cấp thông báo bằng văn bản việc đình chỉ đối với người được cấp phép đó.



(b) Việc đình chỉ một giấy phép chiếu theo mục này sẽ được thi hành ngay lập tức. Giấy phép đó sẽ bị thử thách trong một năm kể từ ngày đình chỉ và phải chịu các điều khoản và điều kiện như sau:

(1) Người được cấp phép phải tham gia khóa đào tạo sửa chữa do hội đồng phê duyệt liên quan tới các luật lệ và quy định về sức khỏe và an toàn áp dụng cho cơ sở đó.

(2) Người được cấp phép sẽ được hội đồng thanh tra lại. Người chủ cơ sở phải thanh toán mọi chi phí cho việc thanh tra.

(3) Người được cấp phép phải thanh toán cho hội đồng tất cả các khoản phạt theo trát hầu tòa. Trong trường hợp gặp khó khăn về tài chính, người được cấp phép có thể ký kết một thỏa thuận với hội đồng để thanh toán định kỳ khoản tiền phạt đó.

(c) Người được cấp phép bị đình chỉ giấy phép theo mục này có thể kháng cáo bằng văn bản tới Ủy ban Xem xét Kỷ luật để xác định xem việc đình chỉ và các điều khoản và điều kiện thử thách có nên được điều chỉnh hoặc bãi bỏ hay không. Đơn kháng cáo phải được đệ trình lên ủy ban trong vòng 30 ngày kể từ ngày việc đình chỉ giấy phép có hiệu lực. Đơn kháng cáo không được đệ trình trong khung thời gian quy định sẽ bị ủy ban từ chối. Đơn kháng cáo phải được thực hiện theo quy trình được mô tả trong Mục 7410. Người được cấp phép có thể kháng cáo quyết định của ủy ban lên điều hành viên của chương trình theo quy trình được mô tả trong Mục 7411.

(d) Nếu người được cấp phép không tuân thủ các điều khoản và điều kiện thử thách được áp dụng theo mục này, hội đồng có thể kiến nghị hủy bỏ thời gian thử thách của người được cấp phép. Các thủ tục sẽ được thực hiện theo Chương 5 (bắt đầu từ Mục 11500) Phần 1, Khoản 3, Tiêu đề 2 Bộ luật Chính phủ.

(e) Căn cứ vào việc hoàn thành tốt đẹp các điều khoản và điều kiện thử thách của người được cấp phép, hội đồng sẽ phục hồi giấy phép.

7403.5. Đóng cửa Cơ sở Vi phạm An toàn và Sức khỏe

(a) Bên cạnh việc ủy quyền được quy định trong Mục 494 và 7403, cán bộ điều hành, tùy theo quyết định của mình dựa trên kết quả thanh tra, có thể ra văn bản thông báo đóng cửa ngay lập tức bất cứ cơ sở nào bị phát hiện đã vi phạm có tính chất nghiêm trọng về sức khỏe và an toàn, gây đe dọa tức thời tới sức khỏe và an toàn của công chúng.

(b) Cán bộ điều hành phải ban hành một văn bản thông báo đình chỉ giấy phép của cơ sở gồm các lý do cho việc đó và một thông báo đóng cửa. Thông báo đóng cửa này sẽ được dán tại cơ sở để công chúng và khách hàng có thể nhìn thấy rõ ràng.

(c) Khi văn bản thông báo đình chỉ giấy phép của cơ sở được ban hành, cơ sở này phải đóng cửa ngay lập tức đối với mọi công chúng lẫn khách hàng và phải dừng mọi hoạt động cho tới khi việc đình chỉ được cán bộ điều hành



hủy bỏ, đình chỉ hết hiệu lực hay được thay thế bằng một lệnh ban hành theo căn cứ của Mục 494, hoặc cho tới khi cơ sở không còn hoạt động nữa theo chương này.

(d) (1) Trước khi ban hành một lệnh đình chỉ theo mục này, nếu thực tế cho phép, cán bộ điều hành phải gửi một thông báo tới cơ sở và cho họ cơ hội giải trình. Nếu không có cơ hội giải trình nào được thực hiện trước khi ban hành lệnh đình chỉ, cơ sở có thể yêu cầu một cơ hội khác sau khi lệnh đình chỉ được ban hành.

(2) Thông báo và giải trình theo mục này có thể đưa ra bằng lời nói hoặc bằng văn bản, bao gồm thông báo và giải trình qua điện thoại, chuyển fax hoặc các phương tiện điện tử khác tùy hoàn cảnh cho phép.

(e) Dựa trên việc sửa chữa vi phạm, cơ sở có thể yêu cầu hủy bỏ thông báo đình chỉ bằng văn bản. Cán bộ điều hành sẽ tiến hành thanh tra trong vòng 48 giờ để xác định thông báo đình chỉ bằng văn bản có thể được hủy bỏ hay không. Nếu thông báo đình chỉ bằng văn bản chưa được hủy bỏ do cơ sở thất bại trong việc sửa chữa vi phạm khi thanh tra, một khoản thu là một trăm đô-la (100\$) sẽ được áp dụng cho từng lần thanh tra kế tiếp theo mục này.

(f) Thông báo đình chỉ sẽ được giữ nguyên niêm yết cho đến khi được gỡ bỏ bởi cán bộ điều hành, nhưng sẽ có hiệu lực không quá 30 ngày. Việc gỡ bỏ thông báo đình chỉ bởi bất kỳ người nào khác không phải cán bộ điều hành hoặc người đại diện được chỉ định, hoặc cơ sở từ chối đóng cửa dựa trên việc ban hành văn bản thông báo đình chỉ giấy phép của cơ sở đều được xem là vi phạm chương này và có thể dẫn đến những hình phạt đã được cho phép trong chương này.

7404. Các Căn cứ cho Hành động Kỷ luật

Các căn cứ cho hành động kỷ luật bao gồm:

(a) Thực hiện không chuyên nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn, bất kỳ điều nào sau đây:

(1) Thiếu trình độ hoặc cấu thả nghiêm trọng, bao gồm cả việc liên tiếp không tuân thủ theo các tiêu chuẩn được chấp thuận chung cho việc hành nghề làm tóc, thẩm mỹ, hoặc điện phân, hoặc xem nhẹ sức khỏe và sự an toàn của khách hàng.

(2) Lặp lại những hành vi cấu thả tương tự.

(3) Bị kết tội có liên quan chủ yếu đến năng lực, chức năng, hoặc nhiệm vụ của người giữ giấy phép, trong trường hợp này, các hồ sơ về việc kết án hoặc bản sao có chứng thực sẽ là bằng chứng thuyết phục về việc đó.

(4) Quảng cáo bằng những lời lẽ sai lệch hoặc gian dối một cách chủ tâm.

(b) Không tuân thủ các yêu cầu của chương này.

(c) Không tuân thủ các quy định về sức khỏe và an toàn do hội đồng thông qua và được Bộ Dịch vụ Y tế Tiểu bang chấp thuận, đối với quy định của các cơ sở, hoặc bất kỳ hành nghề nào được cấp phép và quy định theo chương này.



(d) Không tuân thủ các luật lệ đã được hội đồng thông qua đối với quy định của các cơ sở, hoặc bất kỳ hành nghề nào được cấp phép và quy định theo chương này.

(e) Tiếp tục hành nghề bởi một người được biết rõ là bị bệnh truyền nhiễm hoặc dễ lây lan.

(f) Say rượu thường xuyên, hay dùng hoặc nghiện dùng bất kỳ các chất bị kiểm soát nào.

(g) Hành nghề hoặc cố gắng hành nghề bất cứ công việc nào được cấp phép và quy định theo chương này, hoặc nhận tiền, hoặc thù lao dưới mọi hình thức, bằng cách xuyên tạc gian lận.

(h) Không trưng bày giấy phép hoặc các quy tắc và quy định về an toàn và sức khỏe ở một nơi dễ thấy.

(i) Tham gia vào bất kỳ hành nghề nào yêu cầu phải có giấy phép theo chương này bên ngoài cơ sở được cấp phép và để được trả công dưới bất kỳ hình thức nào, trừ khi dịch vụ được cung cấp do khách hàng đau ốm hoặc mất năng lực thể chất hoặc tinh thần, và khi được thực hiện bởi một người được cấp giấy phép cho mục đích của cơ sở được cấp phép.

(j) Cho phép sử dụng giấy phép khi người được cấp phép không đích thân tham gia vào công việc một cách tích cực và thường xuyên.

(k) Đưa ra những tuyên bố sai lệch đối với một vấn đề trọng yếu trong bất kỳ cam kết hoặc bản khai có tuyên thệ nào được yêu cầu theo các điều khoản của chương này.

(l) Từ chối cho phép hoặc can thiệp vào một cuộc thanh tra đã được cho phép theo chương này.

(m) Bất kỳ hành động hoặc hành vi nào đảm bảo sự từ chối cấp phép.

(n) Không nộp lại giấy phép bị cấp sai hoặc cấp nhầm.

7404.1. Vi phạm Chương

Bất kỳ cá nhân, công ty, hiệp hội hoặc tổ chức nào vi phạm chương này đều được xem là phạm tội tiểu hình trừ phi có một hình phạt cụ thể được quy định khác.

7405. “Kết án”; Ảnh hưởng Đối với Giấy phép

Khai tội hoặc tuyên án có tội hoặc bị kết tội sau khi để tùy tòa xét xử đều được xem là một lời kết tội theo ý nghĩa của điều này. Hội đồng có thể ra lệnh đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép, hoặc từ chối cấp giấy phép khi thời gian kháng cáo đã hết, hoặc phán quyết kết tội đã được xác nhận dựa trên kháng cáo hoặc khi một lệnh ban hành án treo được đưa ra tạm hoãn việc chịu án, bất kể một trật lệnh tiếp đó theo Mục 1203.4 Bộ luật Hình sự cho phép một người rút lại lời khai tội của mình và đưa ra lời biện hộ vô tội, hoặc bãi bỏ tuyên án có tội, hoặc bác bỏ việc buộc tội, thông tin hoặc cáo trạng.



ĐIỀU 12

Các Khoản phạt Hành chính và Trát Hưu tòa

7406. Ước định Khoản phạt Hành chính đối với Vi phạm

Ngoài quyền tiến hành các thủ tục kỷ luật theo chương này, thông qua các đại diện được ủy quyền chính đáng của mình, hội đồng có quyền ước định các khoản phạt hành chính đối với việc vi phạm bất kỳ mục nào của chương này hoặc đối với việc vi phạm bất kỳ luật lệ và quy định nào được hội đồng thông qua theo chương này.

7407. Bản liệt kê các Khoản phạt Hành chính

Hội đồng sẽ thiết lập theo quy định một bản liệt kê các khoản phạt hành chính đối với các trường hợp vi phạm chương này. Tất cả số tiền thu được theo mục này sẽ được ký gửi vào quỹ dự phòng của hội đồng.

Bản liệt kê sẽ chỉ ra từng loại vi phạm, tùy theo quyết định của hội đồng, vi phạm đó có thể được sửa chữa hay không. Hội đồng sẽ xem xét và sửa đổi bản liệt kê các khoản phạt hành chính đối với các vi phạm trước ngày 01 tháng 01 năm 2005. Hội đồng phải đảm bảo rằng Hội đồng và Cục Giáo dục Sau Trung học Tư thục và Dạy nghề không ban hành trát hưu tòa cho cùng một vi phạm.

7408. Trát Hưu tòa

Thông qua các đại diện được ủy quyền chính đáng của mình, hội đồng sẽ ban hành trát hưu tòa đối với bất kỳ vi phạm nào có thể ước định khoản phạt hành chính. Mỗi trát hưu tòa sẽ được ghi bằng văn bản và mô tả chi tiết tính chất của vi phạm, bao gồm thông tin tham khảo tới điều khoản cụ thể được viện dẫn là đã bị vi phạm. Khoản phạt hành chính, nếu có, sẽ kèm theo cùng lúc soạn thảo trát hưu tòa. Trát hưu tòa sẽ bao gồm một yêu cầu sửa chữa bất kỳ điều kiện hoặc vi phạm nào cho phép sửa chữa, như quy định của hội đồng chiếu theo Mục 7406.

7409. Sửa chữa Vi phạm

Bất kỳ người được cấp phép nào phải nhận trát hưu tòa đều có thể tránh nộp khoản phạt hành chính liên quan bằng cách trình bày chứng cứ bằng văn bản thuyết phục hội đồng hoặc cán bộ điều hành của hội đồng rằng vi phạm đó đã được sửa chữa. Điều khoản này chỉ được áp dụng khi người được cấp phép vi phạm lần đầu trong bất kỳ khoảng thời gian ba năm nào theo bất kỳ điều khoản riêng lẻ nào của chương này hoặc các luật lệ và quy định đã được thông qua chiếu theo chương này. Bằng chứng sửa chữa phải được trình bày trước hội đồng thông qua cán bộ điều hành, theo thời gian và phương thức do hội đồng quy định. Tùy theo quyết định của mình, hội đồng có thể kéo dài thời gian sửa chữa vi phạm ở mức hợp lý nếu lý do chính đáng được đưa ra. Thông báo sửa chữa được nộp sau ngày quy định



sẽ không được chấp nhận và khoản phạt hành chính phải được thanh toán.

7410. Kháng cáo lên Ủy ban Xem xét Kỷ luật

Những người phải nhận thông báo vi phạm hoặc trát hầu tòa kèm theo khoản phạt hành chính đã được ước định có thể kháng cáo trát hầu tòa đó lên Ủy ban Xem xét Kỷ luật do hội đồng thành lập. Tất cả đơn kháng cáo phải được đệ trình bằng văn bản theo chương trình trong vòng 30 ngày kể từ ngày ban hành trát hầu tòa. Các đơn kháng cáo trát hầu tòa không được đệ trình đúng hạn sẽ bị từ chối.

Sau khi đơn kháng cáo đúng hạn đã được gửi đến chương trình, khoản phạt hành chính, nếu có, sẽ được tạm hoãn cho đến khi kháng cáo đó đã được xét xử.

Những người kháng cáo trát hầu tòa, hoặc đại diện được chỉ định của họ, có thể xuất hiện trực tiếp trước Ủy ban Xem xét Kỷ luật. Người kháng cáo có thể trình bày bằng văn bản hoặc bằng lời chứng cứ liên quan đến các sự kiện và hoàn cảnh liên quan đến trát hầu tòa được ban hành. Tiếp theo một kháng cáo tới Ủy ban Xem xét Kỷ luật, Ủy ban Xem xét Kỷ luật sẽ đưa ra quyết định dựa trên kết quả cứ liệu thực tế, có thể phê chuẩn, giảm nhẹ, bãi bỏ, hoặc thay đổi bất kỳ tội danh nào được lập trong trát hầu tòa. Khoản phạt hành chính sẽ không tăng thêm trong mọi trường hợp. Người kháng cáo sẽ được cung cấp một bản sao bằng văn bản quyết định của Ủy ban Xem xét Kỷ luật liên quan đến kháng cáo.

7411. Kháng cáo Quyết định của Ủy ban Xem xét Kỷ luật

Những người nhận được quyết định từ Ủy ban Xem xét Kỷ luật có thể kháng cáo quyết định đó bằng cách gửi một yêu cầu bằng văn bản trong vòng 30 ngày sau khi nhận được quyết định đến điều hành viên chương trình. Tiếp theo buổi điều trần kháng cáo quyết định của Ủy ban Xem xét Kỷ luật, giám đốc sau đó sẽ dựa trên kết quả cứ liệu thực tế để ban hành quyết định phê chuẩn, thay đổi hoặc hủy bỏ trát hầu tòa hoặc hình phạt, hoặc hướng dẫn hình thức xử lý phù hợp khác. Khoản phạt hành chính sẽ không tăng thêm trong mọi trường hợp. Phiên điều trần tranh luận quyết định của Ủy ban Xem xét Kỷ luật sẽ được tiến hành theo Chương 5 (bắt đầu từ Mục 11500) Phần 1, Khoản 3, Tiêu đề 2 Bộ luật Chính phủ, và giám đốc sẽ có toàn quyền quyết định trong phiên điều trần đó.

7413. Tính đúng hạn của Kháng cáo, Tính cuối cùng của Quyết định

Các kháng cáo trát hầu tòa không được đệ trình đúng hạn hoặc người kháng cáo hoặc đại diện của người kháng cáo không trình diện trước Ủy ban Xem xét Kỷ luật vào thời điểm được chỉ định mà không đưa ra lý do chính đáng sẽ dẫn đến trát hầu tòa trở thành quyết định cuối cùng và sẽ không có khiếu nại hành chính nào nữa trừ khi được quy định khác bởi pháp luật.



7414. Hiệu lực của việc Không nộp các Khoản phạt Hành chính

Những người không nộp các khoản phạt hành chính mà đã không được tranh luận hoặc đã được tranh luận nhưng kháng cáo đã được xét xử, sẽ không được cấp giấy phép hoặc được phép gia hạn bất kỳ giấy phép nào đã cấp cho họ cho đến khi tất cả tiền phạt được thanh toán cùng với bất kỳ chi phí nộp đơn, gia hạn hoặc nợ quá hạn nào được yêu cầu.

ĐIỀU 12.5**Cơ sở Nhuộm da nâu****7414.1. Thanh tra Hồ sơ được Yêu cầu Lưu giữ theo Đạo luật Cơ sở Nhuộm da nâu Filante năm 1988**

Tất cả các hồ sơ được pháp luật yêu cầu lưu giữ bởi các cơ sở nhuộm da nâu theo Đạo luật Cơ sở Nhuộm da nâu Filante năm 1988 (Chương 23 (bắt đầu từ Mục 22700), Khoản 8), bao gồm, nhưng không giới hạn các hồ sơ liên quan đến các tuyên bố cảnh báo bằng văn bản, biển hiệu được yêu cầu niêm yết, năng lực của những người vận hành cơ sở, các tuyên bố thừa nhận, các mẫu đơn đồng ý của phụ huynh và các báo cáo thương tích sẽ được công khai cho việc thanh tra của hội đồng, hoặc những người đại diện được ủy quyền của hội đồng trong bất kỳ cuộc thanh tra nào, hoặc trong bất kỳ cuộc điều tra nào được thực hiện để đáp lại đơn khiếu nại rằng cơ sở nhuộm da nâu đó đã vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong Đạo luật Cơ sở Nhuộm da nâu Filante năm 1988. Một bản sao của bất kỳ hoặc toàn bộ các hồ sơ này phải được cung cấp cho hội đồng hoặc những người đại diện được ủy quyền ngay khi có yêu cầu.

7414.2. Các Trường hợp Trong đó Việc Vi phạm Đạo luật Cơ sở Nhuộm da nâu Filante năm 1988 bị coi là Phạm luật; Hình phạt

(a) Bất kể các quy định khác của luật pháp, việc vi phạm Đạo luật Cơ sở Nhuộm da nâu Filante năm 1988 (Chương 23 (bắt đầu từ Mục 22700) của Khoản 8) được xem là một hành vi phạm luật theo các thủ tục được quy định trong Mục 19.6 và 19.7 Bộ luật Hình sự khi:

(1) Một đơn khiếu nại hay một thông báo bằng văn bản đệ trình tại tòa án chiếu theo Chương 5c (bắt đầu từ Mục 853.5) Tiêu đề 3, Phần 2 Bộ luật Hình sự được nộp tại tòa án cáo buộc việc vi phạm như một hành vi phạm luật, hoặc

(2) Tòa án, với sự đồng thuận của bị đơn và nguyên đơn, xác định rằng vi phạm đó là một hành vi phạm luật nếu trong trường hợp vụ kiện được tiến hành như thế bị đơn đã bị buộc tội trong một khiếu nại phạm luật.

(b) Bất kể các quy định khác của luật pháp, một vi phạm đối với bất kỳ điều khoản nào trong Đạo luật Cơ sở Nhuộm da nâu Filante năm 1988 được xem là một hành vi phạm luật, đều có thể bị phạt một khoản tiền tối thiểu là hai trăm năm mươi đô-la (250\$) và tối đa là một ngàn đô-la (1.000\$).

(c) Mục này sẽ bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 1994.



7414.3. Quyền Ban hành Thông báo Trình diện, Trách nhiệm đối với Việc Ban hành

(a) Bất kỳ đại diện nào của hội đồng đã được giám đốc bổ nhiệm đều có quyền ban hành văn bản thông báo trình diện tại tòa án chiếu theo Chương 5c (bắt đầu từ Mục 853.5), Tiêu đề 3, Phần 2 Bộ luật Hình sự. Người đại diện được chỉ định đó không phải là cán bộ thi hành luật và cũng không được hưởng các quyền lợi hưu trí thành viên an toàn do việc bổ nhiệm đó. Trừ khi có những quy định khác, việc ủy quyền cho người đại diện được giới hạn trong việc ban hành các văn bản thông báo trình diện cho hành vi vi phạm Đạo luật Cơ sở Nhuộm da nâu Filante năm 1988 và chỉ khi việc vi phạm đó được thực hiện với sự chứng kiến của người đại diện.

(b) Sẽ không có bất cứ trách nhiệm dân sự nào về phía, và không có bất kỳ lý do khởi tố nào nảy sinh chống lại bất kỳ người đại diện nào, thi hành theo tiêu khoản (a) và trong phạm vi ủy quyền của anh ta hoặc cô ta, đối với việc bắt giữ sai hoặc bỏ tù sai nảy sinh ngoài bất kỳ việc bắt giữ nào hợp pháp hoặc khi người đại diện, tại thời điểm bắt giữ đó, có lý do hợp lý để tin là hợp pháp.

(c) Mục này sẽ bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 1994.

7414.4. Phổ biến Thông tin đến Các Cơ sở Về việc Tuân thủ Đạo luật Cơ sở Nhuộm da nâu Filante năm 1988

Hội đồng, cùng với các đại diện được ủy quyền của mình, có thể phổ biến thông tin tới các cơ sở nhuộm da nâu về việc tuân thủ Đạo luật Cơ sở Nhuộm da nâu Filante năm 1988.

7414.5. Áp dụng Điều luật

Điều luật này chỉ được áp dụng đối với những cơ sở nhuộm da nâu được vận hành cùng với, hoặc ở cùng địa điểm với một cơ sở được cấp phép theo chương này.

7414.6. Thông qua các Quy định

Hội đồng có thể thông qua các quy định liên quan đến việc vận hành các cơ sở nhuộm da nâu tại các cơ sở được cấp phép.

ĐIỀU 13 **Doanh thu**

7415. Hết Hiệu lực của Giấy phép

Những giấy phép được cấp theo chương này, nếu không có ngoại lệ cụ thể nào, sẽ được cấp với thời hạn hai năm và sẽ hết hiệu lực vào giữa đêm ngày cuối cùng của tháng cấp bởi hội đồng.

7417. Thời gian Gia hạn đối với Giấy phép Hết hiệu lực

Ngoại trừ được quy định khác trong điều luật này, một người được cấp phép không gia hạn giấy phép đã hết hiệu lực trong thời gian quy định theo điều



luật này có thể gia hạn vào bất kỳ lúc nào trong vòng năm năm kể từ ngày hết hạn dựa trên đơn xin và việc thanh toán tất cả các lệ phí gia hạn được tích lũy và chưa thanh toán cũng như các khoản phí nợ quá hạn. Nếu một giấy phép được gia hạn sau khi hết hiệu lực, người được cấp phép, như một điều kiện tiên quyết cho việc gia hạn, cũng phải thanh toán phí nợ quá hạn và đáp ứng tất cả các yêu cầu giáo dục thường xuyên hiện hành, nếu có, theo quy định của chương này. Việc gia hạn theo mục này sẽ có hiệu lực vào ngày nộp đơn, hoặc vào ngày các chi phí gia hạn tích lũy được thanh toán, hoặc vào ngày phí nợ quá hạn, nếu có, được thanh toán, tùy theo điều kiện nào đến trước. Nếu được gia hạn, giấy phép sẽ tiếp tục có hiệu lực cho đến ngày hết hạn được nêu trong điều luật này diễn ra tiếp theo sau ngày gia hạn có hiệu lực, khi giấy phép sẽ hết hạn nếu không được gia hạn lần nữa.

7418. Giấy phép bị Hủy bỏ

Ngoại trừ được quy định khác trong điều luật này, một giấy phép không được gia hạn trong vòng năm năm kể từ ngày hết hạn sẽ được xem như bị hủy bỏ và có thể không được gia hạn, khôi phục, phục hồi hay cấp lại sau đó. Người có giấy phép bị hủy bỏ chỉ có thể xin giấy phép mới bằng cách nộp đơn, thanh toán các lệ phí theo yêu cầu, đạt đủ tiêu chuẩn và vượt qua các kỳ thi theo yêu cầu như khi người có giấy phép nộp đơn xin giấy phép lần đầu.

7419. Gia hạn Giấy phép bị Đình chỉ

Một giấy phép bị đình chỉ hết hạn và sẽ được gia hạn bởi người được cấp phép theo quy định trong điều này, tuy nhiên, việc gia hạn này không cho phép người được cấp giấy phép, trong khi giấy phép vẫn đang bị đình chỉ và cho đến khi nó được phục hồi, tham gia vào bất kỳ hoạt động nào đã được cấp phép, hoặc vào bất kỳ hoạt động nào khác hoặc thực hiện vi phạm trái lệnh hoặc phán quyết dẫn đến việc giấy phép bị đình chỉ.

7420. Hết hiệu lực của Giấy phép bị Thu hồi

Một giấy phép bị thu hồi hết hạn theo quy định trong điều này, nhưng không thể được gia hạn. Nếu giấy phép được phục hồi theo Đạo luật Thủ tục Hành chính sau khi hết hạn, như một điều kiện tiên quyết để được khôi phục, người được cấp phép phải thanh toán phí phục hồi tương đương với phí gia hạn hiện hành.

7421. Thiết lập Lệ phí

Các khoản lệ phí sẽ do hội đồng thiết lập, trong giới hạn do điều luật này quy định, trong một số tiền cần thiết để bù đắp các chi phí mà hội đồng sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ của mình theo chương này.

7422. Báo cáo các Lệ phí cho Kiểm soát viên

Tất cả các lệ phí được thu dưới danh nghĩa hội đồng và tất cả các hóa đơn



thuộc bất kỳ loại hình hay trạng thái nào đều phải được báo cáo lên Kiểm soát viên vào đầu mỗi tháng cho tháng trước đó. Đồng thời toàn bộ số thu phải được trả vào Ngân khố Tiểu bang và sẽ được đưa vào Quỹ dự phòng Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ, theo đó quỹ mới được thành lập.

Số tiền trong quỹ dự phòng này sẽ được dành riêng cho hội đồng theo Đạo luật Ngân sách thường niên và ngoài số đó sẽ dùng để chi trả lương bổng và tất cả các chi phí khác phát sinh cần thiết khi thi hành chương này.

7423. Lệ phí

Số lệ phí được quy định trong chương này có liên quan đến các giấy phép dành cho người hành nghề cá nhân như sau:

(a) (1) Phí nộp đơn xin hành nghề chuyên viên thẩm mỹ và khảo thí sẽ là chi phí thực tế để hội đồng triển khai, mua sắm, đánh giá, và điều hành kỳ thi.

(2) Phí cấp giấy phép lần đầu dành cho chuyên viên thẩm mỹ sẽ không quá năm mươi đô-la (50\$).

(b) (1) Phí nộp đơn xin hành nghề chuyên viên chăm sóc da và khảo thí sẽ là chi phí thực tế để hội đồng triển khai, mua sắm, đánh giá, và điều hành kỳ thi.

(2) Phí cấp giấy phép lần đầu dành cho chuyên viên chăm sóc da sẽ không quá bốn mươi đô-la (40\$).

(c) (1) Phí nộp đơn xin hành nghề chuyên viên chăm sóc móng và khảo thí sẽ là chi phí thực tế để hội đồng triển khai, mua sắm, đánh giá, và điều hành kỳ thi.

(2) Phí cấp giấy phép lần đầu dành cho chuyên viên chăm sóc móng sẽ không quá ba mươi lăm đô-la (35\$).

(d)(1) Phí nộp đơn xin hành nghề chuyên viên làm tóc và khảo thí sẽ là chi phí thực tế để hội đồng triển khai, mua sắm, đánh giá, và điều hành kỳ thi.

(2) Phí cấp giấy phép lần đầu dành cho chuyên viên làm tóc sẽ không quá năm mươi đô-la (50\$).

(e) (1) Phí nộp đơn xin hành nghề chuyên viên điện phân và khảo thí sẽ là chi phí thực tế để hội đồng triển khai, mua sắm, đánh giá, và điều hành kỳ thi.

2) Phí cấp giấy phép lần đầu dành cho chuyên viên điện phân sẽ không quá năm mươi đô-la (50\$).

(f) Phí nộp đơn xin học nghề và cấp phép sẽ không quá hai mươi lăm đô-la (25\$).

(g) Phí gia hạn giấy phép đối với các giấy phép cần được gia hạn của người hành nghề cá nhân sẽ không vượt quá năm mươi đô-la (50\$).

(h) Bất kể Mục 163.5, phí nợ quá hạn đối với giấy phép sẽ là 50 phần trăm phí gia hạn có hiệu lực từ ngày gia hạn.



(i) Bất kỳ lệ phí cho đơn đăng ký trước nào cũng sẽ được hội đồng thiết lập một khoản đủ để bù đắp các chi phí xử lý và quản lý đơn đăng ký trước.

7424. Biểu phí cho Hoạt động của Cơ sở

Mức phí phải trả theo chương này liên quan đến các giấy phép hoạt động của một cơ sở là như sau:

- (a) Phí nộp đơn và cấp phép lần đầu sẽ không quá tám mươi đô-la (80\$).
- (b) Phí gia hạn sẽ không quá bốn mươi đô-la (40\$).
- (c) Phí nợ quá hạn sẽ là 50 phần trăm phí gia hạn có hiệu lực từ ngày gia hạn.
- (d) Bất kỳ phí nộp đơn và cấp phép lần đầu nào do thay đổi quyền sở hữu của một cơ sở hiện có cũng đều có thể được hội đồng thiết lập trong một khoản ít hơn phí được quy định cho một cơ sở mới, nhưng phải đủ để bù đắp những chi phí để giải quyết đơn xin và cấp giấy phép.

7425. Biểu phí cho Hoạt động của Đơn vị Lưu động

Mức phí phải trả theo chương này liên quan đến các giấy phép hoạt động của một đơn vị lưu động là như sau:

- (a) Phí nộp đơn sẽ không quá năm mươi đô-la (50\$).
- (b) Phí thanh tra và cấp phép lần đầu sẽ không quá một trăm đô-la (100\$).
- (c) Phí gia hạn sẽ không quá bốn mươi đô-la (40\$).
- (d) Phí nợ quá hạn sẽ là 50 phần trăm phí gia hạn có hiệu lực từ ngày gia hạn, bất kể Mục 163. 5.

7426. Lệ phí Giấy phép Sao y

Lệ phí cấp giấy phép sao y theo quy định tại Mục 7389 sẽ là mười đô-la (10\$).

7426.5. Phân chia Lệ phí thành Các Hạng mục dựa trên Chức năng Xử lý; Mất toàn bộ hoặc Một phần Lệ phí

Hội đồng, bằng các quy định, có thể phân chia các khoản lệ phí phải trả liên quan đến các giấy phép theo chương này thành các hạng mục riêng biệt dựa trên chức năng xử lý, ví dụ như xem xét đơn xin, điều hành kỳ thi, hoặc ban hành giấy phép, miễn là tổng chi phí cho các chức năng xử lý này không được vượt quá mức tối đa được quy định bởi hạng mục cấp phép đó.

Hội đồng, bằng các quy định, có thể thiết lập các thủ tục mà theo đó một phần hoặc tất cả lệ phí được nộp cùng với đơn xin cấp giấy phép sẽ bị mất do người nộp đơn rút lại đơn, không có mặt để dự thi hoặc được yêu cầu thi lại.



KHOẢN 1.5

TỪ CHỐI, ĐÌNH CHỈ VÀ THU HỒI GIẤY PHÉP

CHƯƠNG 1

Các Điều khoản Chung

475. Áp dụng Khoản luật

(a) Bất kể các điều khoản khác của bộ luật này, những quy định của khoản này sẽ quyết định việc từ chối giấy phép dựa trên những cơ sở sau:

(1) Cố ý đưa ra thông tin sai lệch về một sự thật trọng yếu hoặc cố ý bỏ qua thông tin về sự thật trọng yếu khi nộp hồ sơ xin giấy phép.

(2) Kết án phạm tội.

(3) Phạm tội với bất kỳ hành vi nào liên quan đến tính không trung thực, gian lận hoặc lừa đảo nhằm mục đích chủ yếu trực lợi cho bản thân hoặc người khác, hoặc gây thương tích đáng kể cho người khác.

(4) Phạm tội với bất kỳ hành vi nào, nếu được thực hiện bởi một người được cấp phép kinh doanh hoặc hành nghề đang được nói đến, sẽ là cơ sở để đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép.

(b) Bất kể các điều khoản khác của bộ luật này, những quy định của khoản luật này sẽ quyết định việc đình chỉ và thu hồi giấy phép dựa trên những cơ sở được ghi rõ trong đoạn (1) và (2) của tiểu khoản (a).

(c) Giấy phép sẽ không bị từ chối, đình chỉ hay thu hồi dựa trên những cơ sở như thiếu tư cách đạo đức hoặc bất kỳ cơ sở nào tương tự liên quan đến tính cách, danh tiếng, nhân phẩm hay thói quen của người nộp đơn.

476. Miễn trừ

(a) Trừ trường hợp được quy định ở tiểu khoản (b), không có nội dung nào trong khoản này được áp dụng cho việc cấp phép hay đăng ký của các cá nhân chiếu theo Chương 4 (bắt đầu từ Mục 6000), Khoản 3, hoặc chiếu theo Khoản 9 (bắt đầu từ Mục 23000) hoặc chiếu theo Chương 5 (bắt đầu từ Mục 19800), Khoản 8.

(b) Mục 494.5 sẽ áp dụng cho việc cấp phép của các cá nhân được phép hành nghề luật chiếu theo Chương 4 (bắt đầu từ Mục 6000), Khoản 3, và việc cấp phép hoặc đăng ký của các cá nhân chiếu theo Chương 5 (bắt đầu từ Mục 19800), Khoản 8 hoặc chiếu theo Khoản 9 (bắt đầu từ Mục 23000).

477. “Hội đồng”; “Giấy phép”

Như được sử dụng trong khoản này:

(a) “Hội đồng” bao gồm “cục”, “ủy ban”, “ban”, “bộ”, “phòng”, “ban kiểm tra”, “chương trình” và “cơ quan”.



(b) “Giấy phép” bao gồm giấy chứng nhận, đăng ký hoặc các loại giấy tờ khác liên quan đến công việc hoặc ngành nghề được quy định trong bộ luật này.

478. “Đơn xin”; “Tài liệu”

(a) Như được sử dụng trong khoản này, “đơn xin” bao gồm những tài liệu hoặc văn bản gốc được đệ trình và các tài liệu hoặc văn bản hỗ trợ khác bao gồm các tài liệu hỗ trợ được cung cấp hoặc đệ trình đồng thời, hoặc sau đó, để hỗ trợ đơn xin được cung cấp hoặc đệ trình bởi người nộp đơn hoặc bởi bất kỳ người nào khác để hỗ trợ đơn xin.

(b) Như được sử dụng trong khoản này, “tài liệu” bao gồm một tuyên bố hoặc bác bỏ chủ yếu liên quan đến năng lực, chức năng hoặc nhiệm vụ của công việc hay ngành nghề.

CHƯƠNG 2

Từ chối Cấp phép

480. Cơ sở cho việc Từ chối; Hiệu lực của việc Đạt được Chứng nhận Phục hồi

(a) Hội đồng có thể từ chối cấp giấy phép theo quy định của bộ luật này trên cơ sở người nộp đơn có một trong những vấn đề sau:

(1) Bị kết án phạm tội. Theo ý nghĩa của mục này, bị kết án nghĩa là khai tội hoặc tuyên án kết tội hoặc bị kết tội sau khi để tù tòa xét xử. Bất kỳ hành động nào mà hội đồng được phép thực hiện sau việc kết án đều có thể được thi hành khi thời gian kháng án đã hết hoặc phán quyết kết tội đã được xác nhận dựa trên kháng cáo, hoặc khi một lệnh ban hành án treo được đưa ra tạm hoãn việc chịu án, bất kể một trát lệnh tiếp đó theo các điều khoản của Mục 1203.4 Bộ luật Hình sự.

(2) Thực hiện bất kỳ hành vi nào liên quan đến tính không trung thực, gian lận hoặc lừa đảo nhằm mục đích chủ yếu trực lợi cho bản thân hoặc người khác, hoặc gây thương tích đáng kể cho người khác; hoặc

(3) (A) Đã có bất kỳ hành vi nào mà nếu được thực hiện bởi một người được cấp phép kinh doanh hoặc hành nghề đang được nói đến, sẽ là cơ sở để đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép.

(B) Hội đồng chỉ có thể từ chối cấp phép theo tiểu khoản này khi tội trạng hoặc hành vi đó chủ yếu liên quan đến năng lực, chức năng, hoặc nhiệm vụ của công việc hay ngành nghề đăng ký.

(b) Bất kể điều khoản nào khác của bộ luật này, sẽ không có cá nhân nào bị từ chối cấp phép chỉ dựa trên cơ sở đã phạm tội nghiêm trọng nếu cá nhân đó đã nhận được giấy chứng nhận phục hồi theo Mục 4852.01 và theo Bộ luật Hình sự, hoặc đã phạm tội tiểu hình nếu cá nhân đó đã đáp ứng tất cả các yêu cầu phù hợp về tiêu chí phục hồi do hội đồng đặt ra để đánh giá sự phục hồi của một người khi xem xét từ chối cấp phép theo tiểu khoản (a),



Mục 482.

(c) Bất kể điều khoản nào khác của bộ luật này, một người sẽ không bị từ chối cấp phép chỉ dựa trên cơ sở kết tội đã được bãi bỏ theo Mục 1203.4, 1203.4a, hoặc 1203.41 Bộ luật Hình sự. Người nộp đơn có một kết tội được bãi bỏ theo Mục 1203.4, 1203.4a, hoặc 1203.41 Bộ luật Hình sự phải cung cấp bằng chứng về việc bãi bỏ.

(d) Theo quy định của bộ luật này, hội đồng có thể từ chối cấp phép trong trường hợp người nộp đơn cố ý nói sai sự thật được yêu cầu phải tiết lộ trong đơn xin cấp giấy phép.

480.5. Đơn xin Cấp phép: Giam giữ

(a) Các cá nhân đã đáp ứng bất kỳ những yêu cầu cần thiết nào để có được một giấy phép quy định theo khoản này trong khi bị giam giữ, đã nộp đơn cho giấy phép đó dựa trên việc giải phóng khỏi tù, và đã đủ điều kiện được cấp phép sẽ không bị trì hoãn trong xử lý đơn xin của họ hoặc bị từ chối cấp phép chỉ trên cơ sở một số hoặc tất cả các yêu cầu cấp phép đã được hoàn thành trong khi cá nhân đang bị giam giữ.

(b) Không có điều khoản nào trong mục này sẽ được dùng để áp dụng cho một đơn yêu cầu khôi phục một giấy phép hoặc để hạn chế khả năng từ chối cấp phép của hội đồng chiếu theo Mục 480.

(c) Mục này sẽ không áp dụng cho việc cấp phép của các cá nhân theo đạo luật ban đầu được sử dụng chỉ đến trong Chương 2 (bắt đầu từ Mục 1000), Khoản 2.

481. Tội trạng và Tiêu chuẩn Phù hợp với Công việc

Mỗi hội đồng, theo các điều khoản của bộ luật này, sẽ đưa ra các tiêu chí để hỗ trợ cho mình, khi xem xét việc từ chối, đình chỉ hoặc thu hồi một giấy phép, để quyết định xem một tội trạng hay hành vi có liên quan chủ yếu về năng lực, chức năng, hay nhiệm vụ của công việc hoặc ngành nghề mà nó quy định hay không.

482. Tiêu chuẩn Phục hồi

Mỗi hội đồng, theo các điều khoản của bộ luật này, sẽ đưa ra tiêu chí để đánh giá việc phục hồi của một cá nhân khi:

(a) Cân nhắc việc từ chối một giấy phép của hội đồng theo Mục 480; hoặc

(b) Cân nhắc việc đình chỉ hoặc thu hồi một giấy phép theo Mục 490. Mỗi hội đồng sẽ xem xét tất cả bằng chứng phục hồi đủ thẩm quyền do người nộp hồ sơ hay người được cấp giấy phép cung cấp.

484. Chứng nhận Phẩm chất Đạo đức Tốt của Người nộp đơn

Không một cá nhân nào nộp hồ sơ xin cấp giấy phép theo bộ luật này phải đệ trình cho hội đồng cấp phép bất kỳ chứng nhận của bởi người khác nào đối với phẩm chất đạo đức của mình.



485. Thủ tục Từ chối

Khi từ chối một đơn xin cấp phép theo chương này hoặc Mục 496, Hội đồng phải thực hiện một trong hai việc sau:

(a) Đề trình và cung cấp một tuyên bố ban hành theo Chương 5 (bắt đầu từ Mục 11500), Phần 1, Khoản 3, Tiêu đề 2 Bộ luật Chính phủ.

(b) Thông báo cho người nộp đơn về việc hồ sơ bị từ chối, nêu rõ

(1) lý do từ chối, và

(2) người nộp đơn có quyền điều trần theo Chương 5 (bắt đầu từ Mục 11500), Phần 1, Khoản 3, Tiêu đề 2 Bộ luật Chính phủ nếu yêu cầu điều trần bằng văn bản được đưa ra trong vòng 60 ngày kể từ ngày gửi thông báo từ chối. Nếu yêu cầu điều trần bằng văn bản không được đưa ra trong vòng 60 ngày thì quyền điều trần của người nộp đơn xem như bị từ bỏ.

Việc gửi thông báo từ chối có thể được thực hiện theo cách đã được cho phép đối với việc gửi triệu tập trong tố tụng dân sự, hoặc bằng thư bảo đảm đến người nộp đơn theo địa chỉ mới nhất do người nộp đơn cung cấp bằng văn bản cho hội đồng trong hồ sơ của mình hoặc bằng cách khác. Việc gửi thư được hoàn tất vào ngày gửi thư.

486. Nội dung của Quyết định hoặc Thông báo

Khi hội đồng đã từ chối một đơn xin cấp giấy phép theo chương này hoặc theo Mục 496, thì hội đồng, trong quyết định hoặc trong thông báo của mình theo tiểu khoản (b), Mục 485, phải thông báo cho người nộp đơn những nội dung sau:

(a) Ngày sớm nhất mà người nộp hồ sơ có thể tái nộp đơn xin cấp giấy phép sẽ là một năm kể từ ngày quyết định có hiệu lực, hoặc ngày gửi thông báo theo tiểu khoản (b), Mục 485, trừ trường hợp hội đồng quy định một ngày sớm hơn hoặc một ngày muộn hơn theo quy định của một quy chế khác.

(b) Tất cả các bằng chứng phục hồi có thẩm quyền được trình bày sẽ được xem xét khi tái nộp đơn. Cùng với quyết định hoặc thông báo theo tiểu khoản (b), Mục 485, hội đồng sẽ cung cấp một bản sao các tiêu chuẩn liên quan đến việc phục hồi được xây dựng theo Mục 482.

487. Điều trần; Thời gian

Nếu người nộp hồ sơ yêu cầu một phiên điều trần, hội đồng phải tổ chức phiên điều trần đó trong vòng 90 ngày kể từ ngày yêu cầu trừ trường hợp người nộp đơn đề nghị hoặc đồng ý bằng văn bản trì hoãn hoặc đình lại phiên điều trần.

Bất kể điều trên, Văn phòng Điều trần Hành chính có thể yêu cầu, hoặc với lý do chính đáng, cho phép tăng thêm 45 ngày để tiến hành phiên điều trần, ngoại trừ trường hợp bị cáo buộc liên quan đến gian lận trong thi cử hoặc cấp phép, trong những trường hợp này khoảng thời gian đó có thể lên đến 180 ngày. Không có trường hợp nào mà nhiều hơn hai mệnh lệnh được đưa



ra hoặc yêu cầu được chấp thuận.

488. Yêu cầu Điều trần

Trừ khi pháp luật có quy định khác, sau buổi điều trần do người nộp đơn yêu cầu theo tiểu khoản (b), Mục 485, hội đồng có thể thực hiện bất kỳ hành động nào sau đây:

(a) Công nhận giấy phép có hiệu lực ngay sau khi người nộp đơn hoàn tất các yêu cầu cho việc cấp phép.

(b) Công nhận giấy phép có hiệu lực ngay sau khi người nộp đơn hoàn tất các yêu cầu cho việc cấp phép, ngay lập tức thu hồi giấy phép, hoãn việc thu hồi, và áp đặt các điều kiện thử thách đối với giấy phép đó, có thể bao gồm cả việc đình chỉ.

(c) Từ chối cấp giấy phép.

(d) Thực hiện các hành động khác liên quan đến việc từ chối hoặc đồng ý cấp phép mà hội đồng, tùy theo quyết định của mình, có thể thấy là chính đáng.

489. Từ chối Đơn xin mà Không có Điều trần

Bất kỳ cơ quan nào trong bộ đã được luật pháp cho phép từ chối một đơn xin cấp giấy phép dựa trên những căn cứ được quy định trong Mục 480 hoặc 496, có thể từ chối đơn xin mà không cần điều trần dựa trên bất kỳ một trong những căn cứ đó, nếu trong vòng một năm trước đó, và sau khi tiến hành các thủ tục theo Chương 5 (bắt đầu từ Mục 11500), Phần 1, Khoản 3, Tiêu đề 2 Bộ luật Chính phủ, cơ quan đó đã từ chối đơn xin của cùng một người nộp đơn với cùng một lý do.

CHƯƠNG 3

Đình chỉ và Thu hồi Giấy phép

490. Các Căn cứ để Đình chỉ hoặc Thu hồi

(a) Ngoài bất kỳ hành động nào khác mà một hội đồng được phép thực hiện đối với một người được cấp phép, hội đồng có thể đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép dựa trên cơ sở người được cấp phép đã phạm tội, nếu tội đó có liên quan chủ yếu đến năng lực, chức năng, hoặc nhiệm vụ của công việc hoặc ngành nghề đã được cấp giấy phép.

(b) Bất kể có các quy định pháp luật khác, một hội đồng có thể thực thi bất kỳ quyền kỷ luật nào đối với một người được cấp phép cho một tội danh không phụ thuộc vào thẩm quyền được phép theo tiểu khoản (a) chỉ khi tội đó liên quan chủ yếu đến năng lực, chức năng, hoặc nhiệm vụ của công việc hoặc ngành nghề mà giấy phép đã ban hành cho người được cấp.

(c) Bị kết tội nằm trong phạm vi ý nghĩa của mục này nghĩa là lời khai tội hoặc tuyên án có tội hoặc bị kết tội sau khi để tùy tòa xét xử. Một hành động



mà một hội đồng được phép thực hiện sau khi kết tội có thể được tiến hành khi thời gian kháng cáo đã hết, hoặc phán quyết kết tội đã được xác nhận dựa trên kháng cáo hoặc khi một lệnh ban hành án treo được đưa ra tạm hoãn việc chịu án, bất kể một trát lệnh tiếp đó theo Mục 1203.4 Bộ luật Hình sự.

(d) Cơ quan Lập pháp theo đây nhận thấy và tuyên bố rằng việc áp dụng mục này đã không rõ ràng khi dựa theo vụ Petropoulos kiện Sở Bất động sản (2006) 142 142 Cal. App. 4th 554, và việc dựa trên vụ kiện đó đã đặt ra một số đáng kể các quy chế và quy định đang nói đến, dẫn đến việc những người được cấp phép đã bị buộc tội có thể gây phương hại cho người tiêu dùng California. Do đó, Cơ quan Lập pháp nhận thấy và tuyên bố rằng mục này xác lập một cơ sở độc lập để một hội đồng áp dụng kỷ luật đối với một người được cấp phép, và các sửa đổi đối với mục này được thực hiện bởi Chương 33 Các Quy chế năm 2008 không cấu thành một sự thay đổi đối với, mà đúng hơn, là mang tính tuyên bố về điều luật hiện có.

490.5. Đình chỉ Giấy phép do Không Tuân thủ Lệnh Cấp dưỡng Con cái

Hội đồng có thể đình chỉ giấy phép theo Mục 17520 Bộ luật Gia đình nếu người được cấp giấy phép không tuân thủ trát lệnh hoặc phán quyết về cấp dưỡng con cái.

491. Thủ tục khi Đình chỉ hoặc Thu hồi

Khi đình chỉ hoặc thu hồi một giấy phép dựa trên một hoặc nhiều căn cứ theo quy định trong Mục 490, hội đồng sẽ:

(a) Gửi cho người từng được cấp giấy phép một bản sao các điều khoản trong Mục 11522 Bộ luật Chính phủ.

(b) Gửi cho người từng được cấp giấy phép một bản sao các tiêu chí liên quan đến việc phục hồi được xây dựng theo Mục 482.

492. Hiệu lực của việc Hoàn thành Chương trình Chống Thuốc phiện trong Hành động Kỷ luật hoặc Từ chối Giấy phép

Bất kể các điều khoản khác của luật pháp, việc hoàn tất thành công bất kỳ chương trình chống thuốc phiện nào theo Bộ luật Hình sự, hoặc hoàn tất thành công chương trình đánh giá vấn đề thuốc phiện và chất cồn theo Điều 5 (bắt đầu từ Mục 23249.50), Chương 12, Khoản 11 Bộ luật Giao thông, sẽ không ngăn cấm bất kỳ cơ quan nào được thành lập theo Khoản 2 (bắt đầu từ Mục 500) của bộ luật này, hoặc bất kỳ hành động khởi xướng nào được đề cập đến trong khoản đó, khỏi việc thi hành hành động kỷ luật đối với người được cấp phép hoặc khỏi việc từ chối cấp phép đối với hành vi sai trái trong ngành, bất kể bằng chứng về hành vi sai trái đó có thể được lưu vào hồ sơ có liên quan đến việc bắt giữ. Mục này sẽ không được hiểu để áp dụng cho bất kỳ chương trình chống thuốc phiện nào được tiến hành bởi bất kỳ cơ quan nào được thành lập theo Khoản 2 (bắt đầu từ Mục 500) của bộ luật này, hoặc bất kỳ hành động khởi xướng nào được nêu trong khoản đó.



493. Hiệu lực Chứng từ của Hồ sơ Phạm tội Liên quan đến Suy đồi Đạo đức
Bất kể điều khoản nào khác của luật pháp, trong một thủ tục do hội đồng thực hiện trong phạm vi bộ chiếu theo luật pháp nhằm từ chối một đơn xin cấp phép hoặc đình chỉ, thu hồi giấy phép hoặc thi hành hành động kỷ luật khác đối với người giữ giấy phép, trên cơ sở người nộp đơn hoặc người được cấp giấy phép đã bị kết tội có liên quan đáng kể đến năng lực, chức năng và nhiệm vụ của người được cấp giấy phép đang nói đến, hồ sơ kết án phạm tội sẽ là chứng cứ thuyết phục cho sự thật về tội trạng đã diễn ra, nhưng chỉ với sự thật đó, và hội đồng có thể điều tra những tình huống xoay quanh hành vi phạm tội để đặt ra mức độ kỷ luật hoặc quyết định xem việc phạm tội đó có liên quan đáng kể tới năng lực, chức năng và nhiệm vụ của người được cấp phép đang nói đến hay không. Khi được sử dụng trong mục này, “giấy phép” bao gồm “chứng chỉ”, “giấy cho phép”, “giấy ủy quyền”, và “giấy đăng ký”.

494. Lệnh Đình chỉ Tạm thời hoặc Hạn chế

(a) Hội đồng hoặc một thẩm phán luật hành chính độc lập, theo quy định trong tiểu khoản (h), có thể, dựa trên kiến nghị, ban hành một lệnh đình chỉ tạm thời đối với người có giấy phép hoặc áp đặt hạn chế giấy phép, bao gồm, nhưng không giới hạn, trong việc xét nghiệm chất lỏng sinh học bắt buộc, giám sát hoặc đào tạo sửa chữa. Đơn kiến nghị sẽ bao gồm những bản khai có tuyên thệ đáp ứng được yêu cầu của hội đồng bằng cách chứng minh cả hai nội dung sau:

(1) Người được cấp phép có liên quan đến các hành vi hoặc thiếu sót dẫn đến vi phạm bộ luật này hoặc đã bị buộc tội có liên quan đáng kể đến hoạt động được cấp phép.

(2) Việc cho phép người có giấy phép tiếp tục tham gia vào hoạt động được cấp phép, hoặc cho phép người có giấy phép tiếp tục tham gia vào hoạt động được cấp phép mà không bị hạn chế có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe, sự an toàn và phúc lợi của cộng đồng.

(b) Không một lệnh tạm thời nào được đưa ra trong mục này được ban hành mà không thông báo tới người được cấp phép trừ khi xuất hiện trong đơn kiến nghị và các tài liệu hỗ trợ cho thấy sự tổn hại nghiêm trọng có thể gây ra cho công chúng trước khi vấn đề được giải trình trong thông báo.

(c) Trừ khi được quy định tại tiểu khoản (b), người có giấy phép sẽ được thông báo ít nhất 15 ngày về phiên điều trần đối với đơn kiến nghị về lệnh tạm thời. Thông báo sẽ bao gồm các tài liệu được đệ trình lên hội đồng để hỗ trợ cho đơn kiến nghị. Nếu lệnh được ban hành lúc đầu không có thông báo như quy định ở tiểu khoản (b), người được cấp phép sẽ có quyền điều trần cho đơn kiến nghị trong vòng 20 ngày kể từ khi ban hành lệnh tạm thời mà không có thông báo. Người được cấp phép sẽ được thông báo về phiên điều trần trong vòng hai ngày kể từ khi ban hành lệnh tạm thời lần đầu, và sẽ nhận được tất cả các tài liệu hỗ trợ cho đơn kiến nghị. Việc hội đồng không thể tổ chức điều trần trong vòng 20 ngày sau khi ban hành lệnh tạm thời mà không có thông báo, trừ trường hợp người được cấp phép từ bỏ quyền điều



trần, sẽ dẫn đến lệnh tạm thời bị hủy bỏ theo quy định của pháp luật.

(d) Tại phiên điều trần cho đơn kiến nghị về lệnh tạm thời, người được cấp phép có thể:

(1) Có luật sư đại diện.

(2) Có hồ sơ về các thủ tục tố tụng, các bản sao mà sẽ sẵn có cho người được cấp phép khi đã thanh toán các khoản phí được ước tính theo các điều khoản về chi phí sao chép đối với việc xem xét của tòa án được bao gồm trong Mục 11523 Bộ luật Chính phủ.

(3) Trình bày bản khai có tuyên thệ và bằng chứng từ khác.

(4) Đưa ra các tranh luận bằng lời.

(e) Hội đồng, hoặc một thẩm phán luật hành chính độc lập như được đề cập trong tiểu khoản (h), sẽ ban hành một quyết định đối với đơn kiến nghị về lệnh tạm thời trong vòng năm ngày làm việc sau khi vấn đề được đệ trình. Tiêu chuẩn của bằng chứng cần thiết để có được một lệnh tạm thời theo quy định của mục này sẽ là một ưu thế của tiêu chuẩn bằng chứng. Nếu lệnh tạm thời được ban hành trước đó mà không có thông báo thì hội đồng sẽ quyết định xem lệnh đó vẫn còn hiệu lực, bị hủy bỏ hoặc thay đổi hay không.

(f) Hội đồng sẽ lập một cáo trạng trong vòng 15 ngày kể từ khi ban hành lệnh tạm thời. Trong trường hợp lệnh tạm thời được ban hành mà không có thông báo, thời gian sẽ được tính từ ngày ban hành lệnh sau khi thông báo về phiên điều trần. Nếu người được cấp phép nộp Thông báo Bào chữa, phiên điều trần sẽ được tổ chức trong vòng tối đa 30 ngày kể từ khi cơ quan nhận được Thông báo Bào chữa. Quyết định sẽ được đưa ra dựa trên cáo trạng trong vòng 30 ngày kể từ khi vấn đề được đệ trình. Theo quy định của luật pháp, việc không tuân thủ bất kỳ yêu cầu nào trong tiểu khoản này sẽ khiến lệnh tạm thời bị hủy bỏ.

(g) Theo Mục 1094.5 Bộ luật Tố tụng Dân sự, các lệnh tạm thời sẽ do tòa án xét duyệt và sẽ chỉ được giải trình tại tòa án tối cao trong và đối với các Hạt Sacramento, San Francisco, Los Angeles hoặc San Diego. Việc xét duyệt lệnh tạm thời chỉ giới hạn trong việc quyết định xem liệu hội đồng có lạm dụng quyền hành của mình khi ban hành lệnh tạm thời hay không. Việc lạm dụng quyền hành được xác định nếu hội đồng với vai trò bị đơn đã không thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật, hoặc nếu tòa án xác định rằng lệnh tạm thời không được hỗ trợ bởi chứng cứ khả tín khi xem xét toàn bộ hồ sơ.

(h) Trong quyền hạn của mình, hội đồng có thể ủy thác phiên điều trần đối với đơn kiến nghị lệnh tạm thời cho một thẩm phán luật hành chính trong Văn phòng Điều trần Hành chính. Nếu hội đồng tự điều trần đơn kiến nghị được thông báo, một thẩm phán luật hành chính sẽ chủ trì buổi điều trần, quyết định chấp nhận hay loại trừ bằng chứng, và tư vấn cho hội đồng những vấn đề về luật pháp. Hội đồng có thể thi hành tất cả các quyền hạn khác của mình liên quan đến việc tiến hành phiên điều trần nhưng cũng có thể ủy thác bất kỳ hoặc tất cả quyền hạn đó cho thẩm phán luật hành chính. Khi đơn kiến nghị đã được ủy thác cho một thẩm phán luật hành



chính, người đó sẽ độc lập thực hiện tất cả các quyền hành của hội đồng liên quan đến việc tiến hành phiên điều trần. Quyết định được thẩm phán luật hành chính độc lập ban hành sẽ là quyết định cuối cùng nếu như nó được lập cùng với hội đồng. Nếu thẩm phán luật hành chính ban hành một lệnh tạm thời mà không có thông báo, thẩm phán đó sẽ chủ trì phiên điều trần đã được thông báo, trừ phi không thể, trong trường hợp đó, một thẩm phán luật hành chính khác sẽ điều trần vụ việc. Quyết định của thẩm phán luật hành chính độc lập đối với đơn kiến nghị lệnh tạm thời được xem là cuối cùng, chỉ phụ thuộc vào việc xem xét của toà án theo tiểu khoản (g).

(i) Việc không tuân thủ một lệnh tạm thời được ban hành theo tiểu khoản (a) hoặc (b) sẽ cấu thành lý do riêng biệt cho hành động kỷ luật đối với người được cấp phép, và có thể được giải trình tại, và là một phần của, buổi điều trần đã được thông báo theo tiểu khoản (f). Các lý do cho việc không tuân thủ lệnh tạm thời có thể được đệ trình vào bất kỳ thời điểm nào trước khi quyết định buộc tội được đưa ra. Việc vi phạm lệnh tạm thời được xác nhận trên cơ sở người được cấp phép đã được thông báo về lệnh tạm thời đó cùng với các điều khoản của nó, và trên cơ sở trật lệnh đó vẫn có hiệu lực vào thời điểm vi phạm. Việc phát hiện vi phạm đối với lệnh tạm thời tại phiên điều trần sẽ được xem xét như là một phần của bất kỳ việc xem xét nào về quyết định cuối cùng của cơ quan.

Nếu lệnh tạm thời do cơ quan ban hành không có nội dung gì khác ngoài việc đình chỉ hoàn toàn công việc và ngành nghề của người được cấp phép, và người được cấp phép vi phạm lệnh tạm thời trước phiên điều trần buộc tội được quy định trong tiểu khoản (f), cơ quan có thể, dựa vào thông báo tới người được cấp phép và bằng chứng vi phạm, điều chỉnh hoặc kéo dài lệnh tạm thời.

(j) Khai tội hoặc tuyên án có tội hoặc bị kết tội sau khi để tùy tòa xét xử đều được xem là một lời kết tội theo ý nghĩa của mục này. Một hồ sơ kết án có chứng thực sẽ là chứng cứ thuyết phục cho sự thật về tội trạng đã diễn ra. Hội đồng có thể hành động theo mục này bất kể thực tế là đơn kháng cáo đối với bản án có thể được đưa ra.

(k) Các lệnh tạm thời được đưa ra trong mục này sẽ bổ sung, nhưng không giới hạn, quyền tìm kiếm biện pháp khẩn cấp được quy định trong bất kỳ điều khoản nào khác của luật pháp.

(l) Đối với một hội đồng, một đơn kiến nghị lệnh tạm thời có thể do cán bộ điều hành đệ trình. Đối với một cục hoặc chương trình, đơn kiến nghị có thể do người đứng đầu hoặc người quản lý chương trình đệ trình, trong trường hợp có thể.

(m) “Hội đồng”, theo cách sử dụng tại mục này, sẽ bao gồm bất kỳ cơ quan nào được mô tả trong Mục 22, và bất kỳ cơ quan y tế liên kết nào trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng Y Khoa California. Hội đồng cũng sẽ bao gồm Hội đồng Y Khoa Chính xương California và Hội đồng Thẩm tra Phương pháp Nắn khớp của Tiểu bang. Các điều khoản trong mục này sẽ không được áp dụng đối với Hội đồng Y khoa California, Hội đồng Y khoa Chữa bệnh Chân, hoặc Ủy ban Thể thao Tiểu bang.



494.5. Các Hành động của Cơ quan khi Người được cấp phép có tên trong Danh sách Xác nhận; Các Định nghĩa: Thu thập và Ban hành Thông tin Danh sách Xác nhận; Thời hạn; Thông báo; Khước biện của Người nộp đơn và Người Được cấp phép; Đơn Miễn trừ; Hiệp định Liên ngành; Lệ phí; Biện pháp sửa chữa; Các Yêu cầu và Công bố thông tin; Tính riêng lẻ

(a) (1) Ngoại trừ được quy định tại các khoản (2), (3), và (4), một tổ chức cấp phép của chính quyền tiểu bang sẽ từ chối cấp, tái kích hoạt, phục hồi, hoặc gia hạn giấy phép và sẽ đình chỉ giấy phép nếu người được cấp phép có tên trong danh sách xác nhận.

(2) Bộ Xe Cơ giới sẽ đình chỉ giấy phép nếu người được cấp phép có tên trong danh sách xác nhận. Bất kỳ tham khảo nào trong mục này liên quan đến việc cấp, tái kích hoạt, phục hồi, gia hạn, hoặc từ chối giấy phép sẽ không áp dụng cho Bộ Xe Cơ giới.

(3) Hội đồng Luật sư Tiểu bang California có thể đề nghị từ chối cấp, tái kích hoạt, phục hồi, hoặc gia hạn một giấy phép, và có thể đề nghị đình chỉ giấy phép nếu người được cấp phép có tên trong danh sách xác nhận. Từ “có thể” sẽ được thay thế cho từ “sẽ” liên quan đến việc cấp giấy phép tạm thời, từ chối cấp, tái kích hoạt, phục hồi, gia hạn, hoặc đình chỉ giấy phép trong mục này đối với các giấy phép thuộc thẩm quyền của Tòa án Tối cao California .

(4) Bộ Kiểm soát Thức uống Chứa cồn có thể từ chối cấp, tái kích hoạt, phục hồi, hoặc gia hạn một giấy phép, và có thể đình chỉ giấy phép nếu người được cấp phép có tên trong danh sách xác nhận.

(b) Đối với các mục đích của mục này:

(1) “Danh sách xác nhận” nghĩa là danh sách do Hội đồng Quân bình Tiểu bang cung cấp hoặc danh sách do Hội đồng Thuế Đặc quyền cung cấp gồm những người có tên trong danh sách 500 người nợ thuế quá hạn lớn nhất chiếu theo Mục 7063 hoặc 19195 Bộ luật Doanh thu và Thuế hiện hành.

(2) “Giấy phép” bao gồm một giấy chứng nhận, đăng ký, hoặc các giấy ủy quyền khác để tham gia vào một công việc hoặc nghề nghiệp do một tổ chức cấp phép của chính quyền tiểu bang ban hành. “Giấy phép” bao gồm giấy phép lái xe được cấp theo quy định tại Chương 1 (bắt đầu từ Mục 12500), Khoản 6 Bộ luật Giao thông. “Giấy phép” không bao gồm giấy đăng ký xe được cấp theo quy định tại Khoản 3 (bắt đầu từ Mục 4000) của Bộ luật Giao thông.

(3) “Người được cấp phép” nghĩa là người được giấy phép cho phép lái xe cơ giới hoặc được giấy phép, giấy chứng nhận, đăng ký, hoặc ủy quyền khác cho phép tham gia vào một công việc hoặc nghề nghiệp do một tổ chức cấp phép của chính quyền tiểu bang ban hành.

(4) “Tổ chức cấp phép của chính quyền tiểu bang” nghĩa là bất kỳ tổ chức nào được liệt kê trong Mục 101, 1000, hoặc 19420, văn phòng Tổng Chương lý, Bộ Bảo hiểm, Bộ Xe Cơ giới, Hội đồng Luật sư Tiểu bang California, Bộ Bất động sản, và các cơ quan nhà nước, hội đồng, hoặc ủy



ban khác mà cấp giấy phép, giấy chứng nhận, hoặc giấy đăng ký ủy quyền cho một cá nhân tham gia vào một công việc hoặc nghề nghiệp, kể cả các giấy chứng nhận, giấy phép kinh doanh hoặc nghề nghiệp, hay giấy cho phép hoặc giấy phép do Bộ Xe Cơ giới hoặc Bộ Tuần tra Đường cao tốc California cấp. “Tổ chức cấp phép của chính quyền tiểu bang” không bao gồm Hội đồng Cấp phép Nhà thầu Tiểu bang.

(c) Hội đồng Quân bình Tiểu bang và Hội đồng Thuế Đặc quyền mỗi bên sẽ gửi danh sách xác nhận riêng của mình tới các cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang. Các danh sách xác nhận sẽ bao gồm tên, số an sinh xã hội hoặc số nhận dạng người nộp thuế, và địa chỉ mới nhất được biết của người được nhận diện trên danh sách xác nhận.

(d) Bất kể các quy định khác, mỗi cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang phải thu thập số an sinh xã hội hoặc số nhận dạng người nộp thuế liên bang từ tất cả những người nộp đơn cho các mục đích so khớp các tên trong các danh sách xác nhận do Hội đồng Quân bình Tiểu bang và Hội đồng Thuế Đặc quyền cung cấp tới người nộp đơn và người được cấp phép.

(e) (1) Mỗi cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang phải xác định xem một người nộp đơn hoặc người được cấp phép có nằm trong danh sách xác nhận mới nhất do Hội đồng Quân bình Tiểu bang và Hội đồng Thuế Đặc quyền cung cấp hay không.

(2) Nếu người nộp đơn hoặc người được cấp phép có tên trong các danh sách xác nhận, cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang phải ngay lập tức cung cấp một thông báo sơ bộ tới người nộp đơn hoặc người được cấp phép về ý định đình chỉ hoặc từ chối cấp hoặc gia hạn giấy phép của cơ quan. Thông báo sơ bộ sẽ được gửi trực tiếp hoặc qua thư tới địa chỉ mới nhất được biết đến của người nộp đơn hoặc người được cấp phép trong hồ sơ của cơ quan cấp phép chính phủ tiểu bang trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được danh sách xác nhận. Thông báo qua thư phải được hoàn tất theo Mục 1013 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

(A) Cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang sẽ cấp giấy phép tạm thời có hiệu lực trong vòng 90 ngày tới bất kỳ người nộp đơn nào có tên trong danh sách xác nhận nếu người nộp đơn đó đã đủ điều kiện được cấp phép.

(B) Thời hạn 90 ngày cho một giấy phép tạm thời sẽ không được gia hạn. Chỉ có một giấy phép tạm thời được cấp trong thời hạn của giấy phép hợp thức, và thời hạn của giấy phép tạm thời sẽ trùng với 90 ngày đầu tiên của thời hạn giấy phép hợp thức. Một giấy phép toàn thời hạn hoặc phần còn lại của thời hạn giấy phép có thể được cấp hoặc gia hạn chỉ khi tuân thủ theo mục này.

(C) Trong trường hợp giấy phép bị đình chỉ hoặc đơn xin cấp phép hoặc gia hạn giấy phép bị từ chối theo mục này, bất kỳ khoản tiền nào do người nộp đơn hoặc người được cấp phép nộp sẽ không được hoàn trả bởi cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang.



(f) (1) Một cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang sẽ từ chối cấp hoặc sẽ đình chỉ một giấy phép chiếu theo mục này trong tối thiểu 90 ngày và tối đa 120 ngày kể từ ngày gửi thông báo sơ bộ như mô tả trong đoạn (2) của tiểu khoản (e), trừ khi cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang đã nhận được một đơn miễn trừ theo tiểu khoản (h). Các thủ tục trong quy định xét xử hành chính của Đạo luật Thủ tục Hành chính (Chương 4.5 (bắt đầu từ mục 11400) và Chương 5 (bắt đầu từ mục 11500), Phần 1, Khoản 3 của Tiêu đề 2 Bộ luật Chính phủ) sẽ không áp dụng cho việc từ chối hoặc đình chỉ, hoặc từ chối gia hạn, giấy phép hoặc ban hành giấy phép tạm thời theo quy định của mục này.

(2) Bất kể các luật pháp khác, nếu một hội đồng, văn phòng, hoặc ủy ban được liệt kê tại Mục 101, trừ Hội đồng Cấp phép Nhà thầu Tiểu bang, không hành động phù hợp với mục này, Bộ Sự vụ Người tiêu dùng sẽ cấp giấy phép tạm thời hoặc đình chỉ hoặc từ chối cấp, tái kích hoạt, phục hồi, hoặc gia hạn giấy phép, nếu thích hợp.

(g) Các thông báo sẽ do mỗi cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang triển khai. Đối với người nộp đơn hoặc người được cấp phép trong danh sách xác nhận của Hội đồng Quân bình Tiểu bang, thông báo phải bao gồm địa chỉ và số điện thoại của Hội đồng Quân bình Tiểu bang, và phải nhấn mạnh sự cần thiết của việc nhận được đơn miễn trừ từ Hội đồng Quân bình Tiểu bang như một điều kiện cho việc cấp, gia hạn, hoặc tiếp tục tình trạng hợp lệ của giấy phép hoặc người được cấp phép. Đối với người nộp đơn hoặc người được cấp phép trong danh sách xác nhận của Hội đồng Thuế Đặc quyền, thông báo phải bao gồm địa chỉ và số điện thoại của Hội đồng Thuế Đặc quyền, và phải nhấn mạnh sự cần thiết của việc nhận được thông báo từ Hội đồng Thuế Đặc quyền như một điều kiện cho việc cấp, gia hạn, hoặc tiếp tục tình trạng hợp lệ của giấy phép hoặc người được cấp phép.

(1) Thông báo sẽ cho người nộp đơn biết được cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang sẽ cấp một giấy phép tạm thời theo quy định tại tiểu đoạn (A) của đoạn (2) của tiểu khoản (e), có hiệu lực trong 90 ngày niên lịch nếu người nộp đơn đã đủ điều kiện và khi kết thúc thời hạn đó, giấy phép sẽ bị từ chối trừ khi cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang đã nhận được đơn miễn trừ từ Hội đồng Quân bình Tiểu bang hoặc Hội đồng Thuế Đặc quyền, tùy bên nào thích hợp.

(2) Thông báo sẽ cho người được cấp phép biết bất kỳ giấy phép nào bị đình chỉ theo mục này sẽ tiếp tục bị đình chỉ cho đến khi cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang nhận được đơn miễn trừ cùng với đơn xin và lệ phí, nếu có, để phục hồi giấy phép.

(3) Thông báo sẽ cho người nộp đơn hoặc người được cấp phép biết nếu đơn xin bị từ chối hoặc giấy phép bị đình chỉ chiếu theo mục này, bất kỳ khoản tiền nào do người nộp đơn hoặc người được cấp phép nộp sẽ không được hoàn trả bởi cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang. Cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang cũng phải phát triển một mẫu đơn mà người nộp đơn hoặc người được cấp phép sẽ sử dụng để yêu cầu miễn trừ từ Hội



đồng Quân binh Tiểu bang hoặc Hội đồng Thuế Đặc quyền. Một bản sao của đơn này sẽ đi kèm với mọi thông báo được gửi chiếu theo tiểu khoản này.

(h) Nếu người nộp đơn hoặc người được cấp phép muốn khước biện việc đệ trình tên mình trên một danh sách xác nhận, người nộp đơn hoặc người được cấp phép phải đưa ra một yêu cầu miễn trừ bằng văn bản kịp thời tới Hội đồng Quân binh Tiểu bang hoặc Hội đồng Thuế Đặc quyền, tùy bên nào thích hợp. Hội đồng Quân binh Tiểu bang hoặc Hội đồng Thuế Đặc quyền sẽ ngay lập tức gửi một đơn miễn trừ tới cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang thích hợp và người nộp đơn hoặc người được cấp phép, nếu bất kỳ một trong điều kiện sau đây được đáp ứng:

(1) Người nộp đơn hoặc người được cấp phép đã tuân thủ các nghĩa vụ thuế, bằng cách thanh toán các khoản thuế chưa trả hoặc ký kết một thỏa thuận trả góp, như mô tả trong Mục 6832 hoặc 19008 của Bộ luật Doanh thu và Thuế, nhằm hoàn tất các khoản thuế chưa thanh toán.

(2) Người nộp đơn hoặc người được cấp phép đã đệ trình một yêu cầu miễn trừ không quá 45 ngày sau khi người nộp đơn hoặc người được cấp phép nhận được thông báo sơ bộ như mô tả trong đoạn (2) tiểu khoản (e), nhưng Hội đồng Quân binh Tiểu bang hoặc Hội đồng Thuế Đặc quyền, tùy bên nào thích hợp, sẽ không thể hoàn tất việc xem xét miễn trừ và gửi thông báo kết quả của mình cho người nộp đơn hoặc người được cấp phép và cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang trong vòng 45 ngày sau khi Hội đồng Quân binh Tiểu bang hoặc Hội đồng Thuế Đặc quyền nhận được yêu cầu miễn trừ của người nộp đơn hoặc người được cấp phép. Bất cứ khi nào đơn miễn trừ được ban hành theo quy định tại đoạn này, và, bất kể đơn miễn trừ đó, giấy phép hoặc người được cấp phép áp dụng đã bị đình chỉ sai, cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang phải phục hồi các giấy phép áp dụng đó với hiệu lực hồi tố kể từ ngày đình chỉ sai đó và việc đình chỉ này sẽ không được phản ánh trên bất kỳ hồ sơ giấy phép nào.

(3) Người nộp đơn hoặc người được cấp phép không thể trả nghĩa vụ thuế tồn đọng do khó khăn tài chính hiện hành. “Khó khăn tài chính” nghĩa là khó khăn tài chính theo xác định của Hội đồng Quân binh Tiểu bang hoặc Hội đồng Thuế Đặc quyền, tùy bên nào thích hợp, nếu người nộp đơn hoặc người được cấp phép không thể trả bất kỳ một phần công nợ tồn đọng nào và người nộp đơn hoặc người được cấp phép không đủ điều kiện để thu xếp trả góp theo quy định của Mục 6832 hoặc Mục 19008 Bộ luật Doanh thu và Thuế. Để xác nhận sự tồn tại của một khó khăn tài chính, người nộp đơn hoặc người được cấp phép phải đệ trình tất cả thông tin, bao gồm thông tin liên quan đến chi phí kinh doanh và cá nhân hợp lý, theo yêu cầu của Hội đồng Quân binh Tiểu bang hoặc Hội đồng Thuế Đặc quyền, tùy bên nào thích hợp, cho các mục đích đưa ra xác nhận đó.

(i) Người nộp đơn hoặc người được cấp phép cần phải hành động chu toàn trong việc đáp ứng các thông báo từ cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang và Hội đồng Quân binh Tiểu bang hoặc Hội đồng Thuế Đặc quyền với nhận thức



rằng các giấy phép tạm thời sẽ mất hiệu lực hoặc việc đình chỉ giấy phép sẽ có hiệu lực sau 90 ngày và rằng Hội đồng Quân bình Tiểu bang hoặc Hội đồng Thuế Đặc quyền cần có thời gian để hành động trong giai đoạn đó. Một người nộp đơn hoặc người được cấp phép trì hoãn hành động mà không có lý do chính đáng, trực tiếp dẫn đến việc không thể cho Hội đồng Quân bình Tiểu bang hoặc Hội đồng Thuế Đặc quyền, tùy bên nào thích hợp, hoàn thành việc xem xét yêu cầu miễn trừ của người nộp đơn hoặc người được cấp phép sẽ không được xem là chu toàn theo yêu cầu của mục này và sẽ ảnh hưởng đến việc ban hành bãi miễn. Người nộp đơn hoặc người được cấp phép có trách nhiệm chứng minh mình phản hồi tích cực đối với các thông báo từ cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang hoặc Hội đồng Quân bình Tiểu bang hoặc Hội đồng Thuế Đặc quyền và không có bất kỳ sự chậm trễ nào mà không có lý do chính đáng.

(j) Hội đồng Quân bình Tiểu bang hoặc Hội đồng Thuế Đặc quyền sẽ tạo các mẫu đơn miễn trừ để sử dụng theo mục này. Khi người nộp đơn hoặc người được cấp phép đã tuân thủ các nghĩa vụ nộp thuế bằng việc thanh toán các khoản thuế chưa trả, hoặc ký kết một thỏa thuận trả góp, hoặc chứng minh sự tồn tại của một khó khăn tài chính hiện hành theo quy định tại đoạn (3) của tiểu khoản (h), Hội đồng Quân bình Tiểu bang hoặc Hội đồng Thuế Đặc quyền, tùy bên nào thích hợp, sẽ gửi một mẫu đơn miễn trừ cho người nộp đơn hoặc người được cấp phép và cung cấp một đơn miễn trừ cho cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang thích hợp. Bất kỳ cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang nào đã nhận được đơn miễn trừ từ Hội đồng Quân bình Tiểu bang hoặc Hội đồng Thuế Đặc quyền theo tiểu khoản này phải xử lý miễn trừ trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ khi nhận được. Nếu Hội đồng Quân bình Tiểu bang hoặc Hội đồng Thuế Đặc quyền xác định sau khi ban hành miễn trừ, người được cấp phép đã không tuân thủ thỏa thuận trả góp, Hội đồng Quân bình Tiểu bang hoặc Hội đồng Thuế Đặc quyền, tùy bên nào thích hợp, sẽ thông báo cho cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang và người được cấp phép theo một phương thức do Hội đồng Quân bình Tiểu bang hoặc Hội đồng Thuế Đặc quyền, tùy bên nào thích hợp, quy định, rằng người được cấp phép đã không tuân thủ và miễn trừ đó sẽ bị bãi bỏ. Hội đồng Quân bình Tiểu bang hoặc Hội đồng Thuế Đặc quyền có thể, nếu cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang nhận thấy khả thi về mặt kinh tế để triển khai xử lý tự động việc tuân thủ tiểu khoản này, thông báo cho cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang theo cách thức được quy định bởi Hội đồng Quân bình Tiểu bang hoặc Hội đồng Thuế Đặc quyền, tùy bên nào thích hợp, rằng người được cấp phép đã không tuân thủ các thỏa thuận thanh toán trả góp. Sau khi nhận được thông báo này, cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang phải thông báo ngay cho người được cấp phép theo mẫu do cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang quy định rằng giấy phép của người được cấp phép sẽ bị đình chỉ vào một ngày cụ thể, và ngày này sẽ không quá 30 ngày kể từ ngày biểu mẫu được gửi đi. Người được cấp phép sẽ được thông báo thêm rằng giấy phép sẽ tiếp tục bị đình chỉ cho đến khi một miễn trừ mới được ban hành phù hợp với tiểu khoản này.



(k) Hội đồng Quân bình Tiểu bang hoặc Hội đồng Thuế Đặc quyền có thể ký kết các thỏa thuận liên ngành với các cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang cần thiết cho việc thi hành mục này.

(l) Bất kể các quy định khác, một cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang, với sự chấp thuận của giám đốc bộ phận hoặc cơ quan quản lý thích hợp, có thể áp đặt một khoản phí lên một người được cấp phép có giấy phép đã bị đình chỉ theo quy định của mục này. Lệ phí không được vượt quá số tiền cần thiết cho cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang bù đắp chi phí khi thi hành các quy định của mục này. Lệ phí được áp đặt theo mục này sẽ được ký gửi vào quỹ mà trong đó các lệ phí khác do cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang áp đặt được gửi vào và sẽ sẵn có cho cơ quan đó dựa trên việc chuẩn chỉ trong Đạo luật Ngân sách hàng năm.

(m) Quy trình được mô tả trong tiểu khoản (h) sẽ cấu thành biện pháp khắc phục hành chính duy nhất cho việc tranh luận cấp phép tạm thời hoặc từ chối hoặc đình chỉ giấy phép theo mục này.

(n) Bất kỳ cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang nào tiếp nhận điều tra về tình trạng cấp phép của một người nộp đơn hoặc người được cấp phép đã bị từ chối hoặc đình chỉ giấy phép theo mục này hoặc những người đã được cấp phép tạm thời theo mục này phải hỏi đáp rằng giấy phép bị từ chối hoặc đình chỉ hoặc giấy phép tạm thời được cấp chỉ vì người được cấp phép xuất hiện trong danh sách 500 người nợ thuế quá hạn lớn nhất theo Mục 7063 hoặc 19195 Bộ luật Doanh thu và Thuế. Thông tin chiếu theo mục này do bất kỳ cơ quan nhà nước, hội đồng, hoặc ban ngành nào thu thập được cũng phải tuân thủ Đạo luật Thực hành Thông tin năm 1977 (Chương 1 (bắt đầu từ Mục 1798), Tiêu đề 1.8, Phần 4, Khoản 3 Bộ luật Dân sự). Bất kỳ cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang nào đăng trên website Internet của mình hoặc trong các phát hành khác rằng người được cấp phép đã có giấy phép bị từ chối hoặc đình chỉ theo mục này hoặc đã được cấp giấy phép tạm thời theo mục này cũng phải ghi rõ, in đậm và kê sát thông tin liên quan đến tình trạng giấy phép, rằng lý do duy nhất mà giấy phép đã bị từ chối, đình chỉ, hoặc được cấp tạm thời là vì người được cấp phép đã không trả thuế.

(o) Bất kỳ quy tắc và quy định nào được ban hành theo mục này bởi bất kỳ cơ quan nhà nước, hội đồng, hoặc ban ngành nào đều có thể được áp dụng như quy định khẩn cấp theo các điều khoản làm luật của Đạo luật Tổ tụng Hành chính (Chương 3.5 (bắt đầu từ Mục 11340), Phần 1 Khoản 3 Tiêu đề 2 Bộ luật Chính phủ). Việc áp dụng các quy định này sẽ được xem là khẩn cấp và cần thiết cho việc bảo vệ tức thời hòa bình, sức khỏe và an toàn của công chúng, hoặc phúc lợi chung. Các quy định sẽ có hiệu lực ngay lập tức sau khi đệ trình cho Tổng Thư ký Tiểu bang.

(p) Hội đồng Quân bình Tiểu bang hoặc Hội đồng Thuế Đặc quyền, và cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang, nếu thích hợp, sẽ áp dụng các quy định cần thiết để thực hiện mục này.



(q) (1) Không cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang cũng như bất kỳ cán bộ, nhân viên hoặc đặc vụ, hoặc cựu cán bộ, nhân viên hoặc đặc vụ của một cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang nào có thể tiết lộ hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào nhận được từ Hội đồng Quân binh Tiểu bang hoặc Hội đồng Thuế Đặc quyền, chiếu theo mục này, ngoại trừ thông báo cho công chúng về việc từ chối, khước từ việc gia hạn, hoặc đình chỉ một giấy phép hoặc cấp phép tạm thời theo quy định của mục này. Việc tiết lộ hoặc các sử dụng khác thông tin được nhận bởi cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang theo mục này, trừ khi được ủy quyền bởi mục này, có thể bị phạt như một tội tiểu hình. Tiểu khoản này có thể không được hiểu để ngăn Hội đồng Luật sư California đệ trình lên Tòa án Tối cao California yêu cầu đình chỉ một thành viên của hội đồng này chiếu theo mục này.

(2) Một sự đình chỉ, hoặc từ chối gia hạn, một giấy phép hoặc việc cấp phép tạm thời theo quy định của mục này không cấu thành sự từ chối hoặc kỷ luật đối với một người được giấy phép cho các mục đích của bất kỳ yêu cầu báo cáo nào tới Ngân hàng Dữ liệu Hành nghề Y Quốc gia và sẽ không được báo cáo đến Ngân hàng Dữ liệu Người hành nghề Quốc gia hoặc Ngân hàng Dữ liệu Toàn diện và Bảo vệ Sức khỏe.

(3) Dựa trên việc miễn trừ khỏi danh sách xác nhận, việc đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép của người nộp đơn hoặc người được cấp phép sẽ được xóa khỏi website Internet của cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang hoặc các phát hành khác trong vòng ba ngày làm việc. Đoạn này sẽ không áp dụng cho các Hội đồng Luật sư Tiểu bang California.

(r) Nếu bất kỳ điều khoản nào của mục này hoặc việc áp dụng nó đối với bất kỳ người nào hoặc hoàn cảnh nào được xem là không hợp lệ, việc không hợp lệ đó sẽ không ảnh hưởng đến các điều khoản khác hoặc việc áp dụng của mục này có thể có hiệu lực mà không cần điều khoản hoặc áp dụng không hợp lệ đó, và nhằm mục đích này các điều khoản của mục này là tách biệt.

(s) Tất cả các quyền tạo nên bởi mục này để xem xét người nộp đơn cũng sẽ được dùng để xem xét người có giấy phép.

(t) Trừ khi có quy định khác trong mục này, các chính sách, thực hành, và thủ tục của một cơ quan cấp phép của chính phủ tiểu bang đối với việc đình chỉ giấy phép theo mục này sẽ được áp dụng tương tự như đối với việc đình chỉ theo Mục 17520 Bộ luật Gia đình.

(u) Không có điều khoản nào của mục này sẽ được hiểu để cho phép một tòa án xem xét và ngăn cản việc thu thuế trước khi thanh toán những khoản thuế đó trong việc vi phạm Hiến pháp California.

(v) Mục này sẽ áp dụng đối với bất kỳ người được cấp phép nào có tên trong danh sách 500 người nợ thuế quá hạn lớn nhất theo Mục 7063 hoặc 19195 của Bộ luật Doanh thu và Thuế vào hoặc sau ngày 01 tháng 07 năm 2012.



494.6. Vi phạm Bộ luật Lao động - Cơ sở cho việc Kỷ luật Giấy phép

(a) Một giấy phép kinh doanh theo quy định của bộ luật này có thể bị đình chỉ hoặc thu hồi nếu người được cấp phép được xác định bởi Ủy viên Lao động hoặc tòa án là đã vi phạm tiểu khoản (b) của Mục 244 Bộ luật Lao động, và tòa án hoặc Ủy viên Lao động đã xem xét các tổn hại mà việc đình chỉ hoặc thu hồi đó sẽ gây ra cho nhân viên của người được cấp phép, cũng như những nỗ lực thiện ý của người được cấp phép trong việc giải quyết bất kỳ vi phạm bị cáo buộc nào sau khi nhận được thông báo.

(b) Bất kể tiểu khoản (a), người được một cơ quan thuộc Bộ Sự vụ Người tiêu dùng cấp phép bị Ủy viên Lao động hoặc tòa án phát hiện là đã vi phạm tiểu khoản (b) của Mục 244 Bộ luật Lao động có thể phải chịu hành động kỷ luật bởi cơ quan cấp phép tương ứng của mình.

(c) Người thuê lao động sẽ không bị đình chỉ hoặc thu hồi theo mục này khi yêu cầu một nhân viên triển vọng hoặc hiện tại đệ trình đơn Xác nhận Đủ điều kiện Làm việc I-9 trong vòng ba ngày làm việc của ngày làm công tính lương đầu tiên.

CHƯƠNG 4**Khiển trách Công khai****495. Khiển trách Công khai Người được Cấp phép hoặc Người có Chứng chỉ đối với Hành vi Cấu thành Cơ sở cho việc Đình chỉ hoặc Thu hồi Giấy phép hoặc Chứng chỉ; Thủ tục**

Bất kể các điều khoản khác của pháp luật, bất kỳ cơ quan nào được ủy quyền ban hành giấy phép hoặc chứng chỉ chiếu theo bộ luật này đều có thể khiển trách công khai một người được cấp phép hoặc một người có chứng chỉ cho bất kỳ hành vi nào cấu thành cơ sở để đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép hoặc chứng chỉ. Bất kỳ thủ tục nào để khiển trách công khai, khiển trách và đình chỉ công khai, hoặc khiển trách và thu hồi công khai đều sẽ được tiến hành theo Chương 5 (bắt đầu từ Mục 11500), Phần 1, Khoản 3, Tiêu đề 2 Bộ luật Chính phủ, hoặc, trong trường hợp người được cấp phép hoặc người có chứng chỉ trong phạm vi thẩm quyền của Bộ Dịch vụ Y tế Tiểu bang, phù hợp theo Mục 100171 của Bộ luật Sức khỏe và An toàn.

CHƯƠNG 5**An ninh Kỳ thi****496. Căn cứ Từ chối, Đình chỉ hoặc Thu hồi Giấy phép**

Hội đồng có thể từ chối, đình chỉ, thu hồi hoặc hạn chế một giấy phép trên cơ sở người nộp đơn hoặc người được cấp phép đã vi phạm Mục 123 liên quan đến việc phá hoại các kỳ thi cấp giấy phép.



498. Gian lận, Lừa đảo hoặc Xuyên tạc như là Cơ sở cho Hành động Chống lại Giấy phép

Hội đồng có thể thu hồi, đình chỉ, hoặc giới hạn một giấy phép trên cơ sở người được cấp phép có được giấy phép đó nhờ gian lận, lừa đảo hoặc cố ý xuyên tạc một sự thật trọng yếu hoặc cố ý tránh đưa ra sự thật trọng yếu.

499. Hành động Chống lại Giấy phép Trên Cơ sở Các Hành động của Người được Cấp phép Liên quan đến Đơn xin của Người khác

Hội đồng có thể thu hồi, đình chỉ hoặc giới hạn một giấy phép trên cơ sở người được cấp phép, với sự hỗ trợ của đơn xin cấp phép của một người khác, cố ý phát biểu sai một sự thật trọng yếu hoặc cố ý tránh trình bày sự thật trọng yếu trước hội đồng liên quan đến đơn xin.



QUY ĐỊNH VỀ NGHỀ LÀM TÓC VÀ THẨM MỸ



**Tiêu đề 16, Khoản 9 Bộ luật
Quy chế Tiểu bang California**

Bao gồm các sửa đổi cho đến tháng 07 năm 2016

Điều 1. Quản lý

901. Thời gian Xử lý các Đơn xin Dự thi và Cấp phép

(a) Đánh giá và Lên kế hoạch. Hội đồng sẽ thông báo bằng văn bản cho tất cả các cá nhân nộp đơn xin cấp phép trở thành chuyên viên làm tóc, chuyên viên thẩm mỹ, chuyên viên chăm sóc da, chuyên viên chăm sóc móng, chuyên viên điện phân hoặc hướng dẫn viên trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận được đơn xin (Mẫu #F-34555-BOC, Đơn xin Dự thi, Bản hiệu chỉnh 7/92), về việc đơn xin đã đầy đủ và đã được xem xét cho thi chưa hay còn thiếu và cần thông tin cụ thể gì.

(1) Khi thông tin bổ sung cho đơn xin còn thiếu đã được gửi lại hội đồng, hội đồng sẽ quyết định, trong vòng năm (5) ngày kể từ ngày nhận, xem đơn xin đã đầy đủ hay chưa.

(2) Nếu đơn xin vẫn chưa đầy đủ, hội đồng sẽ thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn trong vòng năm (5) ngày kể từ ngày nhận, về thông tin cụ thể nào cần được bổ sung.

(b) Kỳ thi. Hội đồng sẽ quyết định trong cùng ngày người nộp đơn được kiểm tra có đáp ứng các yêu cầu để được cấp giấy phép hay không.

(c) Ban hành Giấy phép. Hội đồng sẽ ban hành giấy phép cho người nộp đơn vào cùng ngày người đó vượt qua kỳ thi.

(d) Thời gian Xử lý. Thời gian tối thiểu, trung bình và tối đa để xử lý đơn xin yêu cầu dự thi để cấp giấy phép trở thành chuyên viên làm tóc, chuyên viên thẩm mỹ, chuyên viên chăm sóc da, chuyên viên chăm sóc móng, chuyên viên điện phân hoặc hướng dẫn viên, tính từ khi nhận được đơn xin đến khi Hội đồng Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ quyết định ban hành giấy phép dựa trên thi hành thực tế của hội đồng trong hai năm trước khi đề xuất mục này, là như sau:

(1) Tối thiểu: 4 ngày

(2) Trung bình: 49 ngày

(3) Tối đa: 397 ngày

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 15376 Bộ luật Chính phủ; và Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 15376 Bộ luật Chính phủ; và Mục 7321, 7321.5, 7324, 7326, 7330, 7337, 7342 và 7391 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

902. Thời gian Xử lý Đơn xin Học nghề

(a) Đánh giá. Hội đồng sẽ thông báo bằng văn bản cho tất cả các cá nhân nộp đơn xin cấp phép học nghề trong vòng mười (10) ngày kể từ khi nhận được đơn xin (Mẫu #35A-03, Đơn xin Cấp phép Học nghề và Đơn Chấp thuận của Người đào tạo và Cơ sở, Bản hiệu chỉnh 5/94), về việc đơn xin đã đầy đủ hay còn thiếu và cần thông tin cụ thể gì.

(1) Khi thông tin cho đơn xin còn thiếu đã được gửi lại hội đồng, hội



đồng sẽ quyết định, trong vòng năm (5) ngày kể từ ngày nhận, xem đơn xin đã đầy đủ hay chưa.

(A) Nếu đơn xin vẫn chưa đầy đủ, hội đồng sẽ thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn trong vòng năm (5) ngày kể từ ngày nhận, về thông tin cụ thể nào cần được bổ sung.

(b) Thông báo Cấp Giấy phép. Hội đồng sẽ thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn trong vòng ba mươi lăm (35) ngày sau khi nhận được lệ phí và đơn xin đầy đủ, về việc người nộp đơn có đáp ứng các yêu cầu để được cấp giấy phép hay không.

(c) Thời gian Xử lý. Thời gian tối thiểu, trung bình và tối đa để xử lý đơn xin cấp phép học nghề, tính từ khi nhận được đơn xin đến khi Hội đồng Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ quyết định ban hành giấy phép dựa trên thi hành thực tế trong mục này, là như sau:

(1) Tối thiểu: 1 ngày

(2) Trung bình: 15 ngày

(3) Tối đa: 48 ngày

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 15376 Bộ luật Chính phủ; và Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 15376 Bộ luật Chính phủ; và Mục 7334 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

903. Thời gian Xử lý Đơn xin của Cơ sở

(a) Đánh giá. Hội đồng sẽ thông báo bằng văn bản cho mọi cá nhân nộp đơn xin cấp phép cho một cơ sở trong vòng (30) ngày kể từ khi nhận được đơn xin (Mẫu #03M-201, Đơn xin Cấp phép cho Cơ sở, Bản hiệu chỉnh 7/92), về việc đơn xin đã đầy đủ hay còn thiếu và cần thông tin cụ thể gì.

(1) Khi thông tin cho đơn xin còn thiếu đã được gửi lại hội đồng, hội đồng sẽ quyết định, trong vòng năm (5) ngày kể từ ngày nhận, xem đơn xin đã đầy đủ hay chưa.

(A) Nếu đơn xin vẫn chưa đầy đủ, hội đồng sẽ thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn trong vòng năm (5) ngày kể từ ngày nhận, về thông tin cụ thể nào cần được bổ sung.

(b) Thời gian Xử lý. Thời gian tối thiểu, trung bình và tối đa để xử lý đơn xin của cơ sở, tính từ khi nhận được đơn xin đến khi hội đồng quyết định ban hành giấy phép dựa trên thi hành thực tế của hội đồng trong hai năm trước khi đề xuất mục này, là như sau:

(1) Tối thiểu: 11 ngày

(2) Trung bình: 52 ngày

(3) Tối đa: 265 ngày

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 15376 Bộ luật Chính phủ; và Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 15376 Bộ luật Chính phủ; và Mục 7347 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.



904. Thực thi

(a) Một bản sao các Quy tắc về An toàn và Sức khỏe của hội đồng, như được nêu trong Điều 12 Các Quy tắc và Quy định, phải được niêm yết rõ ràng tại:

- (1) Các khu vực lễ tân của các trường và các cơ sở, và
- (2) Các phòng lý thuyết của các trường.

(b) Người hoặc những người có giấy phép của một cơ sở hoặc giấy phép của một đơn vị lưu động, và người chịu trách nhiệm bất kỳ về cơ sở hoặc đơn vị lưu động đó phải có trách nhiệm thi hành và duy trì các Quy tắc về Sức khỏe và An toàn tại cơ sở hoặc đơn vị lưu động một cách độc lập cũng như phối hợp với tất cả những người có mặt hoặc được thuê mượn bởi hoặc làm việc trong hoặc trên các khuôn viên của cơ sở hoặc đơn vị lưu động đó.

(c) Các chuyên viên làm tóc, chuyên viên thẩm mỹ, chuyên viên chăm sóc da, chuyên viên chăm sóc móng, chuyên viên điện phân, hướng dẫn viên hoặc người học nghề phải tự có trách nhiệm thi hành và duy trì các Quy tắc về Sức khỏe và An toàn.

(d) Tất cả những người làm việc với vai trò chuyên viên làm tóc, chuyên viên thẩm mỹ, chuyên viên chăm sóc da, chuyên viên chăm sóc móng, chuyên viên điện phân, trừ các học viên trong trường, phải đưa ra bằng chứng nhận điện thỏa đáng theo yêu cầu của người đại diện được ủy quyền của hội đồng. Bằng chứng thỏa đáng có thể ở dạng giấy phép lái xe có dán ảnh hoặc chứng minh thư có dán ảnh được ban hành bởi bất cứ tiểu bang, liên bang hoặc cơ quan chính phủ được công nhận khác.

(e) Việc không thể đưa ra bằng chứng nhận điện hợp lệ sẽ là cơ sở cho hành động kỷ luật.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Chính phủ. Tham chiếu: Mục 7312, 7313, 7317 và 7404 Bộ Luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

905. Niêm yết Thông điệp Thông tin Người tiêu dùng

(a) Thông điệp thông tin người tiêu dùng sau đây sẽ được bao gồm ở cuối trang đầu của bản sao các Quy tắc về Sức khỏe và An toàn và phải được niêm yết ở nơi dễ thấy theo Mục 904, trong tất cả các cơ sở:

THÔNG ĐIỆP GỬI ĐẾN QUÝ KHÁCH HÀNG

Cơ sở này đã được Hội đồng Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ Tiểu bang California cấp giấy phép. Hội đồng có thể giải quyết các vấn đề sau:

- Sức khỏe và An toàn (bao gồm các điều kiện thiếu vệ sinh và không khử trùng các dụng cụ sau mỗi lần sử dụng)
- Thiếu năng lực và Cầu thả
- Xuyên tạc hoặc Quảng cáo Sai về Các Dịch vụ.
- Hành nghề Làm tóc, Thẩm mỹ hoặc Đốt điện phân không được cấp phép.



- Nếu quý vị muốn nhận được Hướng dẫn Khiếu nại dành cho Người tiêu dùng hoặc quý vị có những thắc mắc không được giải đáp liên quan đến các dịch vụ mà cơ sở này cung cấp, hãy gọi điện hoặc viết thư cho Hội đồng Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ theo số (800) 952-5210; hòm thư: P.O. Box 944226, Sacramento, California 94244-2260.

(b) Tiêu đề của thông điệp thông tin khách hàng: “Thông điệp tới Quý Khách hàng” phải được in với kiểu chữ đậm, cỡ chữ tối thiểu 36. Phần nội dung của thông điệp thông tin khách hàng phải được in với kiểu chữ đậm, cỡ chữ tối thiểu 14.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 129(e) và 7404(b) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

Điều 2. Điều kiện Dự thi

909. Bằng chứng Đào tạo

(a) Mỗi đơn xin dự thi trong đó người nộp đơn đang theo khóa đào tạo được dạy trong một trường ở tiểu bang này do hội đồng phê duyệt để có đủ tư cách dự thi đều phải kèm theo bằng chứng đào tạo đó.

(b) Bằng chứng đào tạo sẽ là một tài liệu do trường nơi người nộp đơn đã hoàn thành khóa đào tạo sát hạch đó chuẩn bị, bao gồm tất cả những nội dung sau:

- (1) Tiêu đề khóa học.
- (2) Tên học viên, địa chỉ, ngày tháng năm sinh.
- (3) Tên trường, địa chỉ, mã trường do Hội đồng ban hành.
- (4) Ngày bắt đầu và kết thúc khóa đào tạo tại trường hoàn thành khóa đào tạo.
- (5) Tổng số giờ đào tạo mà học viên nhận được.

(6) Nếu người nộp đơn đã thực hiện bất kỳ một trong những điều nào sau đây thì tài liệu cũng phải bao gồm thông tin chi tiết theo quy định cho từng điều:

(A) Nếu người nộp đơn đã theo học bất cứ khóa đào tạo nào ở một trường khác, tài liệu phải ghi rõ, đối với từng trường đã tham gia, tên trường và mã trường, số giờ đào tạo nhận được, ngày bắt đầu và kết thúc đào tạo.

(B) Nếu người nộp đơn nhận được chứng chỉ từ một khóa học chuyển tiếp, tài liệu phải ghi rõ khóa học đó và số giờ đào tạo nhận được, ngày bắt đầu và ngày kết thúc đào tạo trước khi chuyển đổi, cũng như số giờ chứng chỉ đã nhận được.

(C) Nếu người nộp đơn nhận được chứng chỉ cho việc giữ giấy phép chuyên viên chăm sóc móng hoặc chuyên viên thẩm mỹ do hội đồng cấp, tài liệu phải ghi rõ loại giấy phép, số giấy phép, ngày hết hạn của giấy phép và số giờ chứng chỉ đã nhận được.



(D) Nếu người nộp đơn nhận được chứng chỉ cho khóa đào tạo và/ hoặc kinh nghiệm ở phạm vi ngoài tiểu bang thì cần phải đính kèm theo tài liệu một bản sao lá thư từ hội đồng cấp chứng chỉ đó.

(7) Một tuyên bố xác nhận rằng học viên đã đáp ứng các yêu cầu của chương trình giảng dạy của khóa học như được nêu trong quy định.

(8) Một tuyên bố, do trường và học viên ký tên và ghi rõ ngày tháng, đồng ý chịu hình phạt nếu khai man, rằng các thông tin trong hồ sơ là đúng và chính xác. Tuyên bố này phải được ghi rõ như sau: “Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, sẽ chịu hình phạt nếu khai man theo luật pháp của tiểu bang California, xin chứng nhận rằng các thông tin đã nêu trên đây là đúng và chính xác.”

(9) Hồ sơ phải bao gồm tên và chức danh của cá nhân ký thay cho trường được in hoặc đánh máy rõ ràng.

(c) Thông tin có trong bất kỳ bằng chứng về tài liệu đào tạo nào do trường được phê duyệt tại tiểu bang này chuẩn bị phải được nhận diện rõ ràng bằng số và được trình bày theo thứ tự quy định trong tiểu khoản (b).

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7321, 7321.5, 7324, 7326, 7330, 7331, 7337 và 7391 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

910. Người nộp đơn Ngoài Tiểu bang hoặc thuộc Lực lượng Vũ trang

(a) Một người nộp đơn mong muốn hội đủ điều kiện để dự thi lấy giấy phép ở tiểu bang này dựa trên cơ sở thực hành, học tập hoặc đào tạo ở ngoài tiểu bang này, hoặc đào tạo bổ sung tại một trường có giấy phép ở tiểu bang này, hoặc bất kỳ kết hợp nào của các điều trên, đều phải cung cấp chứng cứ về văn bằng của họ trước hội đồng như sau:

(1) Một người nộp đơn muốn có chứng chỉ hành nghề tại một tiểu bang hoặc quốc gia khác phải trình lên hội đồng, theo mẫu do hội đồng quy định (Mẫu #03E-145, Bản khai có Tuyên thệ về Kinh nghiệm - Mẫu C, Bản hiệu chỉnh 1/91), một bản khai có tuyên thệ của một người khách quan chứng nhận việc hành nghề đó, cùng với một tuyên bố xác thực của cơ quan cấp giấy phép tại tiểu bang hoặc quốc gia nơi diễn ra việc hành nghề đó cho thấy người nộp đơn đã được cấp giấy phép để làm việc đó, nếu như một giấy phép bắt buộc phải có theo đó.

(2) Một người nộp đơn đã hoàn thành bất kỳ số giờ học tập và đào tạo nào tại một trường ở tiểu bang hoặc quốc gia khác, và muốn có chứng chỉ cho số giờ đó đối với việc học tập và đào tạo tại tiểu bang này, phải trình lên hội đồng, theo mẫu do hội đồng quy định (Mẫu #03B-144, Hồ sơ Đào tạo Tại Trường Làm đẹp Ngoài Tiểu bang - Mẫu B, Bản hiệu chỉnh 8/94), một tuyên bố xác thực của trường hoặc nơi đào tạo diễn ra cho thấy số giờ học tập và đào tạo được hoàn tất đối với từng môn học và thời gian việc học tập và đào tạo đó diễn ra.

(3) Một người nộp đơn muốn có chứng chỉ cho khóa đào tạo bổ sung được hoàn thành tại một trường có giấy phép trong Tiểu bang này phải trình cho hội đồng một tuyên bố xác thực của trường đó cho thấy số giờ đã được hoàn tất thành công đối với từng môn học của khóa đào tạo đó.



(b) Một người nộp đơn dự thi đang phục vụ trong lực lượng dự bị quân đội để hành nghề bất kỳ công việc nào được cấp phép theo Chương 10, Khoản 3 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp, đều phải đưa ra một tuyên bố xác thực của lực lượng dự bị quân đội đó xác nhận việc tại ngũ và có thể sử dụng việc hành nghề đạt được để có đủ tư cách dự thi.

(c) Một người nộp đơn dự thi có sự giáo dục, đào tạo, hoặc kinh nghiệm thích hợp thu được trong các lực lượng vũ trang Hoa Kỳ có thể nộp hồ sơ Xác minh Đào tạo và Trải nghiệm Quân sự (V-Met) cho hội đồng thẩm định, và hội đồng có thể sử dụng các hồ sơ đó để xét duyệt cho người nộp đơn dự thi.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

Tham chiếu: Mục 35, 7321, 7321.5, 7324, 7326, 7330, 7331, và 7337 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

Điều 3. Học nghề

913. Phê chuẩn Chương trình Đào tạo Học nghề

(a) Một ủy ban học nghề liên kết, ủy ban quản lý hoặc học nghề lao động đơn phương, hoặc một người sử dụng lao động cá nhân muốn tổ chức học nghề làm tóc, thẩm mỹ, điện phân, chăm sóc da hay chăm sóc móng đều được xem là nhà bảo trợ cho chương trình học nghề.

(b) Một người nộp đơn muốn được hội đồng phê duyệt với tư cách là nhà bảo trợ chương trình học nghề để tổ chức học nghề làm tóc, thẩm mỹ, chăm sóc da, chăm sóc móng hay điện phân phải:

(1) Đệ trình lên hội đồng một văn bản yêu cầu phê duyệt chương trình học nghề và nêu rõ nội dung chủ yếu của việc học nghề. Yêu cầu phê duyệt chương trình học nghề phải do người sử dụng lao động cá nhân ký tên hoặc, khi nhà bảo trợ chương trình không phải là một cá nhân thì sẽ do một nhân viên chịu trách nhiệm của tổ chức đó ký tên.

(2) Đệ trình bằng chứng cho thấy nhà bảo trợ chương trình đã được Hội đồng Học nghề California chấp thuận để cung cấp chương trình học nghề.

(3) Đệ trình một bản đề cương chi tiết của chương trình đào tạo được đề xuất, trong đó thể hiện sự tuân thủ theo các quy định về học nghề có trong điều luật này.

(4) Đệ trình một bản sao thỏa thuận giữa nhà bảo trợ và người học nghề (sau đây gọi là “thỏa thuận học nghề”). Thỏa thuận học nghề phải tuân thủ các điều khoản trong Các Tiêu chuẩn Lao động Học nghề Shelly-Maloney năm 1939 (Bộ luật Lao động mục 3070 và phần tiếp theo) cùng các quy định được thông qua chiếu theo đó.

(c) Nhà bảo trợ chương trình học nghề phải thông báo cho hội đồng trong vòng 10 ngày bất kỳ thay đổi nào về thông tin đã được trình lên hội đồng theo tiểu khoản (b) của mục này cho việc phê duyệt của hội đồng.



(d) Hội đồng sẽ thông báo bằng văn bản cho từng cá nhân nộp đơn xin trở thành nhà bảo trợ chương trình học nghề trong vòng mười (10) ngày kể từ khi nhận được yêu cầu phê duyệt của họ, cho biết xem đơn xin đó đã đầy đủ chưa hay còn thiếu và cần thông tin cụ thể gì.

(1) Khi thông tin cho đơn xin còn thiếu đã được gửi lại hội đồng, hội đồng sẽ quyết định trong vòng năm (5) ngày kể từ ngày nhận, xem đơn xin đã đầy đủ hay chưa.

(2) Nếu đơn xin vẫn chưa đầy đủ, hội đồng sẽ thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn trong vòng năm (5) ngày kể từ ngày nhận, về thông tin cụ thể nào cần được bổ sung.

(e) Trong vòng ba mươi lăm (35) ngày sau khi nhận được đơn xin hoàn chỉnh, hội đồng sẽ thông báo cho người nộp đơn bằng văn bản về việc người nộp đơn có đáp ứng được các yêu cầu phê duyệt hay không.

(f) Thời gian tối thiểu, trung bình, tối đa cho việc xử lý một yêu cầu phê duyệt chương trình đào tạo học nghề, kể từ khi nhận được đơn đến khi Hội đồng Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ quyết định phê chuẩn trên cơ sở thi hành thực tế của hội đồng trong hai năm trước khi đề xuất mục này, là như sau:

- (1) Tối thiểu: 1 ngày
- (2) Trung bình: 15 ngày
- (3) Tối đa: 48 ngày

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp; và Mục 15376 Bộ luật Chính phủ. Tham chiếu: Mục 7333 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp; Mục 3070 và 3078 Bộ luật Lao động; và Mục 15376 Bộ luật Chính phủ.

913.1. Rút lại Phê duyệt: Nhà Bảo trợ Chương trình Học nghề

(a) Hội đồng có thể rút lại hoặc giới hạn phê duyệt của mình đối với nhà bảo trợ chương trình học nghề nếu người này không thực hiện chương trình học nghề tuân thủ theo các điều khoản của luật lệ và quy định của Đạo luật Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ (Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp các mục 7301 và phần tiếp theo)

(b)(1) Một thủ tục rút lại hoặc giới hạn phê duyệt của hội đồng đối với nhà bảo trợ chương trình học nghề sẽ được bắt đầu bằng việc gửi thông báo đến nhà bảo trợ chương trình học nghề để cho biết lý do. Thông báo cho biết lý do này sẽ ở dạng văn bản và sẽ mô tả cụ thể tính chất của các vi phạm, bao gồm tham chiếu cụ thể đến các điều khoản luật lệ hoặc quy định được xác định là bị vi phạm, và cũng sẽ bao gồm một lệnh đề xuất rút lại hoặc giới hạn phê duyệt của hội đồng đối với nhà bảo trợ chương trình học nghề.

(2) Nếu thích hợp, một thông báo cho biết lý do có thể bao gồm một lệnh sửa chữa ấn định thời gian hợp lý để sửa chữa vi phạm. Nếu nhà bảo trợ chương trình tuân thủ lệnh sửa chữa trong khoảng thời gian quy định thì hội đồng sẽ rút lại thông báo cho biết lý do.



(3) Khi điều chỉnh lệnh kỷ luật hay lệnh sửa chữa đối với một thông báo cho biết lý do, hội đồng phải cân nhắc thích đáng về sự phù hợp của lệnh đó đối với các yếu tố như tính nghiêm trọng của vi phạm, ảnh hưởng của nó đối với những người học nghề tham gia vào chương trình học nghề của nhà bảo trợ, ảnh hưởng của nó đến công chúng, thiện ý của nhà bảo trợ chương trình học nghề và lịch sử những lần vi phạm trước đây.

(c) Thông báo cho biết lý do sẽ thông tin cho nhà bảo trợ chương trình học nghề biết nếu họ muốn có buổi điều trần để tranh luận bất kỳ phần nào của thông báo cho biết lý do thì họ phải gửi một yêu cầu điều trần bằng văn bản cho cán bộ điều hành của hội đồng trong vòng 30 ngày kể từ khi có thông báo cho biết lý do. Nếu phiên điều trần không được yêu cầu theo tiểu mục này thì lệnh đưa ra trong thông báo cho biết lý do sẽ có hiệu lực từ ngày nêu trong thông báo cho biết lý do đó.

(d) Một phiên điều trần để tranh luận về thông báo cho biết lý do sẽ được tiến hành trong vòng 60 ngày kể từ khi hội đồng nhận được yêu cầu điều trần bằng văn bản của nhà bảo trợ chương trình. Phiên điều trần đó sẽ diễn ra trước một ủy ban do hội đồng lựa chọn. Khi kết thúc phiên điều trần, ủy ban đó sẽ chuẩn bị hoặc đã chuẩn bị một quyết định bằng văn bản về các kết quả, quyết định và trát lệnh của mình. Quyết định này sẽ được gửi bằng thư tới nhà bảo trợ chương trình trong vòng 45 ngày sau khi kết thúc phiên điều trần.

*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7333 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*

914. Chế trình Đơn xin Học nghề; Thời gian Xử lý

(a) Một học viên chuẩn bị xin học nghề phải đệ trình đơn xin học nghề tới hội đồng. Đơn này phải được thực hiện theo Mẫu 35A-03, Đơn xin Cấp phép Học nghề và Đơn Chấp thuận của Người đào tạo và Cơ sở, Bản hiệu chỉnh 5/94.

(b) Hội đồng sẽ thông báo bằng văn bản đến tất cả các cá nhân nộp đơn xin cấp phép học nghề trong vòng mười (10) ngày kể từ khi nhận được đơn xin (Mẫu #35A-03, Đơn xin Cấp phép Học nghề và Đơn Chấp thuận của Người đào tạo và Cơ sở, Bản hiệu chỉnh 5/94), về việc đơn xin đã đầy đủ hay còn thiếu và cần thông tin cụ thể gì.

(1) Khi thông tin cho đơn xin còn thiếu đã được gửi lại hội đồng, hội đồng sẽ quyết định, trong vòng năm (5) ngày kể từ ngày nhận, xem đơn xin đã đầy đủ hay chưa.

(2) Nếu đơn xin vẫn chưa đầy đủ, hội đồng sẽ thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn trong vòng năm (5) ngày kể từ ngày nhận, về thông tin cụ thể nào cần được bổ sung.

(c) Trong vòng ba mươi lăm (35) ngày sau khi nhận được đơn xin hoàn chỉnh, hội đồng sẽ thông báo bằng văn bản đến người nộp đơn cho biết người nộp đơn có đáp ứng các yêu cầu để được phê duyệt hay không.



(d) Thời gian tối thiểu, trung bình, tối đa cho việc xử lý một đơn xin cấp phép học nghề, tính từ khi nhận được đơn xin đến khi Hội đồng Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ quyết định ban hành giấy phép dựa trên thi hành thực tế của hội đồng trong hai năm trước khi đề xuất mục này, là như sau:

- (1) Tối thiểu: 1 ngày
- (2) Trung bình: 15 ngày
- (3) Tối đa: 48 ngày

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp; và Mục 15376 Bộ luật Chính phủ. Tham chiếu: Mục 7334 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp; và Mục 15376 Bộ luật Chính phủ.

914.1 Độ trình Đơn xin Học nghề; Tính Đủ điều kiện

Nếu người nộp đơn xin cấp phép học nghề trước đây đã nộp đơn và đủ điều kiện cho kỳ thi cấp phép trong một môn cụ thể, người nộp đơn đó không đủ điều kiện để nộp đơn cho chương trình học nghề trong cùng môn.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7334 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

914.2 Độ trình Đơn xin Học nghề; Đăng ký lại

(a) Thời gian cho một chương trình học nghề là 2 năm. Nếu tại bất kỳ một thời điểm nào người học nghề không tiếp tục đăng ký vào chương trình học nghề nữa, nhà bảo trợ chương trình học việc phải thông báo tới hội đồng trong vòng 10 ngày kể từ ngày ngừng tham gia.

(b) Nếu sau thời gian 2 năm người học nghề không hoàn thành 3.200 giờ và nội dung đào tạo liên quan theo yêu cầu, và hội đồng đã được thông báo về việc hủy đăng ký, và giấy phép học việc đã được nộp lại cho hội đồng theo yêu cầu của mục 923 tại điều luật này, người nộp đơn có thể đăng ký lại một lần nữa để hoàn thành chương trình. Sau 2 lần đăng ký vào chương trình học nghề, người nộp đơn không còn đủ điều kiện để tham gia chương trình nữa.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7334 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

915. Đào tạo Liên quan

(a) Mỗi chương trình học nghề được hội đồng phê duyệt phải bao gồm một học phần đào tạo thực tập và một học phần học thuật của khóa đào tạo liên quan.

(b) Khóa đào tạo liên quan dành cho người học nghề làm tóc phải cung cấp tối thiểu 216 giờ hướng dẫn trong thời gian hai năm. Trong số đó tối thiểu 144 giờ sẽ dùng để truyền đạt lý thuyết ngành làm tóc và tối đa 72 giờ có thể dùng cho đào tạo tự chọn. 72 giờ đào tạo tự chọn có thể được tiến hành bằng hướng dẫn học thuật hoặc bằng một hội thảo chuyên đề hoặc học bằng các thuyết minh liên quan đến nghề làm tóc. Việc đào tạo tự chọn sẽ được xác



nhận bằng các chứng chỉ hoàn tất khóa học hoặc các hồ sơ đăng ký.

(c) Khóa đào tạo liên quan dành cho người học nghề thẩm mỹ, chăm sóc da, chăm sóc móng hay điện phân phải cung cấp tối thiểu 220 giờ hướng dẫn học thuật trong khoảng thời gian hai năm. Số giờ này sẽ bao gồm các môn học sau:

(1) Khóa đào tạo liên quan dành cho người học nghề thẩm mỹ sẽ bao gồm các môn học liên quan đến thẩm mỹ như sau: hóa học thẩm mỹ, sức khỏe, an toàn và các chất độc hại, lý thuyết về điện, khử trùng và vệ sinh, vi khuẩn học, giải phẫu học và sinh lý học, tạo kiểu tóc ướt, tạo kiểu tóc bằng nhiệt, uốn vĩnh viễn, duỗi thẳng tóc bằng hóa chất, cắt tóc, nhuộm màu và tẩy tóc, điều trị tóc và da đầu, làm mặt, tia lông mày và tẩy lông, trang điểm, chăm sóc móng tay và móng chân.

(2) Khóa đào tạo liên quan dành cho nghề chăm sóc da sẽ bao gồm các môn học liên quan đến chăm sóc da như sau: hóa học thẩm mỹ, sức khỏe, an toàn và các chất độc hại, lý thuyết về điện, khử trùng và vệ sinh, vi khuẩn học, giải phẫu học, sinh lý học, phân tích và xác định tình trạng da, làm mặt, tia lông mày và tẩy lông và trang điểm.

(3) Khóa đào tạo liên quan dành cho nghề chăm sóc móng sẽ bao gồm các môn học liên quan đến chăm sóc móng như sau: hóa học thẩm mỹ, sức khỏe, an toàn và các chất độc hại, khử trùng và vệ sinh, vi khuẩn học, giải phẫu học và sinh lý học, làm móng với nước và dầu, bao gồm cả mát-xa bàn tay và cánh tay, làm móng chân toàn bộ và đắp móng giả.

(4) Khóa đào tạo liên quan dành cho nghề đốt điện phân sẽ bao gồm các môn học liên quan đến phương pháp đốt điện phân như sau: sức khỏe, an toàn và các chất độc hại, khử trùng, vệ sinh và tiệt trùng, vi khuẩn học, giải phẫu học và sinh lý học, điện, điện phân, nhiệt phân và các dòng điện cao tần và galvanic.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

Tham chiếu: Mục 7333 và 7334 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

916. Số giờ và Lịch trình Đào tạo

(a) Thời gian hai năm theo Mục 7335 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp tương đương tối thiểu ba ngàn hai trăm (3.200) số giờ học nghề. Học nghề toàn thời gian nghĩa là làm việc và đào tạo theo một chương trình được phê duyệt ít nhất là 32 giờ mỗi tuần. Tối đa mỗi người một ngày chỉ được phép làm tám tiếng rưỡi cũng như không quá năm ngày trong một tuần. Số giờ đào tạo tối đa không được vượt quá 42-1/2 giờ mỗi tuần.

(b) Chương trình học nghề hai năm sẽ được bắt đầu ngay khi hội đồng cấp giấy phép học nghề.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

Tham chiếu: Mục 7333, 7334 và 7345 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.



917. Đào tạo Trước Học nghề

Số giờ tối thiểu của việc đào tạo trước học nghề được đề cập trong Mục 7334 của Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp sẽ là ba mươi chín (39) giờ hướng dẫn về các luật lệ và quy định của hội đồng, các quy trình bảo vệ khách hàng và vệ sinh, khử trùng cơ bản. Người nộp đơn xin cấp phép học nghề phải hoàn tất khóa đào tạo trước học nghề trước khi được cấp phép học nghề.

*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7334 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*

918. Người đào tạo Học nghề

(a) Không một người có giấy phép nào được đào tạo một người học nghề trừ khi giấy phép của người đó bao gồm phạm vi thực hành trong giấy phép của người học nghề.

(b) Người có giấy phép được phép giám sát tối đa hai người học nghề tại bất kỳ thời điểm được xác định nào.

*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7332 và 7336 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*

919. Những Người đào tạo và Cơ sở được Hội đồng Phê duyệt

(a) Người được cấp phép muốn đào tạo một người học nghề phải được hội đồng chấp thuận trước khi sử dụng hoặc đào tạo người học nghề. Một cơ sở muốn đào tạo người học nghề ở nhiều cơ sở địa điểm thuộc quyền sở hữu chung có thể yêu cầu tham gia đào tạo tại nhiều địa điểm. Quyền sở hữu chung bao gồm chuỗi cơ sở, nhiều cơ sở do cá nhân sở hữu và các tập đoàn nhượng quyền hoặc các công ty hợp doanh. Đơn xin phê duyệt của người đào tạo và cơ sở phải được thực hiện theo mẫu do hội đồng cung cấp (Mẫu # 35A-03, Đơn xin Cấp phép Học nghề và Đơn Chấp thuận của Người đào tạo và Cơ sở, Bản hiệu chỉnh 5/94).

(1) Các cơ sở tham gia đào tạo người học nghề ở nhiều địa điểm dưới quyền sở hữu chung phải cung cấp, như một phần của thủ tục đơn xin, một danh sách bao gồm tên, địa điểm, số giấy phép do hội đồng cấp, tên các nhân viên và hoặc chủ sở hữu của các cơ sở.

(b) Các điều kiện để được chấp thuận làm người đào tạo học nghề:

(1) Người được cấp phép phải sở hữu một giấy phép hiện hành và có hiệu lực do hội đồng cấp.

(2) Người được cấp phép không được có hành động kỷ luật nào chống lại họ hoặc không bị quản chế do hành động kỷ luật của hội đồng hoặc đã kết thúc thời gian quản chế do hành động kỷ luật trước đây trong vòng hai năm ngay trước khi đơn xin cấp phép đào tạo người học nghề được trình lên.

(3) Người được cấp phép không bị từ chối chiếu theo Mục 480.

(4) Người được cấp phép không có khoản phạt nào chưa trả chiếu theo Điều 12 Chương 10 Khoản 3 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.



(c) Không một người học nghề nào được phép làm việc hay đào tạo trong một cơ sở khi chưa được hội đồng chấp thuận. Đơn xin phê duyệt đối với cơ sở sẽ được thực hiện theo cùng mẫu như được quy định ở tiểu khoản (a).

(d) Các điều kiện cho việc phê duyệt đối với cơ sở là:

(1) Cơ sở phải sở hữu một giấy phép hiện hành và có hiệu lực do hội đồng cấp.

(2) Cơ sở không được có hành động kỷ luật nào chống lại họ hoặc không bị quản chế do hành động kỷ luật của hội đồng hoặc đã kết thúc thời gian quản chế do hành động kỷ luật trước đây trong vòng hai năm ngay trước khi đơn xin phê duyệt của cơ sở được trình lên.

(3) Không bị từ chối chiếu theo Mục 480.

(4) Người được cấp phép không có khoản phạt nào chưa trả chiếu theo Điều 12 Chương 10 Khoản 3 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

(5) Nếu cơ sở tham gia đào tạo người học nghề ở nhiều địa điểm thuộc quyền sở hữu chung thì phải có một thỏa thuận giữa các cơ sở để sử dụng người học nghề.

(e) Hội đồng sẽ thông báo bằng văn bản cho tất cả các cá nhân nộp đơn xin cấp phép làm người đào tạo học nghề hoặc một cơ sở đào tạo học nghề trong vòng mười (10) ngày kể từ khi nhận được đơn xin (Mẫu #35A-03, Đơn xin Cấp phép Học nghề và Đơn Chấp thuận của Người đào tạo và Cơ sở, Bản hiệu chỉnh 5/94), về việc đơn xin đã đầy đủ hay còn thiếu và cần thông tin cụ thể gì.

(1) Khi thông tin cho đơn xin còn thiếu đã được gửi lại hội đồng, hội đồng sẽ quyết định, trong vòng năm (5) ngày kể từ ngày nhận, xem đơn xin đã đầy đủ hay chưa.

(2) Nếu đơn xin vẫn chưa đầy đủ, hội đồng sẽ thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn trong vòng năm (5) ngày kể từ ngày nhận, về thông tin cụ thể nào cần được bổ sung.

(f) Trong vòng ba mươi lăm (35) ngày sau khi nhận được đơn xin hoàn chỉnh, hội đồng sẽ thông báo cho người nộp đơn bằng văn bản về việc người nộp đơn có đáp ứng được các yêu cầu cho việc phê duyệt hay không.

(g) Thời gian tối thiểu, trung bình, tối đa cho việc xử lý một yêu cầu xin phê duyệt, kể từ khi nộp đơn đến khi Hội đồng Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ quyết định ban hành giấy phép dựa trên thi hành thực tế của hội đồng trong hai năm trước khi đề xuất mục này, là như sau:

(1) Tối thiểu: 1 ngày

(2) Trung bình: 15 ngày

(3) Tối đa: 48 ngày

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7332, 7333, 7334 và 7336 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.



920. Ghi chép Đào tạo Học nghề

Người đào tạo học nghề phải trình lên hội đồng hoặc các đại diện của hội đồng một bản sao các ghi chép công việc hàng ngày dành cho người học nghề của mình khi có yêu cầu. Các ghi chép công việc này bao gồm tên của người học nghề được thuê, ngày tháng người học nghề đã làm, số giờ làm việc và quá trình làm việc được thực hiện trong thời gian này, cùng tên của người đào tạo.

*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7333 và 7334 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*

921. Chương trình Giảng dạy Dành cho Khóa Học nghề Làm tóc

(a) Chương trình giảng dạy dành cho người học nghề đăng ký vào một khóa học nghề làm tóc phải bao gồm ba ngàn hai trăm (3.200) giờ hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo thực hành bao gồm tất cả hoạt động của một chuyên viên làm tóc chiếu theo Mục 7316 Đạo luật Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ.

(b) Theo mục đích của mục này, hướng dẫn kỹ thuật nghĩa là hướng dẫn bằng cách minh họa, thuyết giảng, tham gia lớp học hoặc thi cử; hoạt động thực hành nghĩa là học viên thực hiện thực tế một dịch vụ hoàn chỉnh trên một người khác hoặc trên một ma-nơ-canh. Đào tạo thực hành nghĩa là thời gian cần thiết để thực hiện một hoạt động thực hành. Hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo thực hành sẽ bao gồm những giờ sau:

(1) 2.800 Giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và Đào tạo Thực hành về Tạo mẫu làm tóc

Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Tạo mẫu làm tóc phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Tạo kiểu tóc (95 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 450 Hoạt động Thực hành):

Môn học về Tạo kiểu tóc sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau: Phân tích tóc, gội đầu, tạo lọn tóc bằng ngón tay, uốn bằng ghim kẹp, chải ra, duỗi thẳng, uốn, làm xoắn với lược nóng và dụng cụ uốn nóng, tạo kiểu bằng máy sấy.

Uốn Vĩnh viễn và Duỗi thẳng bằng Hóa chất (40 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 120 Hoạt động Thực hành):

Môn học về Uốn Vĩnh viễn và Duỗi thẳng bằng Hóa chất sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau: Phân tích tóc, uốn vĩnh viễn bằng axit và kiềm, duỗi thẳng bằng hóa chất bao gồm cả việc sử dụng sodium hydroxide và các dung dịch ba-zơ khác.



Nhuộm màu và Tẩy tóc (65 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 50 Hoạt động Thực hành):

Môn học về Nhuộm màu và Tẩy tóc sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau (bao gồm cả việc sử dụng màu bán vĩnh viễn, bán tạm thời và tạm thời): Phân tích tóc, kiểm tra dị ứng da và sợi tóc, các biện pháp an toàn, pha trộn công thức, nhuộm màu nhẹ, tẩy tóc, nhuộm highlight và lowlight, và sử dụng các chất tẩy màu nhuộm.

Cắt tóc (20 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 300 Hoạt động Thực hành):

Môn học về Cắt tóc sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau: Sử dụng kéo, dao cạo (máy cạo), tông đơ cắt/xén bằng điện, và kéo lớn mỏng (thon) để cắt ướm và khô.

(2) 200 Giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và Đào tạo Thực hành về Cạo râu tóc
 Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Cạo râu tóc phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Chuẩn bị và Thực hiện (100 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 40 Hoạt động Thực hành)

Môn học về Chuẩn bị và Thực hiện sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn các kỹ thuật và thủ tục sau: Chuẩn bị râu tóc của khách hàng cho việc cạo, đánh giá tình trạng da của khách, thực hiện các kỹ thuật cạo, thoa thuốc sát trùng sau khi cạo tiếp theo dịch vụ làm mặt, mát-xa mặt của khách hàng và lăn kem mát-xa.

(3) 200 Giờ Hướng dẫn Kỹ thuật về Sức khỏe và An toàn

Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Sức khỏe và An toàn phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Luật lệ và Quy định (20 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Các môn học về Luật lệ và Quy định sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các vấn đề sau: Đạo luật Nghề Làm tóc và Thẩm Mỹ, Các Luật lệ và Quy định của Hội đồng.

Cần nhắc về Sức khỏe và An toàn (45 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Sức khỏe và An toàn/ các chất độc hại bao gồm việc đào tạo về các hóa chất và y tế trong các cơ sở, các bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất, cách bảo vệ khỏi các hóa chất độc hại và phòng chống thương tổn do hóa chất, luật lệ và các cơ quan về y tế và an toàn, vi khuẩn học và ngăn ngừa các bệnh truyền nhiễm bao gồm HIV/AIDS và viêm gan B.



Khử trùng và Vệ sinh (20 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Môn học về Khử trùng và Vệ sinh sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau: Khử trùng và vệ sinh bao gồm các thủ tục thích hợp để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng cũng như các kỹ thuật viên, và các thủ tục khử trùng thích hợp cho các thiết bị sử dụng trong cơ sở.

Việc khử trùng phải được nhấn mạnh trong suốt thời gian đào tạo và phải được thực hiện trước khi sử dụng bất kỳ các dụng cụ và thiết bị nào.

Giải phẫu và Sinh lý học (15 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Các môn học về Giải phẫu và Sinh lý học sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các vấn đề sau: Giải phẫu Người, Sinh lý Người.

(c) Hội đồng khuyến nghị các trường học nên cung cấp nội dung đào tạo trong lĩnh vực kỹ năng giao tiếp bao gồm đạo đức nghề nghiệp, nghệ thuật bán hàng, lưu giữ hồ sơ khách hàng, lễ nghi, và thông tin thuế cơ bản liên quan đến người thuê buồng, người làm việc độc lập, nhân viên và người sử dụng lao động.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7334 (f) Bộ luật Kinh doanh và Nghệ nghiệp. Tham chiếu: Mục 7316(a), 7321.5(d)(2), 7362(b), 7362.5(a) và 7389 Bộ luật Kinh doanh và Nghệ nghiệp; và Mục 3078 Bộ luật Lao động.

921.1. Chương trình Giảng dạy Dành cho Khóa Học nghề Thẩm mỹ

(a) Chương trình giảng dạy dành cho người học nghề đăng ký vào một khóa học nghề thẩm mỹ phải bao gồm ba ngàn hai trăm (3200) giờ hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo thực hành bao gồm tất cả hoạt động hình thành nên nghề thẩm mỹ chiếu theo Mục 7316 Đạo luật Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ.

(b) Theo mục đích của mục này, hướng dẫn kỹ thuật nghĩa là hướng dẫn bằng cách minh họa, thuyết giảng, tham gia lớp học hoặc thi cử; hoạt động thực hành nghĩa là học viên thực hiện thực tế một dịch vụ hoàn chỉnh trên một người khác hoặc trên một ma-nơ-canh. Đào tạo thực hành nghĩa là thời gian cần thiết để thực hiện một hoạt động thực hành.

Hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo thực hành sẽ bao gồm những giờ sau:

(1) 2.600 Giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và Đào tạo Thực hành về Tạo mẫu làm tóc

Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Tạo mẫu làm tóc phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Tạo kiểu tóc (95 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 450 Hoạt động Thực hành): Môn học về Tạo kiểu tóc sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau: Phân tích tóc, gội đầu, tạo lọn tóc bằng ngón tay,



uốn bằng ghim kẹp, chải ra, duỗi thẳng, uốn, làm xoăn với lược nóng và dụng cụ uốn nóng, tạo kiểu bằng máy sấy.

Uốn Vĩnh viễn và Duỗi thẳng bằng Hóa chất (40 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 210 Hoạt động thực hành):

Môn học về Uốn Vĩnh viễn và Duỗi thẳng bằng Hóa chất sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau: Phân tích tóc, uốn vĩnh viễn bằng axit và kiềm, duỗi thẳng bằng hóa chất bao gồm cả việc sử dụng sodium hydroxide và các dung dịch ba-zơ khác.

Nhuộm màu và Tẩy tóc (65 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 215 Hoạt động Thực hành):

Môn học về Nhuộm màu và Tẩy tóc sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau (bao gồm cả việc sử dụng màu bán vĩnh viễn, bán tạm thời và tạm thời): Phân tích tóc, kiểm tra dị ứng da và sợi tóc, các biện pháp an toàn, pha trộn công thức, nhuộm màu nhẹ, tẩy tóc, nhuộm highlight và lowlight, và sử dụng các chất tẩy màu nhuộm.

Cắt tóc (20 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 300 Hoạt động Thực hành):

Môn học về Cắt tóc sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau: Sử dụng kéo, dao cạo (máy cạo), tông đơ cắt/xén bằng điện, và kéo lớn mỏng (thon) để cắt ướn và khô.

(2) 200 Giờ Hướng dẫn Kỹ thuật về Sức khỏe và An toàn

Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Sức khỏe và An toàn phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Luật lệ và Quy định (20 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Các môn học về Luật lệ và Quy định sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các vấn đề sau: Đạo luật Nghề Làm tóc và Thẩm Mỹ, Các Luật lệ và Quy định của Hội đồng.

Cân nhắc về Sức khỏe và An toàn (45 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Môn học về Sức khỏe và An toàn sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau: Hóa học thẩm mỹ bao gồm thành phần hóa học và mục đích của các mỹ phẩm, chế phẩm chăm sóc móng, tóc và da. Trang điểm bằng hóa chất cơ bản, lột da bằng hóa chất và các thay đổi hóa học và vật lý của vật chất. Các chất độc hại bao gồm việc đào tạo về các hóa chất và y tế trong các cơ sở, cách bảo vệ khỏi các hóa chất độc hại và phòng chống thương tổn do hóa chất, công thái học, lý thuyết về điện trong thẩm mỹ, vi khuẩn học, các bệnh truyền nhiễm bao gồm HIV/AIDS, viêm gan B và khuẩn tụ cầu, các Bảng Chỉ dẫn An toàn Hóa chất.



Khử trùng và Vệ sinh (20 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Môn học về Khử trùng và Vệ sinh sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau: Khử trùng và vệ sinh bao gồm các thủ tục thích hợp để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng cũng như các kỹ thuật viên. Các thủ tục khử trùng thích hợp cho các thiết bị sử dụng trong cơ sở.

Việc khử trùng phải được nhấn mạnh trong suốt thời gian đào tạo và phải được thực hiện trước khi sử dụng bất kỳ các dụng cụ và thiết bị nào.

Giải phẫu và Sinh lý học (15 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Các môn học về Giải phẫu và Sinh lý học sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các vấn đề sau: Giải phẫu Người, Sinh lý Người.

(3) 200 Giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và Đào tạo Thực hành về Thẩm mỹ

Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Thẩm mỹ phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Chăm sóc mặt bằng Tay, Điện, Hóa chất (25 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 65 Hoạt động Thực hành):

Môn học về chăm sóc mặt bằng tay, điện và hóa chất sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau: Chăm sóc mặt bằng Tay bao gồm việc làm sạch, các thao tác khoa học, ủ, và đắp mặt nạ. Chăm sóc mặt bằng Điện bao gồm việc sử dụng các phương thức bằng điện, đèn chiếu cho da và dụng cụ điện cho mục đích làm mặt và chăm sóc da; tuy nhiên, các máy móc có khả năng tạo ra dòng điện sẽ không được sử dụng để kích thích làm săn, hoặc cho các mục đích làm săn các cơ bắp của cơ thể hoặc khuôn mặt. Chăm sóc mặt bằng Hóa chất bao gồm lột da bằng hóa chất, ủ, đắp mặt nạ và tẩy tế bào chết. Việc đào tạo phải nhấn mạnh rằng chỉ có các lớp phi sinh trên cùng của da mặt, hay còn được gọi là biểu bì, mới được tẩy bỏ, và chỉ với mục đích làm đẹp. Tất cả các hoạt động thực hành phải được thực hiện theo Mục 992 về tẩy da chết.

Làm đẹp Lông mày và Trang điểm (25 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 55 Hoạt động Thực hành):

Môn học về Làm đẹp Lông mày sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, những vấn đề sau đây: Tia Lông mày và Tẩy Lông, bao gồm cả việc sử dụng sáp, nhíp, bằng điện hoặc bằng tay, và thuốc rụng lông để loại bỏ lông tóc thừa.

Môn học về Trang điểm sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các vấn đề sau: phân tích da, trang điểm toàn bộ và chỉnh sửa, nhuộm lông mi và lông mày, và gắn lông mi giả.



(4) 200 Giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và Đào tạo Thực hành về Chăm sóc Móng tay và Chăm sóc Móng chân
 Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Chăm sóc Móng tay và Chăm sóc Móng chân phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Chăm sóc Móng tay và Chăm sóc Móng chân (10 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 34 Hoạt động Thực hành):

Môn học về Chăm sóc Móng tay và Chăm sóc Móng chân sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các vấn đề sau: Chăm sóc móng với nước và dầu, bao gồm phân tích móng, mát-xa bàn tay/bàn chân và cánh tay/cổ chân.

Móng giả và Đắp móng (25 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 120 Hoạt động Thực hành) (trên móng):

Móng giả bao gồm acrylic: quét cọ dung dịch và bột, dán móng giả, đắp móng và sửa móng.

(c) Hội đồng khuyến nghị các trường học nên cung cấp nội dung đào tạo trong lĩnh vực kỹ năng giao tiếp bao gồm đạo đức nghề nghiệp, nghệ thuật bán hàng, lễ nghi, lưu giữ hồ sơ, và các ghi chép về dịch vụ khách hàng.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7334(f) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7316(b), 7321(d)(5), 7362(b), 7362.5(b) và 7389 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp; và Mục 3078 Bộ luật Lao động.

921.2. Chương trình Giảng dạy Dành cho Khóa Học nghề Đốt điện phân

a) Chương trình giảng dạy dành cho người học nghề đăng ký vào một khóa học nghề đốt điện phân phải bao gồm ba ngàn hai trăm (3.200) giờ hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo thực hành bao gồm tất cả hoạt động hình thành nên nghề đốt điện phân chiếu theo Mục 7316 Đạo luật Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ.

(b) Theo mục đích của mục này, hướng dẫn kỹ thuật nghĩa là hướng dẫn bằng cách minh họa, thuyết giảng, tham gia lớp học hoặc thi cử; hoạt động thực hành nghĩa là học viên thực hiện thực tế một dịch vụ hoàn chỉnh trên một người khác. Đào tạo thực hành nghĩa là thời gian cần thiết để thực hiện một hoạt động thực hành. Hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo thực hành sẽ bao gồm những giờ sau:

(1) 400 Giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và Đào tạo Thực hành về Điện phân, Nhiệt phân, Phương thức Kết hợp/ Lưỡng kép và Điện

Các môn học hướng dẫn bắt buộc về điện phân, nhiệt phân, phương thức kết hợp/ lưỡng kép và điện phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:



Điện phân (45 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 120 Hoạt động Thực hành)
 Môn học về Điện phân sẽ bao gồm các nghiên cứu về triệt lông sử dụng các kỹ thuật chèn đơn và đa kim, sử dụng dòng galvanic, phản ứng da, điện di anot và điện chuyển, đánh giá bệnh sử của khách hàng đối với khả năng tương thích với các phương pháp điều trị điện phân.

Nhiệt phân (45 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 120 Hoạt động Thực hành)
 Môn học về Nhiệt phân sẽ bao gồm các nghiên cứu về triệt lông sử dụng thiết bị nhiệt phân tự động và bằng tay, các kỹ thuật chèn, sử dụng dòng cao tần trong cả hai cường độ cao và thấp, phản ứng da, và đánh giá bệnh sử của khách hàng đối với khả năng tương thích với các phương pháp điều trị nhiệt phân.

Phương thức Kết hợp/ Lưỡng kép (45 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 120 Hoạt động Thực hành)
 Môn học về Phương thức Kết hợp / Lưỡng kép sẽ bao gồm các nghiên cứu về triệt lông sử dụng kết hợp dòng cao tần và dòng galvanic, các kỹ thuật chèn, phản ứng da, điện di anot và điện chuyển, đánh giá bệnh sử của khách hàng đối với khả năng tương thích với các phương pháp điều trị Kết hợp/ Lưỡng kép.

Điện (15 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)
 Môn học về Điện sẽ bao gồm bản chất của dòng điện; nguyên tắc hoạt động của các thiết bị điện; các biện pháp phòng ngừa an toàn khác nhau áp dụng khi vận hành các thiết bị điện, và bảo trì đúng cách các thiết bị.

(2) 200 Giờ Hướng dẫn Kỹ thuật về Sức khỏe và An toàn
 Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Sức khỏe và An toàn phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Luật lệ và Quy định (20 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)
 Môn học về Luật lệ và Quy định sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các vấn đề sau: Đạo luật Nghề Làm tóc và Thẩm Mỹ, Các Luật lệ và Quy định của Hội đồng.

Cân nhắc về Sức khỏe và An toàn (45 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)
 Môn học về Sức khỏe và An toàn sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, vi khuẩn học, HIV/AIDS, viêm gan, herpes, nhiễm trùng tụ cầu khuẩn và các bệnh truyền nhiễm khác cùng biện pháp ngăn ngừa, công thái học, an toàn điện, và các bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất.



Tiệt trùng (25 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Môn học về Tiệt trùng sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, việc nghiên cứu các thủ tục và kỹ thuật thích hợp để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng cũng như các kỹ thuật viên, và vệ sinh thiết bị được sử dụng trong các cơ sở. Việc khử trùng và vệ sinh phải được nhấn mạnh trong suốt thời gian đào tạo và phải được thực hiện trên tất cả các dụng cụ và thiết bị trước khi sử dụng. Thời gian và ngày giờ khử trùng phải được theo dõi và ghi chép.

Giải phẫu và Sinh lý học (25 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Các môn học về Giải phẫu và Sinh lý học sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, giải phẫu và sinh lý người, da liễu và phân tích da và tóc, nghiên cứu về các hệ thống tuần hoàn, thần kinh và nội tiết.

(c) Hội đồng khuyến nghị các trường học nên cung cấp nội dung đào tạo trong lĩnh vực kỹ năng giao tiếp bao gồm đạo đức nghề nghiệp, tư vấn, chăm sóc trước và sau điều trị, nghệ thuật bán hàng, lễ nghi, lưu giữ hồ sơ, các ghi chép về dịch vụ khách hàng, kỹ năng kinh doanh và thông tin thuế cơ bản liên quan đến người làm việc độc lập, nhân viên và người sử dụng lao động.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7334(f) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7316(f), 7330(d) (3), 7362(b), 7366 và 7389 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp; và Mục 3078 Bộ luật Lao động.

922. Chuyển đổi

Người học nghề có thể yêu cầu nhà bảo trợ chương trình chuyển đổi từ một lớp đào tạo liên quan được chấp thuận sang một lớp khác hoặc từ một cơ sở và người đào tạo đã được chấp thuận sang một cơ sở và người đào tạo khác. Người học nghề và nhà bảo trợ chương trình phải thông báo cho hội đồng trong vòng năm ngày về bất kỳ sự chuyển đổi nào.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7333 và 7336 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

923. Nộp lại Giấy phép

Những người học nghề đã vượt qua thành công kỳ thi cấp giấy phép hoặc chấm dứt đăng ký vào chương trình đào tạo học nghề hoặc những người hết hạn đăng ký học nghề phải trả lại cho hội đồng bất kỳ giấy phép học nghề nào cũng như ảnh nhận dạng đã được cấp cho họ trước đó.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7335 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.



924. Hoàn tất Chương trình Đào tạo Học nghề

(a) Sau khi hoàn tất thành công hoặc đình chỉ một chương trình học nghề, nhà bảo trợ chương trình học nghề sẽ cấp cho người học nghề một giấy chứng nhận hoàn tất hoặc đình chỉ học nghề. Giấy chứng nhận hoàn tất hoặc đình chỉ học nghề phải có chữ ký của người hướng dẫn, người học nghề và nhà bảo trợ chương trình học nghề.

(b) Giấy chứng nhận hoàn tất hoặc đình chỉ học nghề phải là một văn bản do nhà bảo trợ chương trình chuẩn bị, bao gồm tất cả các yếu tố sau:

(1) Tiêu đề khóa học.

(2) Tên người học nghề, địa chỉ, số điện thoại và ngày tháng năm sinh.

(3) Số giấy phép người học nghề và số an sinh xã hội.

(4) Tên người bảo trợ chương trình và mã người bảo trợ do hội đồng cấp.

(5) Tổng số giờ đào tạo liên quan đã hoàn thành.

(6) Ngày hoàn tất hoặc đình chỉ khóa đào tạo học nghề.

(7) Tổng số giờ đào tạo thực tập mà người học nghề đã hoàn tất theo quy định của nội dung môn học.

(8) Bất kỳ nội dung đào tạo nào nhận được trong một chương trình học nghề do hội đồng phê duyệt trước đó.

(9) Một tuyên bố xác nhận rằng người học nghề đã hoặc không đáp ứng các yêu cầu của chương trình giảng dạy của khóa học.

(10) Một tuyên bố được ký tên và ghi rõ ngày tháng, đồng ý chịu hình phạt nếu khai man, rằng các thông tin trong hồ sơ là đúng và chính xác. Tuyên bố này phải được ghi rõ như sau:

“Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, sẽ chịu hình phạt nếu khai man theo luật pháp của tiểu bang California, xin chứng nhận rằng các thông tin đã nêu trên đây là đúng và chính xác.”

(c) Người học nghề phải nộp giấy chứng nhận hoàn tất học nghề và tất cả các tài liệu đủ tiêu chuẩn kèm theo đơn xin để tham dự kỳ thi cấp giấy phép.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7321, 7321.5, 7324, 7326, 7330, 7333 và 7337 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

925. Tuyên bố về Trách nhiệm của Người đào tạo

Chủ cơ sở nơi khóa học nghề được tổ chức phải thông báo bằng văn bản cho nhân viên là người đào tạo học nghề về trách nhiệm của nhân viên đó như là một người đào tạo. Tuyên bố về trách nhiệm của người đào tạo phải bao gồm, nhưng không giới hạn, các điều khoản được nêu trong tiểu khoản (a), (b), (c), (d) và (e), Mục 3078 Bộ luật Lao động. Tuyên bố về trách nhiệm của người đào tạo phải có chữ ký của chủ cơ sở và người đào tạo học nghề và được lưu giữ trong khuôn viên của cơ sở đó. Tuyên bố về trách nhiệm của người đào tạo phải được xuất trình cho hội đồng hoặc người đại diện của



hội đồng khi có yêu cầu.

*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7332, 7333 và 7336 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*

926. Chứng chỉ Học nghề cho việc Đào tạo Trước đó

(a) Một người học nghề mong muốn hội đủ điều kiện dự thi chiếu theo Mục 7321 đến 7330 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp để được cấp giấy phép tại tiểu bang này dựa trên một phần đào tạo nhận được từ một chương trình học nghề tại California trước đó phải cung cấp chứng cứ về văn bằng của họ như sau:

(1) Việc đào tạo trước đó phải diễn ra trong một chương trình học nghề do hội đồng phê duyệt.

(2) Việc đào tạo trước đó phải diễn ra trong vòng ba năm ngay trước khi đăng ký lại trong một chương trình học nghề do hội đồng phê duyệt.

(3) Một Giấy chứng nhận Hoàn tất hoặc Đình chỉ hợp lệ có chữ ký của người học nghề, người đào tạo, đại diện trường và nhà bảo trợ chương trình phải được gửi cho nhà bảo trợ chương trình đăng ký trước khi chứng chỉ trước đó được cấp.

(4) Sau khi hoàn tất ba ngàn hai trăm (3.200) giờ của khóa đào tạo học nghề, một Giấy chứng nhận Hoàn tất hoặc Đình chỉ hợp lệ cho mỗi giai đoạn đăng ký phải kèm theo đơn xin dự thi.

(b) Một người học nghề phải rời chương trình được phê duyệt trong tình trạng tốt để có được chứng chỉ cho việc đào tạo đã nhận được. Tình trạng tốt được định nghĩa như sau:

(1) Không bị chấm dứt làm việc do các hoạt động không thích hợp.

(2) Đã trả lại giấy phép học nghề cho nhà bảo trợ chương trình để chuyển tiếp đến hội đồng.

(3) Đã tham gia các lớp đào tạo có liên quan và bổ sung chiếu theo mục 915 CCR.

*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7333, 7334 và 7345 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*

Điều 4: Kỳ thi

928. Đơn đăng ký trước cho Kỳ thi

(a) Một đơn đăng ký trước cho kỳ thi phải được trình lên hội đồng với dấu bưu điện trong vòng 7 ngày niên lịch kể từ ngày người nộp đơn hoàn tất 75 phần trăm số giờ khóa học bắt buộc và các yêu cầu của chương trình giảng dạy (60 phần trăm cho học viên khóa chăm sóc móng) từ một trường làm tóc, thẩm mỹ hoặc điện phân được chấp thuận, hoặc bất kỳ cá nhân nào có giấy phép học nghề trong ngành làm tóc, thẩm mỹ, chăm sóc da, hoặc chăm sóc móng mà đã hoàn tất ít nhất 75 phần trăm số giờ đào tạo học nghề bắt buộc.



(b) Một đơn đăng ký trước cho kỳ thi phải ở dạng văn bản theo một mẫu do hội đồng chuẩn bị (Mẫu PRE1, Yêu cầu Đăng ký trước, Bản hiệu chỉnh 1/05).

(c) Đơn đăng ký trước phải được đệ trình với các khoản sau:

(1) Lệ phí đơn đăng ký trước bắt buộc theo quy định trong Mục 998;

(2) Đơn xin dự thi, bao gồm lệ phí bắt buộc và tất cả các bằng chứng chứng minh người nộp đơn dự thi đủ điều kiện, ngoại trừ bằng chứng về tài liệu đào tạo được nêu trong Mục 909 hoặc (dành cho người học nghề) giấy chứng nhận hoàn tất học nghề được nêu trong Mục 924.

(3) Một phong bì dán tem, gửi tới trường nơi người nộp đơn đã hoàn tất việc đào tạo hoặc tới nhà bảo trợ chương trình học nghề nơi người nộp đơn hoàn tất chương trình đào tạo.

(d) Mẫu đơn đăng ký trước phải bao gồm một ngày dự kiến mà học viên/người học nghề sẽ hoàn tất khóa học/việc học nghề, và một tuyên bố do học viên/người học nghề và trường/nhà bảo trợ chương trình học nghề ký tên và cam kết, sẽ chịu hình phạt nếu khai man, rằng học viên/người học nghề đó đã hoàn thành các yêu cầu của chương trình giảng dạy và số giờ học cần thiết để đệ trình một đơn xin đăng ký trước.

(e) Trong vòng 30 ngày niên lịch kể từ khi nhận được đơn đăng ký trước, hội đồng sẽ thông báo cho người nộp đơn bằng văn bản, tại trường/nhà bảo trợ chương trình học nghề nơi người nộp đơn hoàn tất việc đào tạo, rằng đơn đăng ký trước đó đã đầy đủ hay còn thiếu sót và thông tin hoặc tài liệu nào cần được bổ sung để hoàn tất đơn xin.

(1) Nếu đơn xin đã đầy đủ, thông báo (một phần trong mẫu đơn PRE1 đã được hội đồng điền vào) cũng phải bao gồm ngày thi dự kiến của người nộp đơn.

(2) Nếu đơn đăng ký trước không đầy đủ, người nộp đơn sẽ không được sắp xếp lịch thi cùng với các đơn đăng ký trước khác cho đến khi các thiếu sót được chỉnh sửa và đơn xin được đệ trình lại.

(f) Bằng chứng về tài liệu đào tạo/giấy chứng nhận hoàn tất học nghề và một phần mẫu đơn PRE1 đã được hội đồng điền vào phải được gửi đến hội đồng, với dấu bưu điện trong vòng ba ngày làm việc sau ngày dự kiến hoàn tất khóa học/học nghề của người nộp đơn. Nếu yêu cầu này không được đáp ứng, người nộp đơn sẽ không được phép dự thi theo ngày đã định và người nộp đơn sẽ được sắp xếp lịch thi cùng với những người đăng ký thông thường.

(g) Trong vòng mười ngày làm việc kể từ khi nhận được bằng chứng về tài liệu đào tạo/ giấy chứng nhận hoàn tất học nghề, hội đồng sẽ thông báo cho người nộp đơn bằng văn bản hoặc yêu cầu tài liệu để hoàn tất hồ sơ.



(1) Nếu bằng chứng về tài liệu đào tạo/ giấy chứng nhận hoàn tất học nghề đã đầy đủ, hội đồng sẽ gửi đến người nộp đơn thư chấp thuận cho tham dự kỳ thi.

(2) Nếu bằng chứng về tài liệu đào tạo/ giấy chứng nhận hoàn tất học nghề vẫn còn thiếu, người nộp đơn sẽ không được cho phép dự thi theo ngày đã định và sẽ được xếp lịch lại để tham dự kỳ thi vào lúc nhận được bằng chứng đầy đủ về tài liệu đào tạo/ giấy chứng nhận hoàn tất học nghề.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7337.5 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7337.5 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

931. Phiên dịch viên và Phiên dịch viên/Người mẫu

(a) Một người nộp đơn tham dự kỳ thi làm tóc, thẩm mỹ, dưỡng da, chăm sóc móng hoặc điện phân có thể sử dụng một Phiên dịch viên hoặc một Phiên dịch viên/Người mẫu trong kỳ thi nếu người nộp đơn không thể nói, đọc, hoặc viết bằng tiếng Anh ở trình độ lớp 10.

(b) Người nộp đơn phải gửi kèm đơn xin dự thi, hoặc không quá ba mươi (30) ngày trước ngày thi, một thông báo xin phép sử dụng một Phiên dịch viên hoặc một Phiên dịch viên/Người mẫu theo mẫu do hội đồng quy định (Mẫu #03B-125, Mẫu G, Đơn xin Sử dụng một Phiên dịch viên hoặc Phiên dịch viên/Người mẫu, Bản hiệu chỉnh 8/94) và được chấp hành bởi người nộp đơn xác nhận sẽ chịu hình phạt nếu khai man.

(c) Người được chỉ định bởi người nộp đơn để làm Phiên dịch viên hoặc Phiên dịch viên/Người mẫu phải đệ trình lên hội đồng, không quá mười lăm (15) ngày trước ngày thi, và theo mẫu do hội đồng quy định (Mẫu #03A-126, Mẫu H, Bản hiệu chỉnh 8/94) và được chấp hành bởi người đó theo tuyên thệ hoặc xác nhận sẽ chịu hình phạt nếu khai man, một yêu cầu làm phiên dịch viên hoặc phiên dịch viên/người mẫu, cùng với hai ảnh có chữ ký cỡ 1 1/2 x 1 1/2 inch của người đó.

(d) Phiên dịch viên hoặc Phiên dịch viên/Người mẫu phải là người thành thạo cả tiếng Anh lẫn ngôn ngữ mẹ đẻ của người nộp đơn và phải xác nhận việc này bằng văn bản cam kết chịu hình phạt nếu khai man.

(e) Phiên dịch viên chỉ có thể phiên dịch cho phần thi viết.

(f) Phiên dịch viên/Người mẫu có thể phiên dịch cho cả phần thi viết và thực hành và sẽ đảm nhận vai trò người mẫu cho phần thi thực hành.

(g) Một người chỉ được phép làm Phiên dịch viên hoặc Phiên dịch viên/Người mẫu một lần trong vòng hai (2) năm trong bất kỳ kỳ thi nào.

(h) Phiên dịch viên sẽ không được sử dụng trong các kỳ thi cấp bằng trở thành hướng dẫn viên làm tóc hoặc thẩm mỹ.

(i) Những người khuyết tật có quyền tham gia vào các hoạt động thi cử một cách bình đẳng như những người không khuyết tật và các điều chỉnh hợp lý sẽ được cung cấp cho tất cả những người có hồ sơ chứng nhận y tế.



(j) Những người sau đây không được phép làm Phiên dịch viên hoặc Phiên dịch viên/Người mẫu:

(1) Những người dưới 15 tuổi

(2) Những người hiện tại hoặc trước đây từng là học viên ngành làm tóc hoặc bất kỳ phân ngành thẩm mỹ nào.

(3) Những người hiện tại hoặc trước đây từng được cấp giấy phép làm kỹ thuật viên hoặc người hướng dẫn bởi tiểu bang này hoặc bất kỳ tiểu bang nào khác trong ngành làm tóc hoặc bất kỳ phân ngành thẩm mỹ nào.

(4) Những người hiện tại hoặc trước đây từng đăng ký vào một chương trình đào tạo học nghề làm tóc.

(5) Những người hiện tại hoặc trước đây từng đăng ký vào một chương trình đào tạo học nghề thẩm mỹ.

(6) Những người hiện tại hoặc trước đây từng là Kỹ thuật viên Sơ cấp hoặc Chuyên viên Điện phân Sơ cấp.

(7) Những người hiện tại hoặc trước đây từng là chủ hoặc nhân viên của bất kỳ trường dạy làm tóc, thẩm mỹ hoặc điện phân nào.

(k) Trong thời hạn một (1) năm kể từ ngày mà bất kỳ người nào đảm nhận vai trò Phiên dịch viên hoặc Phiên dịch viên/Người mẫu, người đó sẽ không được phép nộp đơn lên Hội đồng Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ để xin giấy phép làm tóc hoặc bất kỳ phân ngành thẩm mỹ nào mà người đó đã cung cấp các dịch vụ Phiên dịch viên hoặc Người mẫu.

(l) Nếu hội đồng xác định bất kỳ thông tin nào được cung cấp theo mục này là sai một cách nghiêm trọng, điều này có thể làm mất hiệu lực bài thi của người nộp đơn, nếu có.

(m) Những người chỉ đọc đề thi cho người nộp đơn mà không phiên dịch sang một ngôn ngữ khác, sẽ không được cho phép.

(n) Nếu hội đồng xác định rằng một Phiên dịch viên hoặc Phiên dịch viên/ Người mẫu cung cấp câu trả lời trong kỳ thi hoặc bất kỳ việc hỗ trợ tài liệu nào khác cho người dự thi ngoài việc phiên dịch trong lúc tiến hành kỳ thi, hội đồng sẽ truất tư cách Phiên dịch viên hoặc Phiên dịch viên/Người mẫu và hủy bỏ hiệu lực bài thi của người nộp đơn.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

Tham chiếu: Mục 7338 và 7340 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

932. Điểm Đạt trong Các Kỳ thi

(a) Các kỳ thi sẽ gồm có một bài biểu diễn thực hành và một bài thi viết.

(b) Người nộp đơn phải nhận được điểm đạt ở cả hai phần thi biểu diễn thực hành và kiểm tra viết. Hội đồng sẽ quyết định điểm đạt bằng cách sử dụng một phương pháp đánh giá theo tiêu chí và dựa trên khuyến nghị của các chuyên gia phụ trách lĩnh vực dưới sự hướng dẫn của Hội đồng và nhà thầu tổ chức thi của Hội đồng.



Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, 7338 và 7340 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7338 và 7340 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

934. Khiếu nại Kỳ thi

(a) Một người nộp đơn nhận điểm trượt trong kỳ thi viết hoặc thực hành có quyền khiếu nại lên hội đồng để được xem xét lại kết quả thi của mình.

(b) Đơn khiếu nại phải được trình lên hội đồng trong vòng mười lăm (15) ngày sau ngày thông báo kết quả kỳ thi của người nộp đơn. Đơn khiếu nại phải bằng văn bản, và phải nêu ra lý do khiếu nại. Hội đồng chỉ xem xét các khiếu nại có liên quan đến lỗi thủ tục quan trọng hoặc điều kiện môi trường bất lợi trong lúc điều hành kỳ thi đó.

(c) Việc xem xét khiếu nại phải do một hoặc nhiều thành viên hội đồng, hoặc người được chỉ định của hội đồng thực hiện để xác định nếu có bằng chứng rõ ràng và thuyết phục để chấp nhận khiếu nại của người nộp đơn. Các kết quả đó sẽ tùy thuộc vào sự chấp thuận của hội đồng.

(d) Trong vòng ba mươi (30) ngày sau khi hội đồng đã chấp thuận quyết định về việc khiếu nại, người nộp đơn phải được thông báo bằng văn bản kết quả khiếu nại của người đó. Dựa trên khiếu nại, hội đồng có thể thực hiện hành động được xem là phù hợp, bao gồm cả việc ban hành giấy phép nếu hội đồng xác định rằng người nộp đơn đã thể hiện các năng lực cần thiết.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7340 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7340 và 7341 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

Điều 5: Đơn vị Lưu động

937. Cấp phép và Vận hành

(a) Một đơn xin cấp phép vận hành một đơn vị lưu động phải theo mẫu do hội đồng quy định và cung cấp (Mẫu #03A-202, Đơn xin Cấp phép Vận hành Đơn vị Lưu động, Bản hiệu chỉnh 1/93), kèm theo các bằng chứng, tuyên bố hoặc tài liệu theo yêu cầu trong Mục 7355(b) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

(b) Ranh giới địa lý trong phạm vi mà đơn vị lưu động được cấp phép vận hành sẽ chỉ bao gồm các thành phố và hạt trong phạm vi khu vực mà đơn vị lưu động được phép cung cấp dịch vụ, và sẽ không được phép mở rộng quá bán kính 50 dặm từ địa chỉ cơ sở thường trực nơi đơn vị lưu động vận hành.

(c) Tất cả các Quy tắc về Sức khỏe và An toàn dành cho các cơ sở làm tóc và thẩm mỹ (như trong Điều 12 của các quy định này) sẽ được áp dụng cho các đơn vị lưu động trừ khi được quy định khác.

(d) Tất cả các cửa tủ chứa đồ đều phải có khóa an toàn.

(e) Tất cả các thiết bị không được cất giữ trong tủ chứa đồ phải được neo



chặt vào đơn vị lưu động.

(f) Không dịch vụ nào được phép thực hiện khi đơn vị lưu động đang di chuyển.

(g) Phải có một đường dốc hoặc thang máy để ra vào đơn vị lưu động nếu cung cấp dịch vụ cho người khuyết tật.

(h) Người chủ của đơn vị lưu động có trách nhiệm tôn trọng triệt để tất cả các luật lệ và quy định của địa phương, tiểu bang và liên bang về vận hành các phương tiện giao thông được sử dụng làm đơn vị lưu động.

(i) Một nhật ký ghi rõ ngày tháng, địa điểm, và thời gian của dịch vụ phải có sẵn theo yêu cầu của người đại diện được ủy quyền của hội đồng.

(j) Hội đồng sẽ thông báo cho người nộp đơn bằng văn bản về việc đơn xin đã đầy đủ và được chấp nhận đệ trình hay còn thiếu và cần thông tin hay tài liệu cụ thể gì để hoàn chỉnh đơn xin trong vòng 10 ngày niên lịch kể từ khi nhận được đơn xin cấp phép vận hành một đơn vị lưu động.

(k) Hội đồng sẽ thông báo bằng văn bản cho người nộp đơn quyết định của mình về đơn xin trong vòng 21 ngày niên lịch kể từ ngày đệ trình đơn xin hoàn chỉnh. Quyết định sẽ tùy thuộc vào người nộp đơn sắp xếp một cuộc hẹn với hội đồng hoặc người đại diện của hội đồng, cho việc thanh tra đơn vị lưu động để đưa ra phê duyệt cuối cùng, chiếu theo mục 7355(a) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp, trong vòng bảy ngày niên lịch kể từ khi nhận được thông báo đơn xin đã hoàn chỉnh.

(l) Việc thanh tra để đưa ra phê duyệt cuối cùng phải được tiến hành để đảm bảo tuân thủ theo Mục 7345 và 7357(b) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7357 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7345, 7355 và 7357 Bộ luật Kinh doanh và Nghề Nghiệp.

Điều 6. Trường học

940. Thiết bị cho các Trường

(a) Các thiết bị tối thiểu mà một trường thẩm mỹ phải có như sau:

(1) Thiết bị điện cho việc hướng dẫn về chăm sóc da và làm mặt bằng điện.

Lưu ý: Thiết bị không được sử dụng để kích thích làm săn, hoặc cho các mục đích làm săn các cơ bắp của cơ thể hoặc khuôn mặt.



(2) Ma-nơ-canh, với đầy đủ đầu tóc	10
(3) Đồng hồ hoặc máy quét thời gian	1
(4) Chậu gội đầu	5
(5) Máy sấy	6
(6) Ghế làm mặt hoặc giường làm mặt	2
(7) Quầy làm móng	6
(8) Duỗi tóc bằng nhiệt	
(A) Lược không dùng điện	3
(B) Lò sấy (dành cho lược không dùng điện)	1
(C) Dụng cụ uốn điện	1
(D) Dụng cụ uốn không dùng điện (ít nhất hai kích cỡ)	3
(E) Lò sấy (dành cho dụng cụ uốn không dùng điện)	1
(9) Ghế cắt tóc hoặc ghế tạo kiểu tóc	15
b) Các thiết bị tối thiểu mà một trường dạy làm tóc phải có như sau:	
(1) Ma-nơ-canh, với đầy đủ đầu tóc	7
(2) Đồng hồ hoặc máy quét thời gian	1
(3) Chậu gội đầu	3
(4) Máy sấy	4
(5) Ghế cắt tóc hoặc ghế tạo kiểu tóc	8
(6) Dụng cụ uốn điện	1
(7) Lược không dùng điện	1
(8) Dụng cụ uốn không dùng điện (ít nhất hai kích cỡ)	2
(9) Lò sấy (dành cho lược không dùng điện)	1
(10) Máy hấp khăn	1
c) Các thiết bị tối thiểu mà một trường dạy điện phân phải có như sau:	
(1) Đồng hồ hoặc máy quét thời gian	1
(2) Bồn rửa tay	2
(3) Bàn dịch vụ	3
(4) Máy tẩy lông điện phân:	
(A) Máy nhiệt phân cao tần	2
(B) Máy tẩy lông kết hợp	2
(C) Kim nhiều mũi	1
(5) Đèn lúp/kính lúp cầm tay/kính lúp ống nhòm giúp phóng to	3
(6) Ghế đầu có thể điều chỉnh chiều cao	3
(7) Kệ đựng dụng cụ	3
(8) Hộp chứa vật sắc nhọn	1/bàn
(9) Máy tiệt trùng nhiệt khô	1
(10) Máy hấp tiệt trùng	1

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
 Tham chiếu: Mục 7362.1, 7362.2 và 7362.3 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.



941. Phê duyệt cho Trường

(a) Để được hội đồng phê duyệt, một trường sau trung học tư thực phải đệ trình lên hội đồng một yêu cầu phê duyệt trong đó bao gồm các yếu tố sau:

(1) Một văn bản, do chủ sở hữu hoặc các chủ sở hữu của trường ký tên và cam kết chịu phạt nếu khai man, tuyên bố rằng trường sẽ cung cấp một khóa hướng dẫn được hội đồng phê duyệt và, đối với các trường thẩm mỹ, tất cả các yêu cầu của mục 7362.1 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp liên quan đến việc phê duyệt của trường đều đã được đáp ứng.

(2) Một bản sao Giấy chứng nhận Phê duyệt Tổ chức hợp lệ, hiện hành do Cục Giáo dục Sau Trung học Tư thực và Dạy nghề cấp cho trường.

(b) Trong vòng mười ngày làm việc sau khi nhận được yêu cầu phê duyệt như quy định trong tiểu khoản (a), hội đồng sẽ thông báo bằng văn bản cho trường về việc phê duyệt đã được chấp thuận hay yêu cầu phê duyệt đó vẫn còn thiếu và cần thông tin cụ thể gì để hoàn tất yêu cầu phê duyệt.

(c) Các điều khoản trong tiểu khoản (a) phải được đáp ứng đối với tất cả các trường mới và các trường đã thay đổi quyền chủ sở hữu hoặc địa chỉ.

(d) Nếu một trường được phê duyệt không còn đáp ứng được các yêu cầu của mục 7362 hoặc 7362.1 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp, trường đó phải thông báo cho hội đồng bằng văn bản trong vòng bảy ngày dương lịch về điều khoản nào mà trường không đáp ứng được.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

Tham chiếu: Mục 7362 và 7362.1 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

Điều 7. Giáo dục Thường xuyên

950.1. Chương trình Giảng dạy dành cho Khóa học Làm tóc

(a) Chương trình giảng dạy dành cho học viên ghi danh vào một khóa học làm tóc sẽ bao gồm một ngàn năm trăm (1500) giờ hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo thực hành bao gồm tất cả các hoạt động của một chuyên viên làm tóc chiếu theo Mục 7316 Đạo luật Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ.

(b) Theo mục đích của mục này, hướng dẫn kỹ thuật nghĩa là hướng dẫn bằng cách minh họa, thuyết giảng, tham gia lớp học hoặc thi cử; hoạt động thực hành nghĩa là học viên thực hiện thực tế một dịch vụ hoàn chỉnh trên một người khác hoặc trên một ma-nơ-canh. Đào tạo thực hành nghĩa là thời gian cần thiết để thực hiện một hoạt động thực hành.

Hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo thực hành sẽ bao gồm những giờ sau:

(1) 1100 Giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và Đào tạo Thực hành về Tạo mẫu làm tóc

Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Tạo mẫu làm tóc phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:



Tạo kiểu tóc (65 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 240 Hoạt động Thực hành):
 Môn học về Tạo kiểu tóc sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau: Phân tích tóc, gội đầu, tạo lọn tóc bằng ngón tay, uốn bằng ghim kẹp, chải ra, duỗi thẳng, uốn, làm xoăn với lược nóng và dụng cụ uốn nóng, tạo kiểu bằng máy sấy.

Uốn Vĩnh viễn và Duỗi thẳng bằng Hóa chất (40 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 105 Hoạt động Thực hành):
 Môn học về Uốn Vĩnh viễn và Duỗi thẳng bằng Hóa chất sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau: Phân tích tóc, uốn vĩnh viễn bằng axit và kiềm, duỗi thẳng bằng hóa chất bao gồm cả việc sử dụng sodium hydroxide và các dung dịch ba-zơ khác.

Nhuộm màu và Tẩy tóc (60 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 50 Hoạt động Thực hành):
 Môn học về Nhuộm màu và Tẩy tóc sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau (bao gồm cả việc sử dụng màu bán vĩnh viễn, bán tạm thời và tạm thời): Phân tích tóc, kiểm tra dị ứng da và sợi tóc, các biện pháp an toàn, pha trộn công thức, nhuộm màu nhẹ, tẩy tóc, nhuộm highlight và lowlight, và sử dụng các chất tẩy màu nhuộm.

Cắt tóc (20 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 80 Hoạt động Thực hành):
 Môn học về Cắt tóc sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau: Sử dụng kéo, dao cạo (máy cạo), tông đơ cắt/xén bằng điện, và kéo lớn mỏng (thon) để cắt ướt và khô.

(2) 200 Giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và Đào tạo Thực hành về Cạo râu tóc
 Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Cạo râu tóc phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Chuẩn bị và Thực hiện (100 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 40 Hoạt động Thực hành)
 Môn học về Chuẩn bị và Thực hiện sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn các kỹ thuật và thủ tục sau: Chuẩn bị râu tóc của khách hàng cho việc cạo, đánh giá tình trạng da của khách, thực hiện các kỹ thuật cạo, thoa thuốc sát trùng sau khi cạo tiếp theo dịch vụ làm mặt, mát-xa mặt của khách hàng và lăn kem mát-xa.

(3) 200 Giờ Hướng dẫn Kỹ thuật về Sức khỏe và An toàn
 Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Sức khỏe và An toàn phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:



Luật lệ và Quy định (20 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Các môn học về Luật lệ và Quy định sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các vấn đề sau: Đạo luật Nghề Làm tóc và Thẩm Mỹ, Các Luật lệ và Quy định của Hội đồng.

Cân nhắc về Sức khỏe và An toàn (45 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Sức khỏe và An toàn/ các chất độc hại bao gồm việc đào tạo về các hóa chất và y tế trong các cơ sở, các bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất, cách bảo vệ khỏi các hóa chất độc hại và phòng chống thương tổn do hóa chất, luật lệ và các cơ quan về y tế và an toàn, vi khuẩn học và ngăn ngừa các bệnh truyền nhiễm bao gồm HIV/AIDS và viêm gan B.

Khử trùng và Vệ sinh (20 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Môn học về Khử trùng và Vệ sinh sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau: Khử trùng và vệ sinh bao gồm các thủ tục thích hợp để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng cũng như các kỹ thuật viên, các thủ tục khử trùng thích hợp cho các thiết bị sử dụng trong cơ sở.

Việc khử trùng phải được nhấn mạnh trong suốt thời gian đào tạo và phải được thực hiện trước khi sử dụng bất kỳ các dụng cụ và thiết bị nào.

Giải phẫu và Sinh lý học (15 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Các môn học về Giải phẫu và Sinh lý học sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các vấn đề sau: Giải phẫu Người, Sinh lý Người.

(c) Hội đồng khuyến nghị các trường học nên cung cấp nội dung đào tạo trong lĩnh vực kỹ năng giao tiếp bao gồm đạo đức nghề nghiệp, nghệ thuật bán hàng, lưu giữ hồ sơ khách hàng, lễ nghi, thông tin thuế cơ bản liên quan đến người thuê buồng, người làm việc độc lập, nhân viên và người sử dụng lao động.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7362(b) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7316, 7321.5(d)(1), 7362.5(a) và 7389 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

950.2. Chương trình Giảng dạy Dành cho Khóa học Thẩm mỹ

(a) Chương trình giảng dạy dành cho học viên ghi danh vào một khóa học thẩm mỹ phải bao gồm một ngàn sáu trăm (1600) giờ hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo thực hành bao gồm tất cả hoạt động hình thành nên nghề thẩm mỹ chiếu theo Mục 7316 Đạo luật Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ.

(b) Theo mục đích của mục này, hướng dẫn kỹ thuật nghĩa là hướng dẫn bằng cách minh họa, thuyết giảng, tham gia lớp học hoặc thi cử; hoạt động thực hành nghĩa là học viên thực hiện thực tế một dịch vụ hoàn chỉnh trên



một người khác hoặc trên một ma-nơ-canh. Đào tạo thực hành nghĩa là thời gian cần thiết để thực hiện một hoạt động thực hành. Hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo thực hành sẽ bao gồm những giờ và/hoặc các hoạt động sau:

(1) 1.100 Giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và Đào tạo Thực hành về Tạo mẫu làm tóc

Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Tạo mẫu làm tóc phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Tạo kiểu tóc (65 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 240 Hoạt động Thực hành)
Môn học về Tạo kiểu tóc sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau: Phân tích tóc, gội đầu, tạo lọn tóc bằng ngón tay, uốn bằng ghim kẹp, chải ra, duỗi thẳng, uốn, làm xoăn với lược nóng và dụng cụ uốn nóng, tạo kiểu bằng máy sấy.

Uốn Vĩnh viễn và Duỗi thẳng bằng Hóa chất (40 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 105 Hoạt động thực hành):
Môn học về Uốn Vĩnh viễn và Duỗi thẳng bằng Hóa chất sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau: Phân tích tóc, uốn vĩnh viễn bằng axit và kiềm, duỗi thẳng bằng hóa chất bao gồm cả việc sử dụng sodium hydroxide và các dung dịch ba-zơ khác.

Nhuộm màu và Tẩy tóc (60 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 50 Hoạt động Thực hành):

Môn học về Nhuộm màu và Tẩy tóc sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau (bao gồm cả việc sử dụng màu bán vĩnh viễn, bán tạm thời và tạm thời): Phân tích tóc, kiểm tra dị ứng da và sợi tóc, các biện pháp an toàn, pha trộn công thức, nhuộm màu nhẹ, tẩy tóc, nhuộm highlight và lowlight, và sử dụng các chất tẩy nhuộm.

Cắt tóc (20 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 80 Hoạt động Thực hành):

Môn học về Cắt tóc sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau: Sử dụng kéo, dao cạo (máy cạo), tông đơ cắt/xén bằng điện, và kéo lớn mỏng (thon) để cắt ướm và khô.

(2) 200 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật về Sức khỏe và An toàn

Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Sức khỏe và An toàn phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Luật lệ và Quy định (20 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Các môn học về Luật lệ và Quy định sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các vấn đề sau: Đạo luật Nghề Làm tóc và Thẩm Mỹ, Các Luật lệ và Quy định của Hội đồng.



Cần nhắc về Sức khỏe và An toàn (45 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Môn học về Sức khỏe và An toàn sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau: Hóa học thẩm mỹ bao gồm thành phần hóa học và mục đích của các chế phẩm mỹ phẩm chăm sóc móng, tóc và da. Trang điểm bằng hóa chất cơ bản, lột da bằng hóa chất và các thay đổi hóa học và vật lý của vật chất.

Các chất độc hại bao gồm việc đào tạo về các hóa chất và y tế trong các cơ sở, cách bảo vệ khỏi các hóa chất độc hại và phòng chống thương tổn do hóa chất, công thái học, lý thuyết về điện trong thẩm mỹ, vi khuẩn học, các bệnh truyền nhiễm bao gồm HIV/AIDS, viêm gan B và khuẩn tụ cầu, các Bảng Chỉ dẫn An toàn Hóa chất.

Khử trùng và Vệ sinh (20 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Môn học về Khử trùng và Vệ sinh sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau: Khử trùng và vệ sinh bao gồm các thủ tục thích hợp để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng cũng như các kỹ thuật viên. Các thủ tục khử trùng thích hợp cho các thiết bị sử dụng trong cơ sở.

Việc khử trùng phải được nhấn mạnh trong suốt thời gian đào tạo và phải được thực hiện trước khi sử dụng bất kỳ các dụng cụ và thiết bị nào.

Giải phẫu và Sinh lý học (15 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Các môn học về Giải phẫu và Sinh lý học sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các vấn đề sau: Giải phẫu Người, Sinh lý Người.

(3) 200 Giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và Đào tạo Thực hành về Thẩm mỹ

Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Thẩm mỹ phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Chăm sóc mặt bằng Tay, Điện, Hóa chất (25 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 40 Hoạt động Thực hành):

Môn học về chăm sóc mặt bằng tay, điện và hóa chất sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau: Chăm sóc mặt bằng Tay bao gồm việc làm sạch, các thao tác khoa học, ủ, và đắp mặt nạ. Chăm sóc mặt bằng Điện bao gồm việc sử dụng các phương thức bằng điện, đèn chiếu cho da và dụng cụ điện cho mục đích làm mặt và chăm sóc da; tuy nhiên, các máy móc có khả năng tạo ra dòng điện sẽ không được sử dụng để kích thích làm săn, hoặc cho các mục đích làm săn các cơ bắp của cơ thể hoặc khuôn mặt. Chăm sóc mặt bằng Hóa chất bao gồm lột da bằng hóa chất, ủ, đắp mặt nạ và tẩy tế bào chết. Việc đào tạo phải nhấn mạnh rằng chỉ có các lớp phi sinh trên cùng của



da mặt, hay còn được gọi là biểu bì, mới được tẩy bỏ, và chỉ với mục đích làm đẹp. Tất cả các hoạt động thực hành phải được thực hiện theo Mục 992 về lột da.

Làm đẹp Lông mày và Trang điểm (25 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 30 Hoạt động Thực hành):

Môn học về Làm đẹp Lông mày sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, những vấn đề sau đây: Tỉa Lông mày và Tẩy Lông, bao gồm cả việc sử dụng sáp, nhíp, bằng điện hoặc bằng tay, và thuốc rụng lông để loại bỏ lông tóc thừa.

Môn học về Trang điểm sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các vấn đề sau: phân tích da, trang điểm toàn bộ và chỉnh sửa, gắn lông mi giả và nhuộm lông mi và lông mày, nếu một sản phẩm lưu hành mà không bị phản đối hoặc ngăn cấm bởi Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ, Cục quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp, hoặc Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ.

(4) 100 Giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và Đào tạo Thực hành về Chăm sóc Móng tay và Chăm sóc Móng chân

Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Chăm sóc Móng tay và Chăm sóc Móng chân phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Chăm sóc Móng tay và Chăm sóc Móng chân (10 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 25 Hoạt động Thực hành):

Môn học về Chăm sóc Móng tay và Chăm sóc Móng chân sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các vấn đề sau: Làm móng với nước và dầu, bao gồm phân tích móng, mát-xa bàn tay/bàn chân và cánh tay/cổ chân.

Móng giả và Đắp móng (25 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 120 (Hoạt động Thực hành) (trên móng)

Móng giả bao gồm acrylic, quét cọ dung dịch và bột, dán móng giả, đắp móng và sửa móng.

(c) Hội đồng khuyến nghị các trường học nên cung cấp nội dung đào tạo trong lĩnh vực kỹ năng giao tiếp bao gồm đạo đức nghề nghiệp, nghệ thuật bán hàng, lễ nghi, lưu giữ hồ sơ, và các ghi chép về dịch vụ khách hàng.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, 7362 và 7362.1(c) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7316(b), 7321(d)(1), 7362, 7362.5(b) và 7389 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.



950.3. Chương trình Giảng dạy Dành cho Khóa học Chăm sóc Da

(a) Chương trình giảng dạy dành cho học viên ghi danh vào một khóa học chăm sóc da phải bao gồm sáu trăm (600) giờ hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo thực hành bao gồm tất cả hoạt động của một chuyên viên chăm sóc da chiếu theo Mục 7316 Đạo luật Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ.

(b) Theo mục đích của mục này, hướng dẫn kỹ thuật nghĩa là hướng dẫn bằng cách minh họa, thuyết giảng, tham gia lớp học hoặc thi cử; hoạt động thực hành nghĩa là học viên thực hiện thực tế một dịch vụ hoàn chỉnh trên một người khác hoặc trên một ma-nơ-canh. Đào tạo thực hành nghĩa là thời gian cần thiết để thực hiện một hoạt động thực hành.

Hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo thực hành sẽ bao gồm những giờ sau:

(1) 350 Giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và Đào tạo Thực hành về Chăm sóc mặt

Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Chăm sóc mặt phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Chăm sóc mặt bằng Tay, Điện, Hóa chất (70 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 140 Hoạt động Thực hành):

Môn học về chăm sóc mặt bằng tay, điện và hóa chất sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau: Chăm sóc mặt bằng Tay bao gồm việc làm sạch, các thao tác khoa học, ủ, và đắp mặt nạ. Chăm sóc mặt bằng Điện bao gồm việc sử dụng các phương thức bằng điện, đèn chiếu cho da và dụng cụ điện cho mục đích làm mặt và chăm sóc da; tuy nhiên, các máy móc có khả năng tạo ra dòng điện sẽ không được sử dụng để kích thích làm săn, hoặc cho các mục đích làm săn các cơ bắp của cơ thể hoặc khuôn mặt. Chăm sóc mặt bằng Hóa chất bao gồm lột da bằng hóa chất, ủ, đắp mặt nạ và tẩy tế bào chết. Việc đào tạo phải nhấn mạnh rằng chỉ có các lớp phi sinh trên cùng của da mặt, hay còn được gọi là biểu bì, mới được tẩy bỏ, và chỉ với mục đích làm đẹp. Tất cả các hoạt động thực hành phải được thực hiện theo Mục 992 về lột da.

Chuẩn bị (15 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Môn học về Chuẩn bị phải bao gồm, nhưng không giới hạn, các vấn đề sau: Tư vấn khách hàng, thủ tục tiếp nhận, chống chỉ định, tác phong chuyên môn, lưu giữ hồ sơ khách hàng, chăm sóc trước và sau phẫu thuật, CPR/AED, các kỹ năng thẩm mỹ viện và spa.

(2) 200 Giờ Hướng dẫn Kỹ thuật về Sức khỏe và An toàn

Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Sức khỏe và An toàn phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối



thiếu đối với từng nội dung môn học như sau:

Luật lệ và Quy định (10 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Môn học về Luật lệ và Quy định sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các vấn đề sau: Đạo luật Nghề Làm tóc và Thẩm Mỹ, Các Luật lệ và Quy định của Hội đồng.

Cân nhắc về Sức khỏe và An toàn (40 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Môn học về Sức khỏe và An toàn sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau: Đào tạo về các hóa chất và y tế trong các cơ sở, các bằng chỉ dẫn an toàn hóa chất, cách bảo vệ khỏi các hóa chất độc hại và phòng chống thương tổn do hóa chất, luật lệ và các cơ quan về y tế và an toàn, các bệnh truyền nhiễm bao gồm HIV/AIDS và viêm gan B. Thành phần hóa học và mục đích của mỹ phẩm và các chế phẩm chăm sóc da. Trang điểm bằng hóa chất cơ bản, lột da bằng hóa chất, các thay đổi vật lý và hóa học của vật chất. Dòng điện, nguyên tắc hoạt động của các thiết bị điện, và các biện pháp phòng ngừa an toàn khác nhau áp dụng khi vận hành các thiết bị điện.

Khử trùng và Vệ sinh (10 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Môn học về Khử trùng và Vệ sinh sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau: Các thủ tục nhằm bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng cũng như các kỹ thuật viên. Các thủ tục khử trùng thích hợp cho các thiết bị sử dụng trong cơ sở.

Việc khử trùng phải được nhấn mạnh trong suốt thời gian đào tạo và phải được thực hiện trước khi sử dụng bất kỳ các dụng cụ và thiết bị nào.

Giải phẫu và Sinh lý học (15 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Môn học về Giải phẫu và Sinh lý học sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các vấn đề sau: Giải phẫu Người, Sinh lý Người, Vi khuẩn học, phân tích và xác định tình trạng da.

(3) 50 Giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và Đào tạo Thực hành về Tẩy lông và Trang điểm

Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Tẩy lông và Trang điểm phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Làm đẹp Lông mày (25 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 50 Hoạt động Thực hành)

Môn học về Làm đẹp Lông mày sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các vấn đề sau: Các kỹ thuật tạo hình lông mày và tẩy lông, phân tích lông tóc, tẩy lông bằng sáp, nhíp, tẩy lông bằng tay hoặc bằng điện.



Trang điểm (20 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 40 Hoạt động Thực hành)
Môn học về Trang điểm sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các vấn đề sau: Phân tích da, trang điểm cơ bản và chỉnh sửa, gắn lông mi giả.

(c) Hội đồng khuyến nghị các trường học nên cung cấp khóa đào tạo trong lĩnh vực kỹ năng giao tiếp bao gồm đạo đức nghề nghiệp, nghệ thuật bán hàng, lễ nghi, lưu giữ hồ sơ, các ghi chép về dịch vụ khách hàng, thông tin thuế cơ bản liên quan đến người thuê buồng, người làm việc độc lập, nhân viên và người sử dụng lao động.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, 7362 và 7364 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7316(c)(1), 7324(d)(1), 7362, 7364 và 7389 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

950.4. Chương trình Giảng dạy Dành cho Khóa học Chăm sóc Móng

(a) Chương trình giảng dạy dành cho học viên ghi danh vào một khóa học chăm sóc móng sẽ bao gồm tối thiểu bốn trăm (400) giờ hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo thực hành bao gồm tất cả các hoạt động của một chuyên viên chăm sóc móng chiếu theo Mục 7316 Đạo luật Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ.

(b) Theo mục đích của mục này, hướng dẫn kỹ thuật nghĩa là hướng dẫn bằng cách minh họa, thuyết giảng, tham gia lớp học hoặc thi cử; hoạt động thực hành nghĩa là học viên thực hiện thực tế một dịch vụ hoàn chỉnh trên một người khác hoặc trên một ma-nơ-canh. Đào tạo thực hành nghĩa là thời gian cần thiết để thực hiện một hoạt động thực hành.

Hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo thực hành sẽ bao gồm những giờ sau:

(1) 300 Giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và Đào tạo Thực hành về Chăm sóc Móng

Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Chăm sóc Móng phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Chăm sóc Móng tay và Chăm sóc Móng chân (60 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật, 60 Hoạt động Thực hành và 180 móng):

Môn học về Chăm sóc Móng tay và Chăm sóc Móng chân sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau: Chăm sóc tay với nước và dầu bao gồm mát-xa bàn tay và cánh tay, chăm sóc chân toàn diện bao gồm mát-xa bàn chân và cổ chân, gắn móng giả bao gồm quét cọ dung dịch, keo và bột, dán móng, đắp móng và sửa móng, phân tích móng.

(2) 100 Giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và Đào tạo Thực hành về Sức khỏe và An toàn



Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Sức khỏe và An toàn phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Các Luật lệ và Quy định (10 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Môn học về Luật lệ và Quy định sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các vấn đề sau: Đạo luật Nghề Làm tóc và Thẩm Mỹ, Các Luật lệ và Quy định của Hội đồng.

Các Cân nhắc về Sức khỏe và An toàn (25 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Môn học về Sức khỏe và An toàn sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau: Hóa học liên quan đến các hoạt động của một chuyên viên làm móng bao gồm thành phần hóa học và mục đích của việc chuẩn bị chăm sóc móng. Sức khỏe và An toàn/ Các chất Độc hại bao gồm việc đào tạo về các hóa chất và y tế trong các cơ sở, các bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất, cách bảo vệ khỏi các hóa chất độc hại và phòng chống thương tổn do hóa chất, luật lệ và các cơ quan về y tế và an toàn, công thái học, và các bệnh truyền nhiễm bao gồm HIV/AIDS và viêm gan B.

Khử trùng và Vệ sinh (20 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 10 Hoạt động Thực hành)

Môn học về Khử trùng và Vệ sinh sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các kỹ thuật và thủ tục sau: Các thủ tục để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng cũng như các kỹ thuật viên. Mười hoạt động tối thiểu bắt buộc phải thực hiện tất cả các chức năng cần thiết để khử trùng các dụng cụ và thiết bị theo quy định trong các Mục 979 và 980. Việc khử trùng phải được nhấn mạnh trong suốt thời gian đào tạo và phải được thực hiện trước khi sử dụng bất kỳ các dụng cụ và thiết bị nào, và chú ý đặc biệt đến các thủ tục khử trùng bồn ngâm chân và chậu trong chăm sóc chân như mô tả chi tiết trong các Mục 980.1, 980.2 và 980.3.

Vi khuẩn học, Giải phẫu và Sinh lý học (10 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Các môn học về Giải phẫu và Sinh lý học sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các vấn đề sau đây: Vi khuẩn học, giải phẫu, sinh lý học, phân tích và kiểm tra tình trạng móng.

(c) Hội đồng khuyến nghị các trường học nên cung cấp nội dung đào tạo trong lĩnh vực kỹ năng giao tiếp bao gồm đạo đức nghề nghiệp, nghệ thuật bán hàng, lễ nghi, lưu giữ hồ sơ, thẻ ghi chép dịch vụ khách hàng, trách nhiệm thuế cơ bản liên quan đến người làm việc độc lập, người thuê buổi, nhân viên và người sử dụng lao động.



Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, 7362 và 7365 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7316(c)(2), 7326(d)(1), 7362, 7365 và 7389 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

950.5. Chương trình Giảng dạy Dành cho Khóa học Điện phân

(a) Chương trình giảng dạy dành cho học viên ghi danh vào một khóa học điện phân phải bao gồm sáu trăm (600) giờ hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo thực hành bao gồm tất cả hoạt động hình thành nên nghề điện phân chiếu theo Mục 7316 Đạo luật Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ.

(b) Theo mục đích của mục này, hướng dẫn kỹ thuật nghĩa là hướng dẫn bằng cách minh họa, thuyết giảng, tham gia lớp học hoặc thi cử; hoạt động thực hành nghĩa là học viên thực hiện thực tế một dịch vụ hoàn chỉnh trên một người khác. Đào tạo thực hành nghĩa là thời gian cần thiết để thực hiện một hoạt động thực hành. Hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo thực hành sẽ bao gồm những giờ sau:

(1) 400 Giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và Đào tạo Thực hành về Điện phân, Nhiệt phân, Phương thức Kết hợp/Lưỡng kép và Điện
Các môn học hướng dẫn bắt buộc về điện phân, nhiệt phân, phương thức kết hợp/lưỡng kép và điện phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Điện phân (45 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 60 Hoạt động Thực hành)
Môn học về Điện phân sẽ bao gồm các nghiên cứu về triệt lông sử dụng các kỹ thuật chèn đơn và đa kim, sử dụng dòng galvanic, phản ứng da, điện di anot và điện chuyển, đánh giá bệnh sử của khách hàng đối với khả năng tương thích với các phương pháp điều trị điện phân.

Nhiệt phân (45 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 60 Hoạt động Thực hành)
Môn học về Nhiệt phân sẽ bao gồm các nghiên cứu về triệt lông sử dụng thiết bị nhiệt phân tự động và bằng tay, các kỹ thuật chèn, sử dụng dòng cao tần trong cả hai cường độ cao và thấp, phản ứng da, và đánh giá bệnh sử của khách hàng đối với khả năng tương thích với các phương pháp điều trị nhiệt phân.

Phương thức Kết hợp/Lưỡng kép (45 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật và 60 Hoạt động Thực hành)

Môn học về Phương thức Kết hợp/Lưỡng kép sẽ bao gồm các nghiên cứu về triệt lông sử dụng kết hợp dòng cao tần và dòng galvanic, các kỹ thuật chèn, phản ứng da, điện di anot và điện chuyển, đánh giá bệnh sử của khách hàng đối với khả năng tương thích với các phương pháp điều trị Kết hợp/Lưỡng kép.



Điện (15 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Môn học về Điện sẽ bao gồm bản chất của dòng điện; nguyên tắc hoạt động của các thiết bị điện; các biện pháp phòng ngừa an toàn khác nhau áp dụng khi vận hành các thiết bị điện, và bảo trì đúng cách các thiết bị.

(2) 200 Giờ Hướng dẫn Kỹ thuật về Sức khỏe và An toàn

Các môn học hướng dẫn bắt buộc về Sức khỏe và An toàn phải được hoàn thành với số giờ hướng dẫn kỹ thuật và hoạt động thực hành tối thiểu đối với từng nội dung môn học như sau:

Luật lệ và Quy định (20 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Môn học về Luật lệ và Quy định sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, các vấn đề sau: Đạo luật Nghề Làm tóc và Thẩm Mỹ, Các Luật lệ và Quy định của Hội đồng.

Cân nhắc về Sức khỏe và An toàn (45 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Môn học về Sức khỏe và An toàn sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, vi khuẩn học, HIV/AIDS, viêm gan, herpes, nhiễm trùng tụ cầu khuẩn và các bệnh truyền nhiễm khác cùng biện pháp ngăn ngừa, công thái học, an toàn điện, và các bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất.

Tiệt trùng (20 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Môn học về Tiết trùng sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, việc nghiên cứu các thủ tục và kỹ thuật thích hợp để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng cũng như các kỹ thuật viên, và vệ sinh thiết bị được sử dụng trong các cơ sở.

Việc khử trùng và vệ sinh phải được nhấn mạnh trong suốt thời gian đào tạo và phải được thực hiện trên tất cả các dụng cụ và thiết bị trước khi sử dụng. Thời gian và ngày giờ khử trùng phải được theo dõi và ghi chép.

Giải phẫu và Sinh lý học (20 giờ Hướng dẫn Kỹ thuật)

Các môn học về Giải phẫu và Sinh lý học sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, giải phẫu và sinh lý người, da liễu và phân tích da và tóc, nghiên cứu về các hệ thống tuần hoàn, thần kinh và nội tiết.

(c) Hội đồng khuyến nghị các trường học nên cung cấp nội dung đào tạo trong lĩnh vực kỹ năng giao tiếp bao gồm đạo đức nghề nghiệp, tư vấn, chăm sóc trước và sau điều trị, nghệ thuật bán hàng, lễ nghi, lưu giữ hồ sơ, các ghi chép về dịch vụ khách hàng, kỹ năng kinh doanh và thông tin thuế cơ bản liên quan đến người làm việc độc lập, nhân viên và người sử dụng lao động.



Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7362 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7316(f), 7330(d)(1), 7362, 7366, và 7389 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

950.10. Chứng chỉ cho Giấy phép Đặc biệt và Chuyển đổi Đào tạo

(a) Một học viên chuyển từ một khóa học này sang một khóa học khác, hoặc một người có giấy phép đặc biệt (ví dụ, chuyên viên chăm sóc móng hoặc chuyên viên dưỡng da) đăng ký vào một khóa học chung (ví dụ: chuyên viên thẩm mỹ), sẽ nhận được chứng chỉ cho tổng số giờ đã hoàn thành và chứng chỉ cũng như số giờ hướng dẫn kỹ thuật tối thiểu và hoạt động thực hành tối thiểu cần thiết còn lại trong mỗi môn học áp dụng như sau:

(1) Chứng chỉ Tổng số Giờ học.

(A) Khóa học chuyên viên thẩm mỹ sang khóa học chuyên viên chăm sóc da. Một học viên chuyển từ khóa học chuyên viên thẩm mỹ sang khóa học chuyên viên chăm sóc da sẽ nhận được một chứng chỉ gồm 35 phần trăm tổng số giờ học tích lũy được khi tham gia vào khóa học chuyên viên thẩm mỹ.

(B) Khóa học chuyên viên thẩm mỹ sang khóa học chuyên viên chăm sóc móng. Một học viên chuyển từ khóa học chuyên viên thẩm mỹ sang khóa học chuyên viên chăm sóc móng sẽ nhận được một chứng chỉ gồm 20 phần trăm tổng số giờ học tích lũy được khi tham gia vào khóa học chuyên viên thẩm mỹ.

(C) Khóa học chuyên viên chăm sóc da sang khóa học chuyên viên thẩm mỹ. Một học viên chuyển từ khóa học chuyên viên chăm sóc da sang khóa học chuyên viên thẩm mỹ sẽ nhận được một chứng chỉ gồm 65 phần trăm tổng số giờ học tích lũy được khi tham gia vào khóa học chuyên viên chăm sóc da. Một người có giấy phép chuyên viên chăm sóc da đăng ký vào khóa học chuyên viên thẩm mỹ sẽ nhận được một chứng chỉ gồm 65 phần trăm tổng số giờ học cần thiết đối với khóa học chuyên viên chăm sóc da.

(D) Khóa học chuyên viên chăm sóc móng sang khóa học chuyên viên thẩm mỹ. Một học viên chuyển từ khóa học chuyên viên chăm sóc móng sang khóa học chuyên viên thẩm mỹ sẽ nhận được một chứng chỉ gồm 70 phần trăm tổng số giờ học tích lũy được khi tham gia vào khóa học chuyên viên chăm sóc móng. Một người có giấy phép chuyên viên chăm sóc móng đăng ký vào khóa học chuyên viên thẩm mỹ sẽ nhận được một chứng chỉ gồm 70 phần trăm tổng số giờ học cần thiết đối với khóa học chuyên viên chăm sóc móng.

(2) Chứng chỉ và số dư cho số giờ hướng dẫn kỹ thuật tối thiểu và hoạt động thực hành tối thiểu được yêu cầu. Một học viên chuyển từ một khóa học này sang một khóa học khác, hoặc một người có giấy phép đặc biệt đăng ký vào một khóa học chung, sẽ nhận được một chứng chỉ và số giờ hướng dẫn kỹ thuật tối thiểu và hoạt động thực hành tối thiểu được yêu



cầu bằng cách trừ đi số giờ và số hoạt động tích lũy được của học viên hoặc người có giấy phép đó khi đăng ký vào khóa học trước đó từ số giờ hướng dẫn kỹ thuật tối thiểu và số hoạt động thực hành tối thiểu được yêu cầu cho khóa học mới trong mỗi môn học áp dụng. Nếu học viên đã tích lũy số giờ hoặc số hoạt động trong khóa học trước nhiều hơn yêu cầu trong một môn học cụ thể của khóa học mới, thì số giờ và hoạt động được yêu cầu của học viên đó trong môn đó sẽ bằng không.

(b) Chúng chỉ cho một khóa học đặc biệt sẽ không được cấp cho một học viên trong khóa học chuyên viên thẩm mỹ cho tới khi việc hoàn tất số giờ hướng dẫn và đào tạo tại một trường thẩm mỹ mà, khi được cộng thêm vào số giờ học viên đã được phép hưởng cho khóa học đặc biệt, sẽ bằng với số giờ tối thiểu được yêu cầu để hoàn tất khóa học chuyên viên thẩm mỹ.

(c) Có hiệu lực tới ngày 01 tháng 01 năm 2009, việc đào tạo mà một người học nghề nhận được có thể được tính cho một khóa đào tạo tại một trường. Số giờ tối đa có thể được chuyển đổi từ một chương trình học nghề sang một khóa đào tạo tại một trường sẽ không vượt quá 800 giờ như đã được xác định hợp lý bởi trường nơi học viên sắp chuyển đến và sẽ không vượt quá 50% chúng chỉ cho mỗi giờ tích lũy được với tư cách một người học nghề. Sau ngày 01 tháng 01 năm 2009, việc đào tạo mà người học nghề nhận được sẽ không được tính cho một khóa đào tạo tại một trường.

(d) Việc đào tạo nhận được tại một trường sẽ không được tính cho việc đào tạo trong một chương trình học nghề.

*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7367 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*

950.12. Làm việc cho Khách hàng có Trả công

(a) Một học viên đã đăng ký tại một trường sẽ không được phép làm dịch vụ cho một khách hàng trả công cho đến khi học viên đó đã hoàn thành giai đoạn mới bắt đầu của việc đào tạo và hướng dẫn. Giai đoạn mới bắt đầu sẽ chiếm 10 phần trăm trên tổng số giờ đào tạo được quy định cho mỗi khóa.

(b) Một học viên đã đăng ký tại một trường sẽ không được phép làm dịch vụ cho một khách hàng trả công cho đến khi học viên đó đã hoàn thành hướng dẫn kỹ thuật và đào tạo thực hành về dịch vụ mà khách hàng đó trả công cho.

(c) Theo mục đích của phần này, hướng dẫn kỹ thuật nghĩa là hướng dẫn bằng cách minh họa, thuyết giảng, tham gia lớp học hoặc thi cử; hoạt động thực hành nghĩa là học viên thực hiện thực tế một dịch vụ hoàn chỉnh trên một người khác hoặc trên một ma-nơ-canh.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7362 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7362 (b), 7362.5, 7364, 7365, và 7366 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.



961. Đào tạo Trực tuyến, Tài liệu và Sách tham khảo dành cho Học viên.

(a) Trong giảng dạy, những trường được phê duyệt phải sử dụng sách giáo khoa và tài liệu tham khảo do Các Hội đồng Thẩm mỹ Tiểu bang thuộc Hội đồng Liên bang Quốc gia (NIC) phê duyệt. Những trường đã được phê duyệt có thể sử dụng các tài liệu giảng dạy hoặc chương trình đào tạo trực tuyến khác thay cho sách giáo khoa, với điều kiện là những tài liệu đó đã được NIC phê duyệt.

(b) Mỗi học viên phải có các tài liệu sau đây:

(1) Ít nhất một (1) sách giáo khoa được NIC phê duyệt hoặc có quyền truy cập vào một chương trình trực tuyến được NIC phê duyệt.

(2) Đạo luật về Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ cùng với Các Luật lệ và Quy định của Hội đồng Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ.

(c) Phải có sẵn cho học viên sử dụng trong trường:

(1) Danh sách các sách giáo khoa và tài liệu tham khảo được NIC phê duyệt.

(2) Hai tài liệu bất kỳ đã được phê duyệt ngoài một tài liệu hoặc quyền truy cập chương trình trực tuyến do học viên sở hữu. (Sẽ không áp dụng cho các trường dạy làm tóc nếu có ít hơn ba tài liệu được duyệt.)

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7362 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7362 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

Điều 8.5 Thực tập

962. Định nghĩa

(a) Theo các mục đích của Mục 7395.1 quy định trong tiểu khoản (c)(3) của Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp, thuật ngữ “tình trạng tốt” có nghĩa như sau:

(1) Người được cấp phép duy trì một giấy phép chuyên viên làm tóc, thẩm mỹ, chăm sóc da hoặc chăm sóc móng hợp lệ, hiện hành do Hội đồng Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ cấp.

(2) Không có hành động kỷ luật nào hiện hành hoặc đang chờ xét xử đối với giấy phép theo Điều 11 của Đạo luật Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ.

(3) Người được cấp phép không có khoản phạt nào chưa trả chiếu theo Điều 12 của Đạo luật Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ.

(b) Theo các mục đích của Mục 7395.1 quy định trong tiểu khoản (g)(3) của Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp, thuật ngữ “đào tạo thích hợp” có nghĩa là học viên thực tập đã hoàn thành 60% số hoạt động thực hành tối thiểu và số giờ hướng dẫn kỹ thuật tối thiểu cần thiết được nêu trong Mục 950.2-950.4 của khoản này.

(c) Theo các mục đích của Mục 7395.1 quy định trong tiểu khoản (g)(3) của Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp, thuật ngữ “điều trị bằng hóa chất” có nghĩa là bất kỳ sản phẩm hay thủ tục nào, bao gồm cả việc chuẩn bị và/



hoặc sử dụng sản phẩm, làm thay thế hoặc biến đổi cấu trúc phân tử của tóc, da hoặc móng thông qua việc điều trị bằng hóa chất. Các điều trị này có thể bao gồm, nhưng không giới hạn, những điều sau đây:

- (1) uốn vĩnh viễn
- (2) uốn vĩnh viễn nhẹ
- (3) duỗi thẳng bằng hóa chất
- (4) sodium hydroxide và các dung dịch ba-zơ khác
- (5) nhuộm và tẩy tóc (bán vĩnh viễn và vĩnh viễn)
- (6) các sản phẩm lột da bằng hóa chất
- (7) các sản phẩm tẩy lông
- (8) các sản phẩm nhuộm lông mi và lông mày

(d) Theo các mục đích của Mục 7395.1 tiểu khoản (g)(3) của Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp, thuật ngữ “giám sát trực tiếp và tức thời” có nghĩa là học viên thực tập có thể làm dịch vụ cho một khách hàng trả công, chỉ với tư cách hỗ trợ, khi có mặt một người có giấy phép được chỉ định giám sát quá trình công việc. Các công việc được thực hiện bởi học viên thực tập phải nằm trong phạm vi hành nghề của người có giấy phép được chỉ định giám sát học viên thực tập đó.

(e) Theo các mục đích của Mục 7395.1 tiểu khoản (g)(3) của Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp, thuật ngữ “được giám sát trực tiếp” có nghĩa là học viên thực tập không được sử dụng hoặc ứng dụng điều trị hóa chất trừ khi có mặt một người có giấy phép được chỉ định để giám sát quá trình công việc. Các công việc được thực hiện bởi học viên thực tập phải nằm trong phạm vi hành nghề của người có giấy phép được chỉ định giám sát học viên thực tập đó.

*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7395.1 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*

962.1. Thông báo Tham gia Chương trình Thực tập Thẩm mỹ

(a) Trách nhiệm của mỗi trường tham gia là phải đảm bảo rằng các cơ sở và những người được cấp phép tham gia chương trình thực tập thẩm mỹ vẫn duy trì được tình trạng tốt như được định nghĩa trong Mục 962. Bất kỳ thay đổi nào về trạng thái “tình trạng tốt” của một cơ sở hoặc người được cấp phép sẽ buộc cơ sở hoặc người được cấp phép đó phải rút khỏi chương trình.

(b) Các thông báo đến hội đồng của trường và cơ sở tham gia Chương trình Thực tập Thẩm mỹ phải được đệ trình lên hội đồng bằng văn bản. Thông báo về việc tham gia phải được cập nhật hàng năm để cho phép tham gia liên tục vào chương trình. Thông báo phải do trường chuẩn bị và phải bao gồm các thông tin sau:

- (1) Tên trường, địa chỉ, số điện thoại và mã trường do Hội đồng cấp.
- (2) Tên cơ sở, địa chỉ, số điện thoại và số giấy phép do Hội đồng cấp.
- (3) Tên chủ cơ sở



(4) Một tuyên bố, do trường và cơ sở ký tên và ghi rõ ngày tháng, đồng ý chịu hình phạt nếu khai man, rằng các thông tin trong hồ sơ là đúng và chính xác và rằng trường và cơ sở đã tuân thủ tất cả các yêu cầu của Điều này và Mục 7395.1 của Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tuyên bố này phải được ghi rõ như sau: “Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, sẽ chịu hình phạt nếu khai man theo luật pháp của tiểu bang California, xin chứng nhận rằng các thông tin đã nêu trên đây là đúng và chính xác. Chúng tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu của Điều 8.5, Khoản 9, Tiêu đề 16 của Bộ luật Quy chế Tiểu bang California và Mục 7395.1 của Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp”.

(5) Hồ sơ phải bao gồm tên và chức danh của cá nhân ký thay cho trường được in hoặc đánh máy rõ ràng.

*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7395.1 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*

962.2. Thẻ Nhận dạng Được Ép phiến của Trường

(a) Khi làm việc trong một cơ sở được phê duyệt, tất cả các học viên tham gia chương trình thực tập phải có thẻ nhận dạng có dán ảnh được ép phiến của trường.

(b) Thẻ nhận dạng có dán ảnh được ép phiến của trường phải có kích thước ít nhất là 2 1/2 “ x 3 1/2 “ và có chứa các thông tin sau: tên đầy đủ của học viên thực tập (họ, tên đệm, tên); một ảnh thẻ màu hiện tại chụp toàn khuôn mặt của thực tập sinh với kích thước ít nhất là 1 1/2 “ x 1 1/2 “, cụm từ “HỌC VIÊN THỰC TẬP” được đánh máy với cỡ chữ tối thiểu là 14; và tên của trường thẩm mỹ nơi học viên thực tập ghi danh.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp; và Mục 7395.1 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

Điều 9. Giấy phép

965. Trưng bày Giấy phép

(a) Tất cả các giấy phép của kỹ thuật viên đều phải được trưng bày ở dễ thấy tại nơi làm việc chính của họ.

(b) Tất cả các giấy phép của cơ sở phải được trưng bày ở nơi dễ thấy tại khu vực lễ tân.

(c) Không được trưng bày bất kỳ giấy phép nào đã hết hạn hoặc không còn hợp lệ dù với bất cứ lý do gì bởi bất kỳ người nào có liên quan đến các hành nghề như định nghĩa trong Mục 7316 của Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Bất kỳ giấy phép nào như thế được trưng bày đều phải nộp lại cho hội đồng theo yêu cầu.

*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7316, 7317, 7332, 7342, 7397, 7414, 7415, 7417, 7418, 7419 và 7420 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*



Điều 10. Thủ tục Kỹ luật

969. Ủy quyền Một số Chức năng

Quyền hành và sự tự quyết được luật pháp trao cho hội đồng trong việc tiếp nhận và đệ trình các cáo buộc; ban hành các thông báo điều trần, các tuyên bố tới bị đơn và tuyên bố về các vấn đề; tiếp nhận và đệ trình các thông báo về việc bào chữa; xác định thời gian và địa điểm điều trần theo Mục 11508 của Bộ luật Chính phủ; ban hành các trát gọi hầu tòa và trát đòi hồ sơ; lập và lên lịch các vụ việc cho điều trần và thực hiện các chức năng cần thiết khác cho việc phân bổ thiết thực công việc của hội đồng liên quan đến các thủ tục theo các điều khoản của Mục 11500 đến 11528 của Bộ luật Chính phủ, trước khi diễn ra phiên điều trần của các thủ tục đó; chứng nhận và chuyển phát hoặc gửi bưu điện bản sao các quyết định theo Mục 11518 của bộ luật nói trên được ủy quyền theo đây và trao quyền cho cán bộ điều hành, hoặc, khi vắng mặt cán bộ điều hành tại văn phòng hội đồng thì trao cho người thay mặt cán bộ điều hành.

*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7310 và 7403 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*

970. Tiêu chí Quan hệ Đáng kể

Cho mục đích từ chối, đình chỉ, hoặc thu hồi một giấy phép được ban hành theo Chương 10 của Khoản 3 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp chiếu theo Khoản 1.5 (bắt đầu từ Mục 475) của cùng bộ luật, một tội hoặc hành vi sẽ được xem là có liên quan đáng kể tới các phẩm chất, chức năng và nhiệm vụ của người được cấp phép nếu tới một mức độ đáng kể nó chứng tỏ sự không phù hợp hiện tại hoặc tiềm tàng của người được cấp phép để thực hiện các chức năng được cho phép của người đó theo một cách thức phù hợp với sức khỏe, sự an toàn và phúc lợi của công chúng. Các tội trạng hoặc hành vi sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, những việc liên quan đến các điều sau:

(a) Bất kỳ vi phạm nào đối với các điều khoản của Chương 10 Khoản 3 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

(b) Các hành vi phạm tội bao gồm nhưng không giới hạn, quấy rối tình dục, sử dụng hoặc buôn bán thuốc phiện hoặc ma túy, phạm tội trong quá trình hoặc có liên quan tới việc thực hiện các chức năng hoặc nhiệm vụ được ủy quyền bởi giấy phép đó.

*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 135, 163.5, Khoản 1.5 (Mục 475 và phần tiếp theo), 7321, 7321.5, 7324, 7326, 7330, 7333 và 7404 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*

971. Tiêu chí Phục hồi

(a) Khi xem xét từ chối người được cấp phép, chiếu theo mục 480 của Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp cho đơn xin đã được lập theo Chương 10,



Khoản 3 của Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp, hội đồng, trong đánh giá việc phục hồi của người nộp đơn và tư cách để được cấp giấy phép hiện tại của người đó, phải xem xét các tiêu chí sau:

(1) Tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi hoặc tội trạng đang xem xét như là cơ sở để từ chối.

(2) Bằng chứng của bất kỳ hành vi nào đã phạm phải tiếp theo sau hành vi hoặc tội trạng đang xem xét như là cơ sở để từ chối cũng có thể được xem là cơ sở để từ chối theo Mục 480 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

(3) Thời gian đã trôi qua kể từ lúc phạm phải hành vi hoặc tội trạng được đề cập đến trong tiểu khoản (1) hoặc (2).

(4) Mức độ mà người nộp đơn đã tuân thủ trong bất kỳ điều khoản cam kết, thử thách, bồi hoàn, hay bất kỳ hình phạt pháp lý nào khác được áp đặt đối với người nộp đơn.

(5) Bằng chứng, nếu có, của việc phục hồi do người nộp đơn đệ trình.

(b) Khi xem xét việc đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép của người nộp đơn, được ban hành theo Chương 10, Khoản 3 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp theo Mục 490 của cùng bộ luật, hội đồng, trong đánh giá việc phục hồi của người nộp đơn và tính đủ điều kiện được cấp giấy phép hiện tại của người đó, phải xem xét các tiêu chí sau:

(1) Tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi hoặc tội trạng.

(2) Tổng thể lý lịch tư pháp

(3) Thời gian đã trôi qua kể từ lúc phạm phải hành vi hoặc tội trạng.

(4) Người được cấp giấy phép có tuân thủ bất kỳ điều khoản cam kết, thử thách, bồi hoàn, hay bất kỳ hình phạt pháp lý nào khác được áp đặt đối với người được cấp giấy phép hay không.

(5) Nếu thích hợp, bằng chứng về các thủ tục xóa án tích theo mục 1203.4 của Bộ luật Hình sự.

(6) Bằng chứng, nếu có, của việc phục hồi do người được cấp phép đệ trình.

(c) Khi xem xét một đơn xin phục hồi giấy phép, hội đồng phải đánh giá các bằng chứng về việc phục hồi do người thỉnh cầu đệ trình, xem xét cả các tiêu chí phục hồi được quy định trong tiểu mục (b).

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Khoản 1.5 (Mục 475 và phần tiếp theo), 7321, 7321.5, 7324, 7326, 7330, 7333 và 7404 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

972. Hướng dẫn Kỷ luật

Khi đưa ra quyết định cho một hành động kỷ luật theo Đạo luật Thủ tục Hành chính (Bộ luật Chính phủ, Mục 11400 và phần tiếp theo), hội đồng phải xem xét các hướng dẫn kỷ luật nhan đề “Hướng dẫn Kỷ Luật” (Ấn bản tháng 10 năm 2010) được đưa vào theo đây để tham chiếu. Sự khác lệch so với các hướng dẫn này, bao gồm các điều khoản thử thách tiêu chuẩn, cũng thích hợp khi hội đồng xác định, tùy theo phán quyết của mình, rằng các sự kiện về một vụ việc cụ thể chứng minh cho sự khác lệch đó - chẳng hạn như: khi



có các tình tiết giảm nhẹ; thời gian của vụ việc; các vấn đề về bằng chứng.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp; và Mục 7403 và 7404 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

973. Cơ sở cho việc Đình chỉ Tức thời

Chiếu theo Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp mục 7403.2, một đại diện của hội đồng phải yêu cầu cán bộ điều hành của hội đồng hoặc người được ủy quyền của người đó, một lệnh đình chỉ giấy phép tạm thời ngay lập tức và đặt giấy phép đó vào tình trạng thử thách dựa trên căn cứ người được cấp phép có một trong bất kỳ các điều kiện sau đây tại cơ sở hoặc trường được cấp phép:

(a) Bồn ngâm chân, chậu, hoặc bồn dùng trong chăm sóc chân không sạch khi nhìn bằng mắt thường.

(b) Bồn ngâm chân dùng trong chăm sóc chân được phát hiện có cặn bẩn khi tháo gỡ tấm chắn, vòi phun, bệ đặt chân, hay bánh đẩy.

(c) Các chất làm sạch không phù hợp cho việc khử trùng và vệ sinh đúng cách các thiết bị chăm sóc móng tay và/hoặc chăm sóc móng chân được tìm thấy tại chỗ trong cơ sở.

(d) Không có nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân;

(e) Có lịch sử lặp lại các vi phạm về sức khỏe và an toàn liên quan đến thiết bị chăm sóc móng tay hoặc móng chân; hoặc

(f) Các dụng cụ chăm sóc móng tay và/hoặc móng chân không sạch khi nhìn bằng mắt thường.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7403.2 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

973.1. Thủ tục Ban hành Đình chỉ Tức thời

Cán bộ điều hành của hội đồng hoặc người được ủy quyền của người đó sẽ đưa ra ý kiến dựa trên việc thanh tra do một đại diện hội đồng tiến hành. Người đại diện đó phải chuyển các bằng chứng hình ảnh tới cán bộ điều hành hoặc người được ủy quyền của người đó bằng các phương tiện chuyển giao điện tử tức thời. Dựa trên việc nhận được các bằng chứng hình ảnh này, cán bộ điều hành hoặc người được ủy quyền của người đó sẽ đưa ra quyết định nếu cần phải hành động để bảo vệ sức khỏe và an toàn của công chúng. Cán bộ điều hành hoặc người được ủy quyền của người đó sẽ ban hành một thông báo bằng văn bản về việc đình chỉ tức thời.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7403.2 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

973.2. Nội dung của Thông báo Đình chỉ Tức thời

Thông báo đình chỉ tức thời phải bao gồm tất cả những điều sau:

(a) Một tuyên bố mô tả cụ thể tính chất của vi phạm, bao gồm một tham chiếu đến điều khoản cụ thể đã bị vi phạm.



- (b) Một tuyên bố rằng việc đình chỉ sẽ được thi hành ngay lập tức và giấy phép đó sẽ bị thử thách trong một năm;
- (c) Ngày có hiệu lực của thử thách; và
- (d) Một bản mô tả quy trình khiếu nại.

*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7403.2 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*

973.3. Điều khoản và Điều kiện của Thử thách

Một người được cấp phép đã bị đình chỉ tức thời và được đặt vào tình trạng thử thách chiếu theo Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp mục 7403.2 và mục quy định 973, phải tuân thủ các điều khoản và điều kiện sau:

(a) Một người được cấp phép đang bị thử thách phải đệ trình lên hội đồng một báo cáo hàng tháng cho thấy những điều sau, và được ký tên xác nhận sẽ chịu hình phạt nếu khai man:

(1) Một bản sao của tất cả các nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân; và

(2) Bằng chứng, nếu có, về việc hoàn thành khóa đào tạo sửa chữa do hội đồng phê duyệt như định nghĩa của mục quy định 973.4.

(b) Một cơ sở của một người được cấp phép đang bị đặt vào tình trạng thử thách sẽ được thanh tra hàng quý và có thể được thanh tra thường xuyên hơn. Chủ cơ sở có trách nhiệm chi trả tất cả các khoản lệ phí cần thiết để bù đắp chi phí cho việc thanh tra. Phí thanh tra sẽ là 42\$ cho mỗi quầy làm việc tại cơ sở. Quầy làm việc là một quầy làm móng chân hoặc một quầy làm móng tay.

(c) Một người được cấp phép đang bị thử thách phải thanh toán tất cả các khoản phạt hành chính. Trong trường hợp khó khăn kinh tế, người được cấp phép có thể yêu cầu một kế hoạch chi trả do hội đồng thiết lập.

(d) Một người được cấp phép đang bị đình chỉ và đặt trong tình trạng thử thách theo mục 7403.2 của Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp phải hoàn thành một khóa đào tạo sửa chữa 8 giờ do hội đồng phê duyệt.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp; và Mục 7403.2 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

973.4. Định nghĩa Đào tạo Sửa chữa

Đào tạo sửa chữa phải là một khóa hướng dẫn do hội đồng phê duyệt tập trung vào việc khử trùng và vệ sinh các thiết bị chăm sóc móng tay và móng chân. Khóa đào tạo sửa chữa phải đặc biệt đề cập đến các luật lệ và quy định về sức khỏe và an toàn của hội đồng.

*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7403.2 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*

973.5. Phê duyệt Khóa Đào tạo Sửa chữa

(a) Để một khóa đào tạo sửa chữa được hội đồng phê duyệt, người cung cấp phải hoàn tất một đơn xin phê duyệt khóa học trong đó cung cấp cho



hội đồng các thông tin sau đây:

(1) Mô tả nội dung khóa học. Nội dung khóa học phải có liên quan đến các luật lệ và quy định về sức khỏe và an toàn của hội đồng. Khóa học phải tập trung vào sự an toàn và vệ sinh của các thiết bị chăm sóc móng tay và móng chân.

(2) Phương pháp hướng dẫn của khóa học được cung cấp. Phương pháp giảng dạy cho mỗi khóa học phải được mô tả, ví dụ như bài giảng, hội nghị chuyên đề, nghe nhìn, v.v...

(3) Bằng chứng cho thấy người hướng dẫn có đủ tiêu chuẩn để giảng dạy nội dung khóa học được chỉ định dựa trên phẩm chất về giáo dục, đào tạo và kinh nghiệm trước đây của họ. Một bản lý lịch của mỗi người hướng dẫn phải được chuyển đến cùng với đơn xin phê duyệt.

(4) Đơn xin phê duyệt khóa học phải nêu rõ tên của người cung cấp và địa điểm nơi sẽ thực hiện hướng dẫn.

(b) Bất kỳ chỉnh sửa hay thay đổi nào sau đó đối với khóa đào tạo sửa chữa đã được phê duyệt cũng phải đáp ứng các yêu cầu được quy định trong mục này và phải được hội đồng chấp thuận.

(c) Hội đồng sẽ rút lại phê duyệt của bất kỳ khóa học nào nếu không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của mục này. Việc rút lại phê duyệt sẽ được tiếp tục cho tới khi người cung cấp khóa đào tạo đáp ứng các yêu cầu của mục này và có được văn bản chấp thuận của hội đồng.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7403.2, Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

973.6. Quy trình Khiếu nại

(a) Một người được cấp phép đã nhận được quyết định đình chỉ tức thời và bị đặt vào tình trạng thử thách có thể thông báo bằng văn bản đến hội đồng về yêu cầu điều trần xem xét không chính thức trước ủy ban xem xét kỷ luật của hội đồng, trong vòng 30 ngày niên lịch kể từ ngày thông báo đình chỉ được gửi đi.

(b) Khi nhận được yêu cầu đúng thời hạn, hội đồng sẽ sắp xếp một buổi điều trần được tổ chức tại Nam hoặc Bắc California, tùy nơi nào gần nhất với người được cấp phép đang bị đình chỉ/thử thách. Các yêu cầu khiếu nại theo mục này sẽ được giải trình tại buổi điều trần xem xét kỷ luật định kỳ theo lịch trình kế tiếp.

(c) Thành viên Hội đồng, ít nhất 30 ngày niên lịch trước ngày điều trần, phải gửi thông báo bằng văn bản đến người được cấp phép đang bị thử thách về ngày, giờ và địa điểm của buổi điều trần. Để đẩy nhanh việc sắp xếp một buổi điều trần xem xét kỷ luật, một người được cấp phép đang bị thử thách có thể khước từ thông báo 30 ngày bằng cách đồng ý làm như vậy bằng văn bản.

(d) Người được cấp phép đang bị thử thách phải xuất hiện tại phiên điều trần và có thể đi cùng cố vấn pháp lý hoặc người đại diện được ủy quyền tới buổi điều trần. Người được cấp phép đang bị thử thách có thể trình bày các thông tin bằng văn bản và/hoặc lời khai bằng miệng tới ủy ban xem xét kỷ luật. Người được cấp phép đang bị thử thách có thể tranh luận hoặc khiếu nại về bất kỳ khía cạnh nào sau đây của giấy phép bị đình chỉ/thử thách tức thời:



- (1) Sự cố dẫn đến vi phạm Đạo luật Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ hoặc các quy định được hội đồng thông qua;
 (2) Thời hạn sửa chữa, nếu có; hoặc
 (3) Số tiền phạt.

(e) Ủy ban xem xét kỷ luật có thể xác nhận, điều chỉnh, hoặc bãi bỏ lệnh đình chỉ tức thời và cưỡng chế thử thách. Một quyết định bằng văn bản dựa trên kết quả cứ liệu thực tế và các kết luận pháp lý sẽ được gửi đến người được cấp phép đang bị đình chỉ/thử thách và cố vấn pháp lý của người đó, nếu có, trong vòng 30 ngày kể từ ngày điều trần xem xét kỷ luật. Bất kỳ một điều chỉnh nào đối với lệnh đình chỉ và thử thách tức thời được thực hiện bởi ủy ban xem xét kỷ luật cũng sẽ là quyết định cuối cùng của ủy ban và chỉ được khiếu nại theo quy định trong tiểu khoản (h) của mục này

(f) Trong trường hợp ủy ban xem xét kỷ luật xác định không có cứ liệu thực tế nào để xác nhận việc đình chỉ và thử thách tức thời giấy phép đó, ủy ban xem xét kỷ luật phải hủy bỏ lệnh đình chỉ tức thời và cưỡng chế thử thách. Một quyết định bãi bỏ sẽ có hiệu lực ngay lập tức vào cuối buổi điều trần. Quyết định này sẽ được xem là cuối cùng.

(g) Nếu người được cấp phép đang bị đình chỉ/thử thách không xuất hiện tại phiên điều trần xem xét kỷ luật và không đưa ra được lý do chính đáng cho việc vắng mặt, như định nghĩa trong mục 975 đối với việc không xuất hiện, giấy phép bị đình chỉ/thử thách sẽ trở thành phán quyết cuối cùng và có hiệu lực vào thời điểm ban hành. Sẽ không có bất cứ khiếu nại hành chính nào.

(h) Nếu ủy ban xem xét kỷ luật xác nhận hoặc điều chỉnh lệnh đình chỉ tức thời và cưỡng chế thử thách, người được cấp phép có thể yêu cầu bằng văn bản một phiên điều trần trước một thẩm phán luật hành chính theo mục 7411 của Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Nếu ủy ban xem xét kỷ luật hủy bỏ lệnh đình chỉ tức thời và cưỡng chế thử thách, bất kỳ yêu cầu nào trước một thẩm phán luật hành chính cũng sẽ được xem như đã rút lại.

(i) Hội đồng sẽ thông báo bằng văn bản tới từng người được cấp phép bị đình chỉ tức thời và cưỡng chế thử thách khi thời hạn thử thách chấm dứt.

*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
 Tham chiếu: Mục 7403.2 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*

Điều 11. Các Khoản phạt Hành chính và Trát Hưu tòa

974. Biểu phí Các Khoản phạt Hành chính

(a) Một khoản phạt hành chính có thể được ước định cho các vi phạm đối với các mục quy định của Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp và Khoản 9, Tiêu đề 16 Bộ luật Quy chế Tiểu bang California như sau (bảng đô-la):



Mục	Vi phạm			Có thể Miễn trừ
	Lần 1	Lần 2	Lần 3	
7313. Tiếp cận Cơ sở để Thanh tra	250	500	750	Không
7317. Cơ sở Không có Giấy phép	500	1.000	1.000	Không
7317. Cá nhân Không có Giấy phép	1.000	1.000	1.000	Không
7317. Giấy phép Cơ sở Hết hạn	250	300	500	Không
7317. Giấy phép Cá nhân Hết hạn	250	300	500	Không
7317. Cá nhân Làm việc trong một Cơ sở có Giấy phép Hết hạn	25	50	100	Không
7317. Cá nhân Làm việc trong một Cơ sở Không có Giấy phép	250	300	500	Không
7320. Hành nghề Y khoa	1.000	1.000	1.000	Không
7320.1. Sử dụng Các Dụng cụ Kim loại Phi pháp	250	500	500	Không
7320.2. Các Phương pháp Điều trị Phi pháp	500	500	500	Không
7336. Không Giám sát Người học việc	100	150	200	Không
7348. Không có Người được Cấp phép Phụ trách Cơ sở	100	150	200	Không
7349. Thuê Người Không có Giấy phép	1.000	1.000	1.000	Không
7349.1. Sử dụng Cột biển hiệu Thợ làm tóc Phi pháp	25	50	100	Không
7350. Cơ sở – Sử dụng cho Cư trú/Lối vào/Sử dụng Bị cấm	50	100	150	Không
7351. Yêu cầu về Phòng vệ sinh – Sạch sẽ/Bảo quản/Sàn nhà/Thông khí	50	100	150	Không
7352. Không có Xà phòng/Khăn hoặc Máy sấy tay trong Các Tiện nghi Rửa tay	50	100	150	Không
7358. Không có Người được Cấp phép Phụ trách Đơn vị Lưu động	100	150	200	Không
7359. Thuê Người Không có Giấy phép trong Đơn vị Lưu động	1.000	1.000	1.000	Không
7360. Đơn vị Lưu động – Sử dụng cho Cư trú/Bị cấm	50	100	150	Không
7400. Không nộp Thông báo Thay đổi Địa chỉ	50	100	150	Không
7404(l). Cản trở Thanh tra	200	300	500	Không



904(d). Không có sẵn Giấy tờ Nhận dạng Có dán ảnh	50	100	150	Không
905. Thông tin Khách hàng Không Niêm yết/ Kích thước In Sai (Sức khỏe & An toàn)	50	100	150	Không
920. Hồ sơ Đào tạo Người học nghề Không có sẵn/Không hoàn chỉnh	100	150	200	Không
965. Trưng bày Giấy phép	50	100	150	Không
978(a)(1), (a)(2),(a)(3),(a)(4). Tủ đựng Hộp đựng	50	100	150	Không
978(a)(5). Chất khử trùng trong Hộp chứa Không đủ để Nhúng ngập Hoàn toàn	100	150	200	Không
978(a)(6). Không có Máy tiệt trùng bằng Hơi nước/Nhiệt khô cho Các Dụng cụ Điện	500	1.000	1.500	Không
978(b). Không có sẵn Dung dịch Khử trùng Để sử dụng	250	300	500	Không
978(c). Hộp đựng Chất khử trùng Không có Nhãn của Nhà sản xuất	250	300	500	Không
979. Khử trùng các Dụng cụ và Thiết bị Không dùng điện	100	250	500	Không
980(a). Khử trùng Các Thiết bị Điện Sai cách	100	250	500	Không
980(b). Bảo quản Sai cách Các Thiết bị Điện Đã được Khử Trùng	50	100	150	Không
980(c). Bảo quản Sai cách Các Dụng cụ Điện Bị bẩn	50	100	150	Không
980.1. Khử trùng Sai cách Bồn Làm móng chân (Mỗi Ghế)	500	500	500	Không
980.1(c)(7). 980.1(d)(8). Nhật ký Sai/Thiếu 980.1(e)(4).	100	150	200	Không
980.1(g). Không Liệt kê Ghế "Không Phục vụ" trong Nhật ký; Không có Ký hiệu Trên Ghế	50	100	150	Không
980.2. Khử trùng Sai cách Bồn ngâm chân "Không ống" (Mỗi Bồn)	500	500	500	Không
980.2(b)(7). 980.2(c)(6). Nhật ký Sai/Thiếu 980.2(d)(3).	100	150	200	Không
980.2(f). Không liệt kê Ghế "Không Phục vụ" trong Nhật ký; Không có Ký hiệu Trên Ghế	50	100	150	Không
980.3. Khử trùng Sai cách "Bồn ngâm chân Không có Xoáy nước" (Mỗi Bồn)	100	150	200	Không
980.3(b)(6). Nhật ký Sai/Thiếu	50	100	150	Không



980.3(e). Bảo quản Sai cách Bồn hoặc Chậu	50	100	150	Không
980.4. Khử trùng Sai cách Bồn hoặc Chậu ngâm chân Sau khi Sử dụng Tắm lót Dùng một lần	500	500	500	Không
980.4(a)(2). Nhật ký Sai/Thiếu	50	100	150	Không
980.4(a)(4). Không Dự trữ Sẵn Năm (5) Tắm lót Dùng một lần cho mỗi Bồn, Chậu ngâm chân	250	300	500	Không
981(a). Không vứt bỏ Vật dụng Không được Khử trùng	100	150	200	Không
981(b). Bảo quản Không đúng cách Vật dụng Mới và Dụng cụ Dùng một lần	50	100	150	Không
981(c). Mang Dụng cụ hoặc Vật dụng trong hoặc trên Quần áo	50	100	150	Không
982. Tiệt trùng Dụng cụ Điện Sai cách	100	150	200	Không
983. Tình trạng Sạch sẽ Cá nhân	50	100	150	Không
984. Làm việc trên Người Mắc bệnh Truyền nhiễm/Dễ lây lan	100	250	500	Không
985. Không sử dụng Khăn lót cổ hoặc Khăn	50	100	150	Không
986. Chổi Quét bụi cho Cỗ/Cọ Không Sạch sẽ hoặc Vệ sinh	50	100	150	Không
987. Khăn	50	100	150	Không
988. Dung dịch, Kem, Phấn và Mỹ phẩm	50	100	150	Không
989. Chất Độc hại/Sử dụng Sản phẩm Bị cấm	500	500	500	Không
990. Gối tựa đầu và Bàn trị liệu	50	100	150	Không
991. Thực hiện Các Thủ thuật Xâm lấn	500	500	500	Không
992. Thực hiện Lột tẩy Xâm lấn Da/Hạ bì	500	500	500	Không
993. Các Dụng cụ Bị cấm	300	400	500	Không
994. Tình trạng Sạch sẽ và Giữ gìn tốt	50	100	150	Không
995(b),(c),(d),(e). Tiêu chuẩn Hệ thống Dẫn nước	50	100	150	Không

(b) Một vi phạm được coi là không thể miễn trừ trong tiểu khoản (a) nghĩa là Hội đồng, tùy theo quyết định của mình, xác định hành vi vi phạm đó là không thể sửa chữa chiếu theo Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp, Mục 7407, và do đó, khoản phạt cho việc vi phạm lần đầu có thể không được miễn trừ theo quy định trong Mục 7409 của Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, 7406 và 7407 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7406, 7407 và 7409 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.



974.1. Ủy ban Xem xét Kỷ luật

(a) Ủy ban xem xét kỷ luật của Hội đồng phải bao gồm ba (3) thành viên của hội đồng.

(b) Chủ tịch Hội đồng, tùy theo quyết định của mình, có thể chỉ định nhiều ủy ban xem xét kỷ luật.

(c) Chủ tịch Hội đồng sẽ chỉ định các thành viên của ủy ban xem xét kỷ luật hàng năm; việc chỉ định sẽ được tiến hành đồng thời với việc bầu chọn Chủ tịch Hội đồng hàng năm.

(d) Chủ tịch Hội đồng phải lựa chọn thời gian và địa điểm cho các phiên điều trần xem xét trát hầu tòa không chính thức được tổ chức trước ủy ban xem xét kỷ luật.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7410 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7410 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

974.2. Kháng cáo lên Ủy ban Xem xét Kỷ luật

(a) Ngoài việc yêu cầu một phiên điều trần theo quy định trong Mục 7411 của Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp, người được gọi hầu tòa có thể, trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày có thông báo vi phạm hoặc ban hành trát hầu tòa, thông báo cho Hội đồng bằng văn bản về yêu cầu điều trần xem xét trát hầu tòa không chính thức trước ủy ban xem xét kỷ luật của người đó.

(b) Khi nhận được yêu cầu bằng văn bản đúng thời hạn, thành viên hội đồng phải sắp xếp cho người được gọi hầu tòa buổi điều trần kế tiếp được tổ chức tại khu vực lân cận địa chỉ của người đó ít nhất bốn mươi lăm (45) ngày sau khi hội đồng nhận được yêu cầu điều trần. Thành viên hội đồng sẽ, ít nhất 30 ngày niên lịch trước ngày điều trần, gửi thông báo bằng văn bản đến người được gọi hầu tòa về ngày, giờ và địa điểm của phiên điều trần.

(c) Người được gọi hầu tòa phải xuất hiện và có thể đi cùng cố vấn pháp lý hoặc người đại diện được ủy quyền tới phiên điều trần và có thể trình bày các thông tin bằng văn bản và/hoặc lời khai bằng miệng tới ủy ban xem xét kỷ luật.

(d) Người được gọi hầu tòa có thể tranh luận hoặc khiếu nại các khía cạnh sau của trát hầu tòa hoặc thông báo vi phạm:

(1) Sự cố dẫn đến vi phạm Đạo luật Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ hoặc các quy định được hội đồng thông qua;

(2) Thời hạn sửa chữa, nếu có; và/hoặc

(3) Số tiền phạt.

(e) Vào cuối buổi điều trần xem xét trát hầu tòa không chính thức, ủy ban xem xét kỷ luật có thể chọn tiếp tục điều trần hoặc để mở hồ sơ cho người được gọi hầu tòa cung cấp thêm thông tin cho ủy ban. Nếu ủy ban xem xét kỷ luật chọn tiếp tục điều trần, buổi điều trần sẽ được tiếp tục tại buổi điều trần theo lịch trình kế tiếp ở khu vực lân cận địa chỉ của người được gọi hầu tòa. Thành viên hội đồng phải thông báo cho người được gọi hầu tòa về ngày giờ và địa điểm của phiên điều trần kế tiếp theo tiểu mục (b).



Nếu ủy ban xem xét kỷ luật chọn để mở hồ sơ cho phép đệ trình thêm thông tin bằng văn bản, người được gọi hầu tòa phải cung cấp thêm thông tin bằng văn bản tới cùng một ủy ban xem xét kỷ luật trước khi diễn ra buổi họp theo lịch trình kế tiếp và ủy ban sẽ đóng hồ sơ và xem xét vấn đề tại buổi họp theo lịch trình kế tiếp.

(f) Hội đồng có thể xác nhận, điều chỉnh hoặc bãi bỏ trát hầu tòa, bao gồm bất kỳ khoản phạt nào. Trong bất cứ trường hợp nào, các vi phạm được ghi trên trát hầu tòa hoặc thông báo vi phạm hay các khoản phạt hành chính đều không được tăng lên. Ủy ban xem xét kỷ luật có thể cân nhắc đến lịch sử các vi phạm trước đây có cùng hoặc tương tự bản chất khi đưa ra quyết định của mình về vấn đề đó. Một quyết định bằng văn bản dựa trên các kết quả cứ liệu thực tế sẽ được gửi đến người được gọi hầu tòa và cố vấn pháp lý của người đó, nếu có, trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày điều trần xem xét trát hầu tòa không chính thức. Ngày có hiệu lực của quyết định sẽ là ba mươi (30) ngày sau khi quyết định được gửi đến người được gọi hầu tòa, và ngày có hiệu lực phải được ghi trên quyết định. Quyết định này sẽ được xem là lệnh án cuối cùng liên quan đến trát hầu tòa được ban hành, bao gồm cả mức phạt phải thu.

(g) Nếu người được gọi hầu tòa không xuất hiện tại buổi điều trần xem xét trát hầu tòa không chính thức và không đưa ra lý do chính đáng, như định nghĩa trong Mục 975 về việc không xuất hiện, khoản phạt hành chính sẽ trở thành cuối cùng và sẽ không có bất kỳ khiếu nại hành chính nào ngoại trừ được quy định khác bởi pháp luật.

(h) Nếu ủy ban xem xét kỷ luật xác nhận hoặc điều chỉnh trát hầu tòa hoặc thông báo vi phạm, bao gồm bất kỳ khoản phạt nào, thì người được gọi hầu tòa có thể, trước ngày có hiệu lực của quyết định của ủy ban xem xét kỷ luật, yêu cầu bằng văn bản một phiên điều trần trước một thẩm phán luật hành chính chiếu theo Mục 7411 của Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Nếu ủy ban xem xét kỷ luật bãi bỏ toàn bộ trát hầu tòa hay thông báo vi phạm, bất kỳ yêu cầu điều trần trước thẩm phán luật hành chính nào cũng sẽ được xem như đã rút lại.

*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7410, 7412 và 7413 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*

975. Lý do Chính đáng cho việc Không Xuất hiện tại Phiên điều trần

Hội đồng định nghĩa “lý do chính đáng” theo mục đích của Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp Mục 7313 như sau: Bệnh tật cá nhân, tai nạn xe cộ, tử vong hoặc bệnh nặng trong gia đình trực hệ hoặc các khó khăn to lớn về thể chất hoặc tinh thần khác. Bất kỳ điều kiện nào được hội đồng xem là lý do chính đáng đều phải được chứng nhận bằng văn bản (ví dụ, thư xác nhận của bác sĩ, báo cáo tai nạn chính thức, cáo phó).

*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7413 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*



976. Trát hấu tòa; Hoạt động Không được Cấp phép

Một trát hấu tòa bao gồm một lệnh hủy hoặc lệnh yêu cầu thanh toán khoản phạt hành chính có thể được áp đặt lên một người, một công ty, hoặc tổ chức tham gia hành nghề làm tóc, thẩm mỹ hoặc bất kỳ phân ngành nào của nó, hoặc điện phân để được trả công mà không có giấy phép hợp lệ, còn hạn do hội đồng cấp. Tất cả những trát hấu tòa được ban hành theo mục này phải đáp ứng các yêu cầu của Mục 125.9 của Bộ luật.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 125.9, 148 và 7317 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

Điều 12. Sức khỏe và An toàn

977. Các Định nghĩa về Sức khỏe và An toàn

Những từ và thuật ngữ sau đây, khi được sử dụng trong điều luật này, sẽ có ý nghĩa như sau:

Nồi hấp Tiệt trùng—Một thiết bị được dùng để tiệt trùng các dụng cụ, thiết bị và vật dụng bằng cách đặt chúng trong hơi nước bão hòa với áp lực cao.

Sản phẩm Không kê toa—Các sản phẩm thẩm mỹ, làm tóc hoặc điện phân có bán sẵn cho công chúng mà không cần toa của bác sĩ.

Mỹ phẩm—Các chất được dùng để nâng cao ngoại hình của cơ thể con người.

Bị nhiễm bẩn—Sự hiện diện của máu hoặc những thứ có khả năng truyền nhiễm khác trên bề mặt của một vật dụng hoặc các cận bẩn có thể nhìn thấy như bụi, tóc và da.

Hạ bì—Lớp da ở sát dưới biểu bì; lớp da sống.

Khử trùng hoặc Việc khử trùng—Việc sử dụng hóa chất để tiêu diệt các vi khuẩn có hại, vi-rút và các mầm bệnh trên đồ dùng hoặc dụng cụ, làm cho chúng an toàn để sử dụng.

Thuốc khử trùng—Một sản phẩm đã được đăng ký với Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (EPA) chứng minh hoạt tính diệt khuẩn, diệt nấm và diệt vi-rút. Các sản phẩm được sử dụng phải có nhãn của nhà sản xuất nêu rõ việc đăng ký EPA và phải ở dạng dung dịch để khử trùng các dụng cụ không dùng điện và ở dạng xịt hoặc lau để khử trùng các dụng cụ điện và kéo.

Máy Tiệt trùng Nhiệt khô—Một thiết bị được dùng để khử trùng các thiết bị và vật dụng bằng cách sử dụng không khí nóng mà gần như hoặc hoàn toàn không có hơi nước.

Biểu bì—Lớp da ngoài cùng; lớp da phi sinh.



Dụng cụ Điện—Tất cả các dụng cụ dùng để làm tóc, thẩm mỹ và đốt điện phân mà cần phải có điện để hoạt động bằng các phương tiện như dây điện, bộ sạc không dây, hoặc pin. Các dụng cụ này bao gồm, nhưng không giới hạn, tông đơ cắt tóc, máy sấy tóc, máy uốn tóc và máy ép tóc.

Bồn Ngâm chân—Trên một ghế spa có bồn ngâm chân, chậu không nắp có chứa đầy nước và bàn chân của khách hàng được đặt trong đó suốt quá trình làm móng chân.

Dụng cụ Tạo kiểu Nóng—Các dụng cụ sử dụng nhiệt để tạo kiểu tóc.

Dụng cụ Không dùng Điện—Tất cả các dụng cụ dùng để làm tóc, thẩm mỹ và điện phân mà không sử dụng bất kỳ hình thức điện nào để hoạt động. Các dụng cụ này bao gồm, nhưng không giới hạn, kéo, dao cạo, kim cắt da, sùi da, đồ bấm móng, giũa kim loại, đồ chà móng bằng kim loại, lược và kẹp tóc.

Độc—Một chất có thể gây ra bệnh tật hoặc tử vong bằng cách đi vào hoặc chạm vào cơ thể.

Vệ sinh—Tình trạng sạch sẽ, khỏe mạnh.

Bẩn—Dơ; không sạch.

Tiệt trùng hoặc Việc tiệt trùng—Quá trình loại bỏ hoặc giết chết tất cả các hình thái sống của vi sinh vật, bao gồm cả các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm (như nấm, vi khuẩn, vi-rút và các hình thái bào tử) bằng cách sử dụng một nồi hấp tiệt trùng hoặc máy tiệt trùng nhiệt khô.

Chậu—Một bồn độc lập, không nắp, có chứa đầy nước và bàn chân của khách hàng được đặt trong đó suốt quá trình làm móng chân.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7312(e) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

978. Thiết bị và Vật dụng Tối thiểu

(a) Các cơ sở và trường học phải có và duy trì các thiết bị và vật dụng tối thiểu sau:

(1) Nếu dịch vụ làm tóc được thực hiện, mỗi cơ sở phải có ít nhất một thùng rác có nắp đậy để chứa tóc bỏ đi. Tóc phải được vứt trong một thùng rác có nắp đậy.

(2) Các thùng chứa kín để đựng tất cả các khăn, áo choàng, áo khoác, tấm trải và tấm phủ bẩn trong bất kỳ khu vực khép kín nào mà công chúng thường hay lui tới.

(3) Tủ, ngăn kéo hay thùng chứa kín và sạch để đựng tất cả các dụng cụ không dùng điện, khăn, áo choàng, áo khoác, đồ tắm trải và tấm phủ sạch.

(4) Bình chứa dung dịch khử trùng cho các dụng cụ và thiết bị cần khử trùng. Bình chứa phải được dán nhãn “Dung dịch Khử trùng”.



(5) Mỗi bình chứa được nêu trong (4) phải chứa đủ dung dịch khử trùng để có thể nhúng ngập hoàn toàn các dụng cụ.

(6) Nếu thực hiện điện phân, cần phải có một nổi hấp tiệt trùng hoặc máy tiệt trùng nhiệt khô đáp ứng yêu cầu của Mục 982.

(b) Các cơ sở và trường học phải có dung dịch khử trùng được pha theo hướng dẫn của nhà sản xuất, có sẵn để sử dụng vào mọi lúc.

(c) Một bình chứa có dán nhãn của nhà sản xuất cho chất khử trùng được sử dụng phải luôn có sẵn trong cơ sở hoặc trường học. Trong trường hợp lượng chất khử trùng còn lại cuối cùng đã được dùng hết thì phải còn bình chứa rỗng có dán nhãn của nhà sản xuất.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

Tham chiếu: Mục 7312(e) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

979. Khử trùng các Dụng cụ Không dùng Điện

(a) Trước khi sử dụng cho một khách hàng, mọi thiết bị không dùng điện có thể khử trùng, trừ kéo, phải được khử trùng theo các bước tuần tự như sau:

(1) Loại bỏ tất cả các cặn bẩn có thể nhìn thấy được.

(2) Làm sạch bằng xà phòng hoặc chất tẩy rửa và nước.

(3) Làm khô dụng cụ hoàn toàn bằng khăn giấy mới và sạch.

(4) Sau đó nhúng ngập hoàn toàn trong một chất khử trùng đã đăng ký với EPA được chứng minh có hoạt tính diệt khuẩn, diệt nấm và diệt vi-rút, sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

(5) Người được cấp phép hoặc học viên phải đeo găng tay bảo vệ hoặc sử dụng kẹp gấp khi lấy các dụng cụ ra khỏi chất khử trùng.

(b) Dung dịch khử trùng được nêu trong tiểu khoản (a) phải:

(1) Luôn luôn được đậy kín.

(2) Được thay theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc khi bị vẩn đục hoặc có chứa cặn bẩn.

(c) Tất cả các dụng cụ đã được sử dụng cho một khách hàng hoặc bị bẩn theo bất kỳ cách nào đều phải được đặt trong một hộp chứa có dán nhãn “Dơ”, “Bẩn” hoặc “Bị nhiễm bẩn”.

(d) Tất cả các dụng cụ đã được khử trùng phải được bảo quản ở một nơi sạch và kín, có dán nhãn “Sạch” hoặc “Đã khử trùng”.

(e) Các dụng cụ đã được khử trùng không được đặt trong một thùng chứa, túi hoặc hộp đựng không thể khử trùng được.

(f) Kéo phải được khử trùng theo quy trình tuần tự như sau:

(1) Loại bỏ tất cả các cặn bẩn có thể nhìn thấy được.

(2) Làm sạch bằng xà phòng hoặc chất tẩy rửa và nước.

(3) Xịt hoặc lau kéo bằng một chất khử trùng đã đăng ký với EPA được chứng minh có hoạt tính diệt khuẩn, diệt nấm và diệt vi-rút, sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.



(g) Kéo đã được khử trùng không được đặt trong một thùng chứa, túi hoặc hộp đựng không thể khử trùng được.

(h) Nếu các dụng cụ nêu trong mục này được khử trùng theo các yêu cầu được liệt kê trong Mục 982, các yêu cầu của mục này sẽ được xem là đã được đáp ứng.

*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*

980. Khử trùng các Dụng cụ Điện

(a) Tông-đơ cắt tóc và các dụng cụ điện khác phải được khử trùng trước mỗi lần sử dụng theo các bước tuần tự như sau:

(1) Đầu tiên, loại bỏ tất cả các cặn bẩn có thể nhìn thấy được.

(2) Khử trùng bằng một chất khử trùng dạng xịt hoặc lau đã đăng ký với EPA được chứng minh có hoạt tính diệt khuẩn, diệt nấm và diệt vi-rút, sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

(b) Tất cả các dụng cụ điện đã khử trùng phải được bảo quản ở một nơi sạch sẽ.

(c) Tất cả các dụng cụ điện bẩn đã được sử dụng cho một khách hàng, hoặc bị bẩn theo bất kỳ cách nào, đều phải được đặt trong một hộp chứa có dán nhãn “Dơ”, “Bẩn” hoặc “Bị nhiễm bẩn” (ngoại trừ các dụng cụ tạo kiểu nóng).

*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*

980.1. Quy trình Làm sạch và Khử trùng Bồn ngâm chân Xoáy nước và Bồn Phun khí

(a) Như được sử dụng trong mục này, “bồn ngâm chân xoáy nước” hay “spa” được định nghĩa là bất kỳ bồn nào sử dụng dòng nước luân chuyển.

(b) Một bồn ngâm chân phun khí được định nghĩa là bất kỳ bồn nào sử dụng hệ thống dòng tia khí để di chuyển dòng nước.

(c) Sau khi sử dụng cho mỗi khách hàng, mỗi bồn ngâm chân xoáy nước hay bồn phun khí phải được làm sạch và khử trùng theo các bước tuần tự như sau:

(1) Xả hết nước ra khỏi bồn.

(2) Thành bên trong của bồn phải được cọ rửa và làm sạch mọi cặn bẩn có thể nhìn thấy được bằng một bàn chải sạch, xà phòng lỏng (được dán nhãn như vậy trên sản phẩm xà phòng) và nước.

(3) Bồn spa phải được tráng rửa bằng nước.

(4) Bồn spa phải được đổ đầy lại với nước sạch.

(5) Nước trong bồn phải được khuấy đều quanh bồn trong ít nhất 10 phút với liều lượng chính xác (đọc hướng dẫn pha chế trên nhãn) dung dịch khử trùng loại dùng cho bệnh viện đã đăng ký với EPA được gắn nhãn là diệt khuẩn, diệt nấm và diệt vi-rút.



(6) Bồn spa phải được xả hết nước, tráng rửa và lau khô bằng một khăn giấy mới và sạch.

(7) Ghi chép lại quy trình này trong nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân. Nhật ký này phải bao gồm ngày giờ của từng lần làm sạch, tên viết tắt của người hoàn tất quy trình, và phải nêu rõ rằng việc làm sạch đã được thực hiện sau mỗi khách hàng.

(d) Vào cuối mỗi ngày và sau khách hàng cuối cùng, mỗi bồn ngâm chân xoáy nước hay bồn phun khí phải được làm sạch và tẩy trùng theo các bước tuần tự như sau:

(1) Tháo gỡ tấm chắn và bất kỳ các bộ phận có thể tháo lắp khác.

(2) Cọ rửa tất cả các cạnh bồn có thể nhìn thấy được khỏi tấm chắn, thành bên trong bồn, bất kỳ bộ phận có thể tháo lắp khác và khu vực phía sau chúng bằng một bàn chải sạch, xà phòng lỏng (được dán nhãn như vậy trên sản phẩm xà phòng) và nước.

(3) Lắp lại tấm chắn và các bộ phận rời khác đã được làm sạch.

(4) Đổ nước ấm và chất tẩy rửa (được dán nhãn như vậy trên sản phẩm tẩy rửa) đầy bồn và khuấy đều chất tẩy rửa quanh hệ thống bồn spa trong ít nhất 10 phút (theo hướng dẫn của nhà sản xuất spa).

(5) Xả sạch dung dịch tẩy rửa và tráng bồn.

(6) Đổ lại nước sạch đầy bồn và khuấy đều quanh bồn trong ít nhất 10 phút với liều lượng chính xác (đọc hướng dẫn pha chế trên nhãn) dung dịch khử trùng loại dùng cho bệnh viện đã đăng ký với EPA được ghi trên nhãn có hoạt tính diệt khuẩn, diệt nấm và diệt vi-rút.

(7) Xả cạn, tráng rửa và lau khô bồn bằng một khăn giấy mới và sạch và để bồn khô hoàn toàn.

(8) Ghi chép lại quy trình này trong nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân. Nhật ký này phải bao gồm ngày giờ của từng lần làm sạch, tên viết tắt của người hoàn tất quy trình, và phải nêu rõ rằng việc làm sạch đã được thực hiện vào cuối ngày.

(e) Ít nhất mỗi tuần một lần, sau khi hoàn thành các quy trình nêu trong tiểu mục (d) (1 đến 6), mỗi bồn ngâm chân xoáy nước và bồn phun khí sẽ không được xả cạn và phải tiến hành các quy trình tuần tự như sau:

(1) Không xả cạn dung dịch khử trùng. Tắt máy và để yên dung dịch khử trùng trong bồn trong ít nhất 6 giờ.

(2) Sau khi dung dịch khử trùng đã được để trong ít nhất 6 giờ, xả cạn và tráng rửa bồn bằng nước sạch.

(3) Đổ nước sạch lại đầy bồn và xối rửa hệ thống.

(4) Ghi chép lại quy trình này trong nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân. Nhật ký này phải bao gồm ngày giờ của từng lần làm sạch, tên viết tắt của người hoàn tất quy trình, và phải nêu rõ rằng việc làm sạch đã được thực hiện hàng tuần.

(f) Nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân phải luôn sẵn có khi được khách hàng hoặc người đại diện của hội đồng yêu cầu.



(g) Một bồn ngâm chân xoáy nước “Không Phục vụ” phải có một ký hiệu trên nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân, cho biết bồn đó đang không phục vụ. Bồn ngâm chân đó phải có ký hiệu “Không Phục vụ” trên ghé và được giữ trong tình trạng hợp vệ sinh.

(h) Việc vi phạm mục này có thể dẫn đến một khoản phạt hành chính và/hoặc hành động kỷ luật. Mỗi bồn ngâm chân xoáy nước hoặc bồn phun khí không tuân thủ mục này có thể dẫn đến một vi phạm riêng biệt.

*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*

980.2. Quy trình Làm sạch và Khử trùng Bồn ngâm chân Không ống

(a) Như được sử dụng trong mục này, bồn ngâm chân “không ống” được định nghĩa là bất kỳ bồn nào có bệ đặt chân, bánh đẩy, các bộ phận lắp ráp của bánh đẩy, và cánh quạt.

(b) Sau khi sử dụng cho mỗi khách hàng, mỗi bồn ngâm chân không ống phải được làm sạch và khử trùng theo các bước tuần tự như sau:

(1) Xả hết nước ra khỏi bồn spa.

(2) Tháo gỡ bệ đặt chân và bất kỳ các bộ phận có thể tháo lắp khác theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

(3) Cọ rửa tất cả các cạnh bản có thể nhìn thấy ở bánh đẩy, bệ đặt chân, thành bên trong bồn, các bộ phận khác và vùng phía sau hoặc dưới mỗi bộ phận bằng một bàn chải sạch, xà phòng lỏng (được dán nhãn như vậy trên sản phẩm xà phòng) và nước. Tráng lại bằng nước sạch.

(4) Lắp lại đúng cách bệ đặt chân và các bộ phận khác sau khi đã làm sạch.

(5) Đổ nước sạch lại đầy bồn và khuấy đều quanh bồn trong ít nhất 10 phút với liều lượng chính xác (đọc hướng dẫn pha chế trên nhãn) dung dịch khử trùng loại dùng cho bệnh viện đã đăng ký với EPA được ghi trên nhãn là diệt khuẩn, diệt nấm và diệt vi-rút.

(6) Xả cạn, tráng rửa và lau khô bồn bằng một khăn giấy mới và sạch.

(7) Ghi chép lại quy trình này trong nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân. Nhật ký này phải bao gồm ngày giờ của từng lần làm sạch, tên viết tắt của người hoàn tất quy trình, và phải nêu rõ rằng việc làm sạch đã được thực hiện sau mỗi khách hàng.

(c) Vào cuối mỗi ngày và sau khi tiến hành các quy trình nêu trong tiểu mục (b) (1 đến 7) và sau khách hàng cuối cùng, mỗi bồn ngâm chân không ống phải được làm sạch và tẩy trùng theo các bước tuần tự như sau:

(1) Đổ nước ấm và chất tẩy rửa (được dán nhãn như vậy trên sản phẩm tẩy rửa) đầy bồn và khuấy đều chất tẩy rửa quanh hệ thống spa trong ít nhất 10 phút (theo hướng dẫn của nhà sản xuất).

(2) Xả sạch dung dịch tẩy rửa và tráng bồn.

(3) Đổ nước sạch lại đầy bồn và khuấy đều quanh bồn trong ít nhất 10 phút với liều lượng chính xác (đọc hướng dẫn pha chế trên nhãn) dung dịch



khử trùng loại dùng cho bệnh viện đã đăng ký với EPA được ghi trên nhãn là diệt khuẩn, diệt nấm và diệt vi-rút.

(4) Xả nước, súc rửa và lau khô bồn bằng khăn giấy sạch.

(5) Để bồn khô hoàn toàn

(6) Ghi chép lại quy trình này trong nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân. Nhật ký này phải bao gồm ngày giờ của từng lần làm sạch, tên viết tắt của người hoàn tất quy trình, và phải nêu rõ rằng việc làm sạch đã được thực hiện vào cuối ngày.

(d) Ít nhất mỗi tuần một lần, sau khi hoàn thành các quy trình nêu trong tiểu mục (c) (1 đến 3), dung dịch khử trùng trong mỗi bồn ngâm chân không ống sẽ không được xả cạn và phải tiến hành các quy trình tuần tự như sau:

(1) Tắt máy và để yên dung dịch khử trùng trong bồn trong ít nhất 6 giờ.

(2) Sau khi dung dịch khử trùng đã được để trong ít nhất 6 giờ, tráng rửa và lau khô bồn bằng một khăn giấy mới và sạch.

(3) Ghi chép lại quy trình này trong nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân. Nhật ký này phải bao gồm ngày giờ của từng lần làm sạch, tên viết tắt của người hoàn tất quy trình, và phải nêu rõ rằng việc làm sạch đã được thực hiện hàng tuần.

(e) Nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân phải luôn sẵn có khi được khách hàng hoặc người đại diện của hội đồng yêu cầu.

(f) Một bồn ngâm chân không ống “Không Phục vụ” phải có một ký hiệu trên nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân cho biết bồn đó đang không phục vụ. Bồn ngâm chân đó phải có ký hiệu “Không Phục vụ” trên ghế và được giữ trong tình trạng hợp vệ sinh.

(g) Việc vi phạm mục này có thể dẫn đến một khoản phạt hành chính và/hoặc hành động kỷ luật. Mỗi bồn ngâm chân không ống không tuân thủ mục này có thể dẫn đến một vi phạm riêng biệt.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7406 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7312 (e) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

980.2. Quy trình Làm sạch và Khử trùng Bồn ngâm chân Không có Xoáy nước hoặc Chậu

(a) Như được sử dụng trong mục này, “bồn ngâm chân không có xoáy nước” hoặc “chậu” được định nghĩa là bất kỳ bồn, chậu, thau, bồn rửa, bát và tất cả các thiết bị không sử dụng điện dùng để chứa nước dùng cho bàn chân của một khách hàng trong một dịch vụ chăm sóc chân.

(b) Sau khi sử dụng cho mỗi khách hàng, mỗi bồn ngâm chân không có xoáy nước hoặc chậu phải được làm sạch và khử trùng theo các bước tuần tự như sau:

(1) Xả hết nước ra khỏi bồn ngâm chân hoặc chậu.

(2) Mặt bên trong của bồn ngâm chân hoặc chậu phải được cọ rửa và làm sạch mọi cặn bẩn có thể nhìn thấy được bằng một bàn chải sạch, xà



phòng lỏng (được dán nhãn như vậy trên sản phẩm xà phòng) và nước.

(3) Bồn ngâm chân hoặc chậu phải được tráng lại bằng nước sạch.

(4) Để nước sạch lại đầy bồn ngâm chân hoặc chậu với liều lượng chính xác (đọc hướng dẫn pha chế trên nhãn) dung dịch khử trùng loại dùng cho bệnh viện đã đăng ký với EPA được ghi trên nhãn là diệt khuẩn, diệt nấm và diệt vi-rút. Để dung dịch khử trùng trong bồn ngâm chân hoặc chậu trong ít nhất 10 phút

(5) Xả cạn, tráng rửa và lau khô bằng một khăn giấy mới và sạch.

(6) Ghi chép lại quy trình này trong nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân. Nhật ký này phải bao gồm ngày giờ của từng lần làm sạch, tên viết tắt của người hoàn tất quy trình, và phải nêu rõ rằng việc làm sạch đã được thực hiện sau mỗi khách hàng.

(c) Nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân phải luôn sẵn có khi được khách hàng hoặc người đại diện của hội đồng yêu cầu.

(d) Việc vi phạm mục này có thể dẫn đến một khoản phạt hành chính và/hoặc hành động kỷ luật. Mỗi bồn ngâm chân hoặc chậu không tuân thủ mục này có thể dẫn đến một vi phạm riêng biệt.

(e) Tất cả các bồn hoặc chậu được khử trùng phải được bảo quản ở một nơi sạch và kín, có dán nhãn “Sạch” hoặc “Đã khử trùng”.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7406 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp; và Mục 7312(e) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

980.4 Tắm lót Bồn hoặc Chậu Ngâm chân Dùng một lần

(a) Các tắm lót dùng một lần, có thể tiêu hủy, có thể tái chế được thiết kế và được sản xuất để dùng làm tắm lót cho bồn hoặc chậu ngâm chân phải được vứt bỏ ngay sau mỗi lần sử dụng và có thể không được khử trùng hoặc tái sử dụng.

(1) Sau khi vứt bỏ các tắm lót bồn làm móng chân, bồn hoặc chậu phải được cọ rửa và làm sạch các cạnh bản có thể nhìn thấy được bằng một bàn chải sạch và xà phòng lỏng (được dán nhãn như vậy trên sản phẩm xà phòng) và nước. Bồn hoặc chậu ngâm chân phải được tráng bằng nước sạch và lau khô bằng một khăn giấy mới và sạch.

(2) Ghi chép lại quy trình làm sạch trong nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân. Nhật ký này phải bao gồm ngày giờ của từng lần làm sạch, tên viết tắt của người hoàn tất quy trình, và phải nêu rõ rằng việc làm sạch đã được thực hiện sau mỗi khách hàng.

(3) Nhật ký làm sạch thiết bị chăm sóc chân phải luôn sẵn có khi được khách hàng hoặc người đại diện của hội đồng yêu cầu.

(4) Các cơ sở hoặc trường học sử dụng các tắm lót phải luôn có sẵn năm tắm lót cho mỗi bồn chậu ngâm chân để sử dụng thường xuyên.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 và 7406 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7312(e) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.



981. Dụng cụ và Vật dụng

(a) Tất cả các dụng cụ hoặc vật dụng được đưa vào tiếp xúc trực tiếp với một khách hàng và không thể được khử trùng (bao gồm, nhưng không giới hạn, móng指甲, đá bọt, que sáp, đồ tách ngón chân, găng tay, bông tẩy trang, bọt biển, que dũa phủ bột mài, và khăn lót cổ) phải được vứt bỏ vào thùng rác ngay sau khi sử dụng cho mỗi khách hàng.

(b) Các vật dụng mới và các dụng cụ dùng một lần, có thể tiêu hủy phải được bảo quản ở một nơi sạch và kín, có dán nhãn “Mới”.

(c) Không một người nào làm việc hoặc được đào tạo tại một cơ sở hoặc trường học được phép mang bất kỳ dụng cụ hay vật dụng nào trong hoặc trên quần áo hoặc đồng phục (bao gồm cả túi và bao đeo thắt lưng) khi đang hành nghề bất kỳ hoạt động nào như định nghĩa trong Mục 7316 của Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

Tham chiếu: Mục 7312(e) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

982. Khử trùng Dụng cụ Điện phân

(a) Trước khi sử dụng trên một khách hàng tại các trường học hoặc cơ sở, tất cả các dụng cụ điện phân có thể tiệt trùng, ngoại trừ kim/dây tóc dùng một lần, đã tiệt trùng trước và có thể tiêu hủy, phải được khử trùng bằng một trong những phương pháp sau đây:

(1) Làm sạch bằng xà phòng hoặc chất tẩy rửa và nước (trong đó có thể bao gồm việc sử dụng các thiết bị siêu âm) và sau đó khử trùng bằng một trong những phương pháp sau đây:

(A) Nồi hấp tiệt trùng, đã được đăng ký và liệt kê với Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA), sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

(B) Máy tiệt trùng nhiệt khô, đã được đăng ký và liệt kê với FDA, sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

(C) Các chất chỉ thị hóa học (thay đổi màu sắc) phải được sử dụng trên mỗi bao bì tiệt trùng để biểu thị quá trình tiệt trùng đã được hoàn tất.

(2) Tất cả các dụng cụ đã tiệt trùng phải giữ nguyên trong bao bì mà chúng đã được khử trùng cho đến khi sẵn sàng để sử dụng. Bao bì này phải còn nguyên vẹn và được dán nhãn “Đã Tiệt trùng” hoặc “Tiệt trùng”.

(3) Tất cả các dụng cụ đã sử dụng cho một khách hàng hoặc bị bẩn theo bất kỳ cách nào đều phải được đặt trong một hộp đựng có dán nhãn “Dơ”, “Bẩn”, hoặc “Bị nhiễm bẩn”.

(4) Thiết bị tiệt trùng phải được kiểm tra hàng tuần để đảm bảo đạt tới nhiệt độ yêu cầu như hướng dẫn của nhà sản xuất.

(b) Kim/dây tóc điện phân dùng một lần, đã tiệt trùng trước và có thể tiêu hủy phải được đặt trong một hộp chứa vật sắc nhọn chống đâm thủng ngay sau khi sử dụng, khi bị nhiễm bẩn trước lúc sử dụng, hoặc khi được mở ra



và phát hiện hư hỏng. Các hộp chứa vật sắc nhọn phải được thay khi đầy không quá ba phần tư và được xử lý như chất thải nguy hiểm sinh học.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7312(e) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

983. Tình trạng Sạch sẽ Cá nhân

(a) Trang phục của người được cấp phép hoặc học viên phục vụ khách hàng phải luôn luôn sạch sẽ.

(b) Mỗi người được cấp phép thực hiện dịch vụ phải rửa tay kỹ bằng xà phòng và nước hoặc các sản phẩm làm sạch tay gốc cồn có hiệu quả tương đương ngay trước khi phục vụ một khách hàng.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7312(e) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

984. Bệnh tật và Nhiễm Ký sinh

(a) Không một cơ sở hoặc trường học nào được cố tình cho phép một người được cấp phép hoặc một học viên đang bị nhiễm trùng hoặc nhiễm ký sinh có khả năng lây sang một khách hàng được phép phục vụ khách hàng hay được đào tạo trong cơ sở hoặc trường đó.

(b) Không một cơ sở hoặc trường học nào được cố tình yêu cầu hoặc cho phép một người được cấp phép hoặc một học viên làm việc trên một khách hàng đang bị nhiễm trùng hoặc nhiễm ký sinh có khả năng lây sang người được cấp phép hay học viên đó.

(c) Nhiễm trùng hay nhiễm ký sinh có khả năng lây giữa người được cấp phép hay học viên và khách hàng bao gồm, nhưng không giới hạn, các loại sau:

- Cảm lạnh, cảm cúm hoặc các bệnh về đường hô hấp khác đi kèm với sốt, cho tới 24 giờ sau khi đã xử lý được cơn sốt.
- Viêm họng liên cầu (“viêm họng do khuẩn liên cầu”), cho đến 24 giờ sau khi tiến hành chữa trị, và 24 giờ sau khi đã xử lý được cơn sốt.
- Viêm màng kết có mủ (“đau mắt đỏ”), cho tới khi được một bác sĩ hoặc một thầy thuốc lâm sàng có giấy phép khác kiểm tra và cho phép đi làm lại.
- Ho do khuẩn *Bordetella pertussis* (“ho gà”), cho tới năm ngày sau khi hoàn tất liệu pháp kháng sinh.
- Thủy đậu (“trái rạ”), cho tới sáu ngày sau đợt vỡ mụn nước hoặc sớm hơn nếu tất cả các tổn thương đã khô và đóng vảy.
- Quai bị, cho tới chín ngày sau đợt sưng của tuyến nước bọt mang tai.
- Lao, cho tới khi một cơ quan phụ trách y tế địa phương tuyên bố cá nhân không còn nguy cơ lây nhiễm.
- Chốc lở (nhiễm khuẩn da), cho tới 24 giờ sau khi bắt đầu điều trị.
- Chấy rận (chấy đầu), cho tới buổi sáng sau lần chữa trị đầu tiên.



- Ghê (“rận mu”), cho tới khi chữa trị hoàn tất.

(d) Các bệnh lây qua đường máu như HIV/AIDS và viêm gan B (HBV) sẽ không được xem là bệnh có khả năng truyền nhiễm hay lây lan theo mục đích của mục này.

(e) Không một người nào làm việc hoặc đào tạo tại một cơ sở hoặc trường học được thực hiện các dịch vụ trên một bề mặt da hoặc da đầu nơi vùng da đó bị viêm hoặc hở (ví dụ, bị trầy, bị đứt), hoặc nơi da bị nhiễm trùng hoặc phát ban; cũng như không một người nào làm việc hoặc được đào tạo tại cơ sở hoặc trường học được thực hiện các dịch vụ nếu da tay của người đó đang bị viêm hoặc hở, hoặc nơi da bị nhiễm trùng hoặc phát ban, mà không mang găng tay.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp; và Mục 121365, Bộ luật Sức khỏe và An toàn.

985. Khăn lót Cổ

Một tấm hoặc khăn lót cổ vệ sinh phải được sử dụng để giữ lớp bảo vệ, chẳng hạn như áo choàng của khách hàng, khỏi việc tiếp xúc trực tiếp với cổ của khách.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

986. Chổi Quét bụi cho Cổ và Cọ

(a) Trước khi sử dụng cho một khách hàng, chổi quét cổ hoặc móng và tất cả cọ làm móng khác được sử dụng trong một cơ sở hoặc trường học cho một khách hàng phải được làm sạch theo các bước tuần tự như sau:

- (1) Loại bỏ tất cả các cặn bẩn có thể nhìn thấy được.
- (2) Làm sạch bằng xà phòng hoặc chất tẩy rửa và nước.
- (3) Làm khô chổi hoặc cọ.

(4) Bảo quản tất cả chổi hoặc cọ sạch ở một nơi sạch và kín, có dán nhãn “Sạch”.

(5) Tất cả chổi hoặc cọ đã được sử dụng cho một khách hàng hoặc bị bẩn theo bất kỳ cách nào đều phải được đặt trong một hộp chứa có dán nhãn “Dơ”, “Bẩn”, hoặc “Bị nhiễm bẩn”.

(b) Trước khi sử dụng cho một khách hàng, các loại cọ sợi tự nhiên, làm mặt, acrylic, keo, móng nghệ thuật, và trang điểm được sử dụng trong một cơ sở hoặc trường học cho một khách hàng, phải được làm sạch theo các bước tuần tự như sau:

- (1) Loại bỏ tất cả các cặn bẩn có thể nhìn thấy được.

(2) Làm sạch bằng cách sử dụng các chất tẩy rửa như monomer, chất tẩy rửa dạng lỏng/xịt dành cho cọ trang điểm, cồn.

- (3) Làm khô cọ.

(4) Bảo quản tất cả cọ sạch ở một nơi sạch và kín, có dán nhãn “Sạch”.

(5) Tất cả cọ đã được sử dụng cho một khách hàng hoặc bị bẩn theo bất kỳ cách nào đều phải được đặt trong một hộp chứa có dán nhãn “Dơ”, “Bẩn”, hoặc “Bị nhiễm bẩn”.



*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*

987. Khăn

(a) Khăn, tấm phủ, áo choàng, tấm trải, hoặc áo khoác sau khi được sử dụng một lần phải được đặt trong một thùng chứa kín và không được sử dụng cho đến khi được giặt tẩy và khử trùng đúng cách.

(b) Khăn, tấm phủ, áo choàng, tấm trải và áo khoác phải được giặt bằng cách giặt thương mại thông thường hoặc bằng một quy trình giặt phi thương mại bao gồm ngâm trong nước ở nhiệt độ ít nhất 160o F trong tối thiểu 25 phút trong suốt hoạt động giặt hoặc xả. Ngoài ra, việc giặt thương mại chọn sử dụng hóa chất và nước lạnh để làm giảm sinh vật trong lúc giặt cũng có thể được chấp nhận, miễn là việc giặt đó theo hướng dẫn của nhà sản xuất dành cho máy giặt, máy sấy, chất tẩy rửa, nước trợ xả, và các phụ gia khác. Các chất giặt tẩy được sử dụng không cần phải tuyên bố kháng khuẩn.

(c) Tất cả khăn, tấm phủ, áo choàng, tấm trải và áo khoác sạch phải được bảo quản trong tủ sạch và kín hoặc thùng chứa sạch và kín.

*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*

988. Dung dịch, Kem, Phấn và Mỹ phẩm

(a) Tất cả dung dịch, kem, sáp, dầu gội, gel và các chế phẩm mỹ phẩm khác phải được giữ trong hộp chứa sạch và kín. Phấn có thể được đựng trong lọ rắc sạch.

(b) Tất cả các chai lọ và hộp chứa phải được ghi nhãn rõ ràng và chính xác để cho biết sản phẩm gì được chứa bên trong. Tất cả các chai lọ và hộp đựng có chứa các chất độc hại phải được đánh dấu bổ sung và rõ ràng như thế. Các chất độc hại được giữ nguyên trong hộp chứa có dán nhãn của nhà sản xuất không cần phải ghi nhãn bổ sung.

(c) Khi chỉ có một phần của một chế phẩm mỹ phẩm được sử dụng cho một khách hàng, nó phải được lấy ra khỏi chai hoặc hộp chứa theo cách không làm nhiễm bẩn phần còn lại.

(1) Điều khoản này không áp dụng cho các chế phẩm mỹ phẩm đã được chứng minh là không có khả năng truyền bệnh (ví dụ, sơn móng tay, dung dịch monomer cho móng giả).

(d) Mỹ phẩm bút chì phải được chuốt nhọn trước mỗi lần sử dụng.

*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*

989. Chất Độc hại/Sử dụng Sản phẩm Bị cấm

Không một cơ sở hoặc trường học nào được:

(a) Có trong khuôn viên các sản phẩm mỹ phẩm có chứa các chất độc hại bị cấm bởi FDA cho việc sử dụng trong các sản phẩm mỹ phẩm.



(b) Có trong khuôn viên chất methyl methacrylate monomer và/hoặc methylene chloride.

(c) Sử dụng một sản phẩm theo cách thức không được chấp thuận bởi FDA, Cục quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp, hoặc EPA.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

Tham chiếu: Mục 7312(e) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

990. Gối tựa đầu, Khay gội đầu, Bát, và Bàn trị liệu

(a) Gối tựa đầu của ghế phải được phủ bằng khăn hoặc tấm giấy sạch cho mỗi khách hàng.

(b) Khay gội đầu và bát phải được làm sạch bằng xà phòng và nước hoặc chất tẩy rửa khác sau mỗi lần gội đầu, được giữ gìn tốt, và trong tình trạng hợp vệ sinh vào mọi lúc.

(c) Bàn trị liệu phải được phủ bằng giấy lót bàn trị liệu sạch, khăn sạch, hoặc tấm phủ sạch sau mỗi lần sử dụng. Một chiếc khăn hoặc tấm phủ đã được sử dụng một lần phải được lấy ra ngay lập tức khỏi bàn trị liệu và đặt trong hộp kín và không được sử dụng một lần nữa cho đến khi được giặt tẩy và khử trùng đúng cách. Giấy lót bàn trị liệu phải được vứt bỏ ngay sau khi sử dụng một lần.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

Tham chiếu: Mục 7312(e) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

991. Thủ thuật Xâm lấn

(a) Không một người được cấp phép hoặc học viên nào có thể sử dụng một sản phẩm, thiết bị, máy móc, hoặc kỹ thuật khác hoặc kết hợp cùng nhau, dẫn đến việc loại bỏ, tiêu hủy, cắt rạch, hoặc xô lệch làn da của một khách hàng vượt lớp biểu bì. Bất kỳ hành động nào như vậy đều được xem là một thủ thuật xâm lấn.

(b) Các thủ thuật xâm lấn bao gồm, nhưng không giới hạn, những điều sau đây:

(1) Ứng dụng điện làm săn cơ một cách rõ rệt.

(2) Bôi thoa các loại sữa dưỡng, kem, huyết thanh, hoặc các chất dùng ngoài da khác cần có giấy phép y tế để thu mua.

(3) Xâm nhập vào da bằng kim kim loại, ngoại trừ kim/dây tóc điện phân.

(4) Mài mòn và/hoặc lột tẩy da bên dưới lớp biểu bì.

(5) Loại bỏ da bằng cách sử dụng một dụng cụ có lưỡi cạo hoặc thiết bị tương tự.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

Tham chiếu: Mục 7312(e), 7316, 7320, 7320.1 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

992. Lột tẩy Da

(a) Chỉ có lớp trên của da, được gọi là biểu bì, mới có thể được loại bỏ bằng bất kỳ phương pháp hoặc phương tiện nào, và chỉ với mục đích nâng cao vẻ ngoài của làn da.



(b) Các kỹ thuật loại bỏ da và các thủ tục dẫn đến phá hủy các mô sống ngoài lớp biểu bì của da đều bị cấm.

(c) Chỉ những sản phẩm không kê toa không được bán cho riêng bác sĩ sử dụng mới có thể được dùng với mục đích tẩy da chết.

(d) Tất cả sản phẩm tẩy da chết phải được áp dụng theo các hướng dẫn của nhà sản xuất vì sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng.

*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e), 7316, và 7320 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*

993. Các Dụng cụ Bị cấm

(a) Không một cơ sở hoặc trường học nào được có trong khuôn viên hoặc sử dụng bất kỳ dụng cụ lưỡi cạo nào cho mục đích loại bỏ vết chai hoặc các quy trình tương tự khác.

(b) Không một cơ sở hoặc trường học nào được có trong khuôn viên hoặc sử dụng bất kỳ dụng cụ tương tự như kim nào cho mục đích nặn hút mụn seọ trên da và các quy trình tương tự khác.

*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e), 7320, và 7320.1 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*

994. Tình trạng Sạch sẽ và Giữ gìn tốt

(a) Các cơ sở và trường học phải giữ cho sàn nhà, tường, đồ gỗ, trần nhà, đồ nội thất, đồ trang trí, đồ gắn cố định sạch sẽ và trong tình trạng tốt.

(b) Không một cơ sở hoặc trường học nào được phép để tích tụ các chất thải, tóc vụn, hoặc vật phế thải.

*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e) Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*

995. Tiêu chuẩn Xây dựng

(a) Các cơ sở và trường học phải có một hệ thống thông gió đầy đủ theo Phần 2, Mục 1203, Tiêu đề 24 Bộ luật Quy chế Tiểu bang California.

(b) Nguồn cung cấp nước máy nóng lạnh phải được đảm bảo theo Phần 5, Mục 601.3.1, Tiêu đề 24 Bộ luật Quy chế Tiểu bang California.

(c) Các cơ sở và trường học phải cung cấp nước uống sạch theo Phần 5, Mục 601.3.3, Tiêu đề 24 Bộ luật Quy chế Tiểu bang California.

(d) Các cơ sở và trường học phải cung cấp các tiện nghi rửa tay theo Phần 5, Mục 601.3.2, Tiêu đề 24 Bộ luật Quy chế Tiểu bang California.

(e) Các cơ sở và trường học phải cung cấp nhà vệ sinh công cộng theo Phần 5, Mục 422.6, 422.7 và Bảng số 422.1, Tiêu đề 24 Bộ luật Quy chế Tiểu bang California.

*Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.
Tham chiếu: Mục 7312(e) và 7352 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.*



998. Biểu phí

Các khoản phí sau (bằng đô-la) sẽ được thu bởi hội đồng:

(a) Chuyên viên làm tóc:

(1) Phí nộp đơn trước	9
(2) Phí nộp đơn và dự thi	75
(3) Phí xin giấy phép lần đầu	50
(4) Phí gia hạn giấy phép	50 ¹
(5) Phí nợ quá hạn đổi mới giấy phép	25 ¹

(b) Chuyên viên thẩm mỹ:

(1) Phí nộp đơn trước.	9
(2) Phí nộp đơn và dự thi	75
(3) Phí xin giấy phép lần đầu	50
(4) Phí gia hạn giấy phép	50 ¹
(5) Phí nợ quá hạn đổi mới giấy phép	25 ¹

(c) Chuyên viên chăm sóc da:

(1) Phí nộp đơn trước	9
(2) Phí nộp đơn và dự thi	75
(3) Phí xin giấy phép lần đầu	40
(4) Phí gia hạn giấy phép	50 ¹
(5) Phí nợ quá hạn đổi mới giấy phép	25 ¹

(d) Chuyên viên chăm sóc móng:

(1) Phí nộp đơn trước	9
(2) Phí nộp đơn và dự thi	75
(3) Phí xin giấy phép lần đầu	35
(4) Phí gia hạn giấy phép	50 ¹
(5) Phí nợ quá hạn đổi mới giấy phép	25 ¹

(e) Chuyên viên điện phân:

(1) Phí nộp đơn trước	9
(2) Phí nộp đơn và dự thi	75
(3) Phí xin giấy phép lần đầu	50
(4) Phí gia hạn giấy phép	50 ¹
(5) Phí nợ quá hạn đổi mới giấy phép	25 ¹

(f) Phí nộp đơn và xin giấy phép học nghề² 25

(g) Cơ sở:

(1) Phí nộp đơn và xin giấy phép lần đầu	50
(2) Phí gia hạn giấy phép	40 ¹
(3) Phí nợ quá hạn gia hạn giấy phép	20 ¹

(h) Đơn vị Lưu động:

(1) Phí nộp đơn	50
(2) Phí thanh tra và xin giấy phép lần đầu	100
(3) Phí gia hạn giấy phép	40 ¹
(4) Phí nợ quá hạn đổi mới giấy phép	20 ¹



¹ Các khoản phí có hiệu lực đối với tất cả các giấy phép hết hạn vào hoặc sau ngày 21 tháng 12 năm 2007.

² Giấy phép của người học nghề không thể được gia hạn.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312, 7337.5 (b) và 7421 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 7415, 7417, 7418, 7420, 7423, 7423.5, 7424 và 7425 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp.

Điều 13. Doanh thu

999. Phí cho Chi phiếu Bị từ chối Thanh toán

Phí cho việc hoàn trả một chi phiếu cá nhân không thanh toán sẽ là một số tiền do Bộ Sự vụ Người tiêu dùng thiết lập theo các luật lệ của Tiểu bang California. Khoản phí này được yêu cầu bên cạnh việc hoàn trả tiền chi phiếu bị từ chối thanh toán.

Ghi chú: Tài liệu trích dẫn: Mục 7312 Bộ luật Kinh doanh và Nghề nghiệp. Tham chiếu: Mục 1719 Bộ luật Dân sự; Mục 6157 Bộ luật Chính phủ.





BAN HÀNH BỞI

California Board of
Barbering and Cosmetology

P.O. Box 944226
Sacramento, CA 94244-2260
(800) 952-5210
www.barbercosmo.ca.gov

Việc bán lại 2016 Đạo luật và Quy định của Hội đồng Nghề Làm tóc và Thẩm mỹ Tiểu bang California bị nghiêm cấm; tất cả các bản sao phải được phát hành miễn phí.